

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

10



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

iii.

NGHIÊM VIỆT HẢI (Tổng Chủ biên) - ĐOÀN CHÍ KIẾN (Chủ biên)
NGÔ GIA BẮC - HOÀNG QUỐC HUY - MAI ĐỨC KIẾN
HOÀNG VIỆT LONG - ĐOÀN VĂN NGHĨA - VŨ VĂN NINH

GIÁO DỤC QUỐC MĨ HỌC QNG: 10 VÀ AN NINH

SÁCH CÁO VĂN

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

1. GV: Giáo viên
2. HS: Học sinh
3. SGK: Sách giáo khoa
4. SGV: Sách giáo viên

MỤC LỤC

	Trang
Mục lục	3
Lời nói đầu	4
Phần một. Những vấn đề chung	5
Phần hai. Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể	11
Bài 1. Lịch sử, truyền thống của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	11
Bài 2. Nội dung cơ bản một số luật về quốc phòng và an ninh Việt Nam	17
Bài 3. Ma túy, tác hại của ma túy	22
Bài 4. Phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông	30
Bài 5. Bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội	36
Bài 6. Một số hiểu biết về an ninh mạng	43
Bài 7. Thường thức phòng tránh một số loại bom, mìn, đạn, vũ khí hoá học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ	47
Bài 8. Một số nội dung Điều lệnh Quản lý bộ đội và Điều lệnh Công an nhân dân	55
Bài 9. Đội ngũ từng người không có súng	60
Bài 10. Đội ngũ tiểu đội	67
Bài 11. Các tư thế, động tác cơ bản vận động trong chiến đấu	73
Bài 12. Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	78

LỜI NÓI ĐẦU

Quý thầy cô thân mến!

Song hành cùng sách giáo khoa, **Sách giáo viên Giáo dục quốc phòng và an ninh 10** là tài liệu tham khảo cho việc xây dựng kế hoạch bài dạy môn Giáo dục quốc phòng và an ninh 10, giúp quý thầy cô thực hiện nhiệm vụ dạy học một cách thuận lợi và hiệu quả nhất. Sách được biên soạn theo sách giáo khoa Giáo dục quốc phòng và an ninh 10 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Sách giáo viên Giáo dục quốc phòng và an ninh 10 giới thiệu và hướng dẫn giáo viên triển khai các phương án dạy các bài học trong sách giáo khoa. Cuốn sách được nhóm tác giả biên soạn theo định hướng đổi mới giáo dục phổ thông với trọng tâm là chuyển nền giáo dục từ chú trọng truyền thụ kiến thức sang giúp học sinh hình thành, phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực.

Nội dung cuốn sách gồm hai phần:

Phần một: *Những vấn đề chung*. Giúp giáo viên nắm được mục tiêu về phẩm chất và năng lực cũng như nội dung chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh 10; nắm chắc những định hướng vận dụng phương pháp và phương tiện dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá đối với môn học.

Phần hai: *Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể*. Giúp giáo viên cách thức tổ chức các hoạt động dạy học tích cực với các hoạt động tương ứng trong sách giáo khoa (khởi động, khám phá, luyện tập, vận dụng) một cách khoa học, hiệu quả. Đồng thời, khuyến khích nhà trường và giáo viên có thể linh hoạt, sáng tạo vận dụng các hình thức tổ chức, phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp với năng lực, đặc điểm tâm, sinh lý học sinh và điều kiện cụ thể của nhà trường.

Hi vọng cuốn sách sẽ là tài liệu giúp nhà trường và các thầy cô giáo thực hiện hiệu quả, chất lượng môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh 10, phục vụ thiết thực cho sự nghiệp đổi mới căn bản toàn diện giáo dục nói chung, giáo dục phổ thông nói riêng.

Mặc dù tập thể tác giả và Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã dành nhiều tâm huyết cho việc biên soạn sách, song không tránh khỏi những thiếu sót. Chúng tôi rất mong được quý thầy cô giáo và bạn đọc tiếp tục đóng góp để nội dung cuốn sách ngày càng được hoàn thiện hơn trong những lần tái bản.

CÁC TÁC GIẢ

PHẦN MỘT

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

2. về phẩm chất

Chương trình môn Giáo dục quốc phòng và an ninh giúp HS phát triển các phẩm chất: yêu nước, nhân ái, trung thực, trách nhiệm; giáo dục tình yêu quê hương đất nước, tinh thần nhân ái, nhân văn, ý thức trách nhiệm của công dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm an ninh, an toàn và trật tự xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

3. về năng lực

Môn Giáo dục quốc phòng và an ninh góp phần phát triển ở HS các năng lực chung được quy định trong chương trình tổng thể là: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; đồng thời, phát triển các năng lực đặc thù như năng lực nhận thức về các vấn đề quốc phòng, an ninh, năng lực vận dụng các kiến thức, kĩ năng quân sự đã học vào cuộc sống.

Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù môn Giáo dục quốc phòng và an ninh đối với lớp 10 cụ thể như sau:

Năng lực	Yêu cầu cần đạt
Nhận thức về các vấn đề quốc phòng, an ninh	Trình bày được lịch sử, truyền thống của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước qua các thời kì lịch sử. Nêu được nội dung cơ bản của Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Công an nhân dân, Luật An ninh mạng; quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy, về trật tự an toàn giao thông. Trình bày được những kĩ năng cơ bản về điều lệnh đội ngũ từng người không có súng; các tư thế, động tác cơ bản trong chiến đấu. Nêu được các nội dung phòng chống bom, mìn, vũ khí hoá học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ.
Vận dụng các kiến thức, kĩ năng quân sự đã học vào cuộc sống	Xác định được vai trò, vị trí, nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh và trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Thực hiện được một số động tác điều lệnh đội ngũ từng người không có súng và tập hợp tổ, lớp theo các đội hình cơ bản trong sinh hoạt, học tập. Thực hành được các tư thế, động tác vận động trong chiến đấu và biết vận dụng phù hợp với các loại địa hình, địa vật và trong các tình huống diễn ra. Thực hiện được pháp luật về trật tự an toàn giao thông, phòng, chống ma túy, an ninh mạng; có kĩ năng phòng, chống thiên tai, dịch bệnh cho bản thân và cộng đồng. Thực hiện được một số kĩ năng phòng, chống bom, mìn, vũ khí hoá học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ; làm được các động tác cầm máu tạm thời, cố định xương gãy, hô hấp nhân tạo, băng bó vết thương và chuyển thương.

II. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Nội dung khái quát

Mạch nội dung môn học được cấu trúc theo 5 chủ đề: một số hiểu biết chung về quốc phòng và an ninh; điều lệnh đội ngũ; kĩ thuật chiến đấu bộ binh; chiến thuật bộ binh; một số hiểu biết về phòng thủ dân sự, kiến thức phổ thông về phòng không nhân dân.

Phân phối theo các lớp:

TT	Chủ đề	Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12	
		Bài	Tiết	Bài	Tiết	Bài	Tiết
1	Một số hiểu biết chung về quốc phòng và an ninh	6	12	5	10	5	15
2	Điều lệnh đội ngũ	3	9				
3	Kĩ thuật chiến đấu bộ binh			2	12	2	11
4	Chiến thuật bộ binh	1	3	2	6	2	5
5	Một số hiểu biết về phòng thủ dân sự, kiến thức phổ thông về phòng không nhân dân	2	7	1	3		

2. Nội dung môn Giáo dục quốc phòng và an ninh lớp 10

TT	Nội dung dạy học	Thời gian (tiết)		
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành
1	Lịch sử, truyền thống của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	2	2	
2	Nội dung cơ bản một số luật về quốc phòng và an ninh Việt Nam	2	2	
3	Ma túy, tác hại của ma túy	2	2	
4	Phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông	2	2	
5	Bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội	2	2	
6	Một số hiểu biết về an ninh mạng	2	2	
7	Thường thức phòng tránh một số loại bom, mìn, đạn, vũ khí hoá học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ	3	2	1
8	Một số nội dung Điều lệnh Quản lí bộ đội và Điều lệnh Công an nhân dân	2	2	
9	Đội ngũ từng người không có súng	4		4
10	Đội ngũ tiểu đội	3		3

TT	Nội dung dạy học	Thời gian (tiết)		
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành
11	Các tư thế, động tác cơ bản vận động trong chiến đấu	3		3
12	Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	4		4
	Kiểm tra	4	2	2
	Cộng	35	18	17

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Định hướng chung

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh vận dụng phương pháp dạy học tích cực, lấy HS làm trung tâm, nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS; tránh áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. GV đóng vai trò là người tổ chức, điều khiển, hướng dẫn hoạt động học tập cho HS; tạo môi trường sư phạm thuận lợi, kích thích HS tham gia các hoạt động khám phá, hình thành kiến thức; tự giác, chủ động luyện tập hình thành kỹ năng quân sự, tích cực vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống để phát triển phẩm chất và năng lực.

Vận dụng các phương pháp giáo dục một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng HS và điều kiện cụ thể. Phối hợp nhiều phương pháp trong một bài học, kết hợp hiệu quả giữa phương pháp dạy học truyền thống và hiện đại; tăng cường khai thác những thành tựu về khoa học và công nghệ trong giảng dạy của GV và học tập của HS.

2. Một số phương pháp dạy học cụ thể

a) *Phương pháp thảo luận nhóm*

Đặc điểm: Đây là phương pháp được sử dụng phổ biến nhằm huy động kinh nghiệm, kiến thức của HS tham gia vào giải quyết một vấn đề, tình huống về công tác quốc phòng và an ninh trong cuộc sống. Thảo luận nhóm giúp HS phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Cách thực hiện:

Chuẩn bị nội dung làm việc nhóm: Nội dung thảo luận bám sát mục tiêu bài học, phù hợp với HS và tình hình thực tiễn về công tác quốc phòng và an ninh ở địa phương, rõ ràng, ngắn gọn.

Giao nhiệm vụ nhóm: Nói rõ nhiệm vụ của nhóm (có thể ghi lên bảng, giấy), quy định thời gian thảo luận và thời gian trình bày, vị trí ngồi của các nhóm.

Chia nhóm: Tuỳ theo sĩ số của lớp để chia nhóm cho phù hợp (4 đến 10 người một nhóm), chia một cách ngẫu nhiên hoặc theo tổ, theo bàn, theo dãy.

HS làm việc nhóm: Các thành viên tham gia đóng góp ý kiến, nhóm trưởng hoặc thư kí ghi ý kiến vào giấy khổ lớn. GV theo dõi, giúp đỡ các nhóm làm việc.

Trình bày kết quả làm việc nhóm: Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, bổ sung.

GV tổng kết, bổ sung: GV tổng hợp, phân tích ý kiến của các nhóm; bổ sung, làm rõ vấn đề cần giải quyết; định hướng HS vận dụng kết quả thảo luận vào thực tiễn.

b) Phương pháp trình bày trực quan

Đặc điểm: Đây là phương pháp GV sử dụng phương tiện trực quan ở các dạng khác nhau để minh họa cụ thể hóa nội dung học tập. Trình bày các đồ dùng, phương tiện trực quan là một phương pháp được sử dụng trước, trong và sau khi giới thiệu nội dung học tập mới; trong quá trình ôn tập, củng cố kiến thức và khi kiểm tra, đánh giá kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo của người học.

Các phương tiện trực quan:

Các vật thật như: Vũ khí, trang bị,... đây là loại phương tiện tốt nhất, giúp HS tri giác chính xác nhất nội dung bài học và nhanh chóng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Các vật tạo hình như: Mô hình, tranh vẽ,... là loại phương tiện trực quan dùng để thay thế cho các sự vật, hiện tượng khi không có điều kiện tri giác trực tiếp.

Các vật tượng trưng như: Bản đồ, sơ đồ, biểu đồ, đồ thị,... là loại phương tiện trực quan mô tả sự vật, hiện tượng dưới dạng khái quát, thu nhỏ hoặc giản đơn.

Các phương tiện nghe, nhìn như: Phim, ảnh, video, vô tuyến truyền hình, máy tính, băng ghi âm, ghi hình,... đó là các vật mang thông tin hoặc chứa đựng thông tin dạy học, phản ánh các nội dung học tập, thay thế hoặc hỗ trợ cho nội dung lý thuyết; hoặc mô tả các sự vật, hiện tượng mà HS không có thời gian hoặc điều kiện quan sát trực tiếp.

Ngoài ra, GV còn dùng bảng và phấn hoặc bút để minh họa các số liệu, ví dụ dẫn chứng,... giúp HS lĩnh hội vững chắc nội dung học tập.

c) Phương pháp làm mẫu

Đặc điểm: Đây là phương pháp mà nguồn cung cấp tri thức cho HS là các thao tác, động tác mẫu và nó được xem là phương tiện trực quan để minh họa, cụ thể hóa nội dung học tập. GV truyền đạt kiến thức đến HS thông qua các thao tác, động tác mẫu. HS thông qua các thao tác, động tác mẫu để lĩnh hội kiến thức, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo.

Cách thực hiện:

GV tự làm mẫu: Với hình thức này, nguồn cung cấp thông tin học tập cho HS là các thao tác, động tác mẫu của GV. Vận dụng đối với các động tác của cá nhân.

Sử dụng đội mẫu (người làm mẫu): GV sử dụng một người hoặc một số người đã được bồi dưỡng thành thạo để trình bày, biểu diễn các động tác mẫu dưới sự chỉ đạo, điều khiển của GV.

Với hình thức này, nguồn cung cấp thông tin học tập cho HS là các thao tác, hành động của đội mẫu.

Sử dụng đội mẫu khi huấn luyện động tác, thao tác của tập thể; sử dụng người làm mẫu khi huấn luyện các thao tác, động tác cá nhân hay động tác làm mẫu ở xa vị trí người học, đội mẫu

phải được huấn luyện, bồi dưỡng trước theo thứ tự nội dung thuyết trình của người dạy.

Sử dụng phim, băng hình để làm mẫu: Tùy từng nội dung bài học, điều kiện buổi học cụ thể, GV có thể dùng băng hình để làm mẫu. Nguồn cung cấp thông tin học tập cho HS ở dạng này chính là

các thao tác, động tác mẫu từ các phim, băng hình do GV hoặc đội mẫu biểu diễn và ghi lại.

Các bước làm mẫu:

Bước 1: Làm nhanh, thực hiện động tác với tốc độ, nhịp điệu như trong thực tế xảy ra và có thể gắn với tình huống.

Bước 2: Làm chậm có phân tích, thực hiện động tác với tốc độ chậm, kết hợp với phân tích các thao tác, cử động.

Bước 3: Làm tổng hợp, thực hiện liên kết các động tác lại với nhau với tốc độ chậm (không nằm trong tình huống).

d) *Phương pháp huấn luyện đôi ngũ chiến thuật*

Đặc điểm: Lấy rèn luyện động tác thực hành là chủ yếu, mỗi hành động chiến đấu có tượng trung tình huống và tập đi, tập lại nhiều lần. Chú trọng rèn động tác chỉ huy là chính, hiệp đồng của phân đội là quan trọng. Tiến hành trên thao trường, bãi tập có thiết bị sẵn.

Cách thực hiện:

Bước 1: Nêu tên vấn đề huấn luyện (động tác) và thời gian.

Bước 2: Giảng nguyên tắc.

Bước 3: Nêu tình huống.

Bước 4: Bàn cách xử trí, kết luận và hướng dẫn hành động.

Bước 5: Luyện tập.

Bước 6: Nhận xét.

e) *Phương pháp luyện tập*

Đặc điểm: Đây là phương pháp GV tổ chức cho HS luyện tập lặp đi, lặp lại nhiều lần các thao tác, các hành động nhất định một cách có ý thức, nhằm hình thành, hoàn thiện các kĩ xảo, kĩ năng cần thiết. Đồng thời, qua luyện tập còn giúp HS củng cố, hiểu sâu kiến thức lí thuyết đã học, phát triển trí tuệ, rèn luyện tính kiên trì, nhẫn nại và bản lĩnh tâm lí.

Cách thực hiện:

Luyện tập được tổ chức theo cá nhân, tổ, nhóm và thực hiện theo trình tự các bước sau:

Bước 1: Tự nghiên cứu, giúp HS nhớ và làm đúng động tác, chưa yêu cầu làm nhanh, mạnh. Nếu là động tác ứng dụng thì bước này chủ yếu là nghiên cứu tình huống và các động tác cần ứng dụng vào từng điều kiện cụ thể.

Bước 2: Tập chậm, tập phân đoạn, tập chậm lần lượt từng cử động, từng yếu lĩnh đến toàn bộ động tác của cá nhân và tập thể, vừa tập vừa rút kinh nghiệm, tự phát hiện sai sót để sửa tập.

Bước 3: Tập tổng hợp, tiến hành sau khi tập chậm, tập phân đoạn để từng bước hoàn chỉnh, thành thạo động tác.

IV. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

Phương tiện dạy học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh là một số loại công cụ vật chất có khả năng chứa đựng và truyền tải thông tin về những nội dung học tập, được GV và HS sử dụng trong quá trình dạy, học. Sử dụng phương tiện nhằm giúp GV thuận tiện trong tổ chức các hoạt động học tập; HS tiếp thu nội dung một cách dễ dàng, đồng thời luyện tập thành thạo kỹ năng sử dụng một số loại vũ khí, phương tiện chiến đấu theo nội dung kiến thức được trang bị.

Phương tiện dạy học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh rất đa dạng và phong phú, bao gồm nhiều loại: Tranh, ảnh, băng hình, phim tư liệu, video clip; máy tính, máy chiếu đa năng; một số loại vũ khí, trang bị, mô hình học cụ,... có liên quan đến nội dung dạy học. Các loại phương tiện dạy học thường do cấp trên, nhà trường đầu tư theo quy định; ngoài ra, để thuận tiện trong quá trình dạy học, GV căn cứ vào nội dung của từng bài và phương pháp tổ chức dạy học để chuẩn bị phương tiện dạy học cho phù hợp.

V. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ DẠY HỌC

I. Mục đích

Đánh giá kết quả dạy học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh 10 là đánh giá mức độ đạt được của HS về phẩm chất và năng lực so với yêu cầu cần đạt ở lớp 10. Từ đó, xác định vị trí và ghi nhận sự tiến bộ của mỗi HS tại thời điểm nhất định trong quá trình phát triển bản thân; đồng thời cung cấp thông tin để GV điều chỉnh việc dạy học, nhà trường thực hiện kế hoạch thực hiện chương trình môn học.

2. Hình thức, phương pháp đánh giá

GV vận dụng linh hoạt các hình thức đánh giá kết quả học tập, kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì, giữa đánh giá của GV và tự đánh giá của HS. Kết hợp các phương pháp kiểm tra cho phù hợp với nội dung dạy học, kết hợp kiểm tra miệng, kiểm tra viết, trắc nghiệm khách quan, kiểm tra thực hành, kiểm tra vấn đáp kết hợp thực hành.

Đánh giá thường xuyên: Bao gồm đánh giá chính thức (thông qua các hoạt động nắm kiến thức trên lớp, thực hành luyện tập, trình diễn, hội thao,...) và đánh giá không chính thức (bao gồm quan sát trên lớp, kiểm tra bài cũ, đối thoại, HS tự đánh giá,...) nhằm thu thập những thông tin về quá trình hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của từng HS.

Đánh giá định kì: Được tổ chức ở cuối học kì và cuối năm học bằng hình thức kiểm tra trắc nghiệm khách quan, tự luận hoặc thực hành; nội dung đánh giá chú trọng đến nhận thức, kỹ năng thực hành; phối hợp với đánh giá thường xuyên cung cấp thông tin để phân loại HS và điều chỉnh nội dung, phương pháp giáo dục.

PHẦN HAI

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ

LỊCH SỬ, TRUYỀN THỐNG CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Nêu được những nét chính về lịch sử, bản chất, truyền thống anh hùng của Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân Việt Nam và Dân quân tự vệ.

Từ những truyền thống anh hùng của lực lượng vũ trang rút ra được nét cơ bản của nghệ thuật quân sự Việt Nam qua mỗi giai đoạn.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Tư liệu lịch sử của quân đội nhân dân, công an nhân dân và dân quân tự vệ liên quan đến nội dung bài học.

Những hình ảnh, câu chuyện, tấm gương của các anh hùng, liệt sĩ qua các thời kì.

Chuẩn bị máy tính, máy chiếu, bài giảng điện tử nếu có điều kiện.

Chuẩn bị một số hình ảnh minh họa, sơ đồ trận đánh, các mốc lịch sử.

C. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

Hoạt động 1. Khởi động

a) **Mục tiêu:** HS có hiểu biết, nhận diện ban đầu về lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; đồng thời, tạo hứng thú cho các em trước khi bước vào bài học.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

- GV yêu cầu HS quan sát hình 1.1 và đặt câu hỏi thứ nhất: Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam gồm những thành phần nào?

GV lấy tinh thần xung phong trả lời của HS, nhận xét các ý kiến trả lời.

GV kết luận: Lực lượng vũ trang nhân dân gồm quân đội nhân dân, công an nhân dân và dân quân tự vệ.

- Câu hỏi thứ hai: Hãy kể về những người thân hoặc người xung quanh hoạt động trong lực lượng vũ trang nhân dân mà em biết.

GV lấy tinh thần xung phong trả lời của HS, hỏi bổ sung thêm những người đó thuộc lực lượng nào?

Công tác ở đâu? Có cấp bậc, chức vụ gì?

GV nhận xét nội dung trả lời, biểu dương tinh thần xung phong phát biểu ý kiến của HS; khuyến khích HS khác tích cực trả lời câu hỏi.

Ngoài ra, GV có thể vận dụng các hoạt động khởi động khác phù hợp với điều kiện thực tế, ví dụ như cho HS xem hình ảnh về hoạt động của lực lượng vũ trang hoặc chiếu video về công tác giáo dục quốc phòng và an ninh để tạo hứng thú cho các em bước vào bài học.

Hoạt động 2. Khám phá

1. LỊCH SỬ, BẢN CHẤT, TRUYỀN THỐNG CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

2. Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam

a) **Mục tiêu:** HS nêu được những nét chính về lịch sử của Quân đội nhân dân Việt Nam; từ đó rút ra được nét cơ bản của nghệ thuật quân sự Việt Nam qua mỗi giai đoạn.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

GV yêu cầu HS quan sát hình 1.2, đọc các thông tin từ đoạn văn thứ nhất đến đoạn văn thứ tư, nêu câu hỏi: Hãy lựa chọn hình ảnh có nội dung phù hợp với từng đoạn văn.

GV lấy tinh thần xung phong phát biểu ý kiến của HS, khơi gợi để HS nhận diện được đây là những bức hình ghi lại các hoạt động tiêu biểu của quân đội ta qua các giai đoạn cách mạng; sau đó GV nhận xét, phân tích những điểm đúng, sai của các ý kiến phát biểu.

GV kết luận: Hình 1.2a phù hợp với đoạn văn 4, tàu ngầm 186 - Đà Nẵng; hình 1.2b phù hợp với đoạn văn 3, xe tăng Quân giải phóng đánh chiếm và làm chủ hoàn toàn Dinh Độc Lập, 4/1975; hình 1.2c phù hợp với đoạn văn 2, phát cờ trong chiến thắng Điện Biên Phủ; hình 1.2d phù hợp với đoạn văn 1, đồng chí Võ Nguyên Giáp đọc diễn văn thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân tại khu rừng Trần Hưng Đạo (Cao Bằng).

3. Bản chất của Quân đội nhân dân Việt Nam

a) **Mục tiêu:** HS nêu được những nét chính về bản chất Quân đội nhân dân Việt Nam.

b) **Nội dung - tổ chức thực hiện**

GV hướng dẫn HS nghiên cứu thông tin, sau đó đặt câu hỏi: Quân đội nhân dân Việt Nam mang bản chất của giai cấp nào?

GV lấy tinh thần xung phong, kết hợp chỉ định HS trả lời câu hỏi. Đây là câu hỏi khó, có thể có nhiều phương án trả lời khác nhau, vì vậy GV cần định hướng để HS có câu trả lời thích hợp.

GV kết luận: Quân đội nhân dân Việt Nam mang bản chất của giai cấp công nhân, tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc; đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam; luôn tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa.

4. Truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam

a) **Mục tiêu:** HS nêu được những nét chính về truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

GV yêu cầu HS đọc thông tin, sau đó nêu câu hỏi: Hãy nêu các truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam?

GV chỉ định HS trả lời câu hỏi. Đây là câu hỏi mà đáp án đã có sẵn trong SGK, vì vậy GV nên gọi những HS ít xung phong ở các nội dung trước để động viên, khuyến khích các em học tập.

GV thống nhất, truyền thống của quân đội nhân dân: Trung thành vô hạn với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, với Đảng, Nhà nước và nhân dân; quyết chiến, quyết thắng, biết đánh, biết thắng; gắn bó máu thịt với nhân dân, quân với dân một ý chí; đoàn kết nội bộ, cán bộ, chiến sĩ bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, thương yêu giúp đỡ nhau, trên dưới đồng lòng, thống nhất ý chí và hành động; kỉ luật tự giác, nghiêm minh; độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, cần kiệm xây dựng quân đội, xây dựng đất nước, tôn trọng và bảo vệ của công; lối sống trong sạch, lành mạnh, có văn hoá, trung thực, khiêm tốn, giản dị, lạc quan; luôn nêu cao tinh thần ham học, cầu tiến bộ, nhạy cảm, tinh tế trong cuộc sống; đoàn kết quốc tế trong sáng, thuỷ chung, chí nghĩa, chí tình.

II. LỊCH SỬ, BẢN CHẤT, TRUYỀN THỐNG CỦA CÔNG AN NHÂN DÂN

1. Lịch sử Công an nhân dân Việt Nam

- a) **Mục tiêu:** HS nêu được những nét chính về lịch sử của Công an nhân dân Việt Nam.
- b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**
- c) GV định hướng cho HS tìm hiểu thông tin, sau đó nêu câu hỏi thứ nhất: Hãy nêu các thời kì xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của công an nhân dân.

GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định HS trả lời câu hỏi theo danh sách lớp; nhận xét, biểu dương tinh thần tích cực phát biểu ý kiến của các em.

GV kết luận, Công an nhân dân Việt Nam xây dựng, chiến đấu và trưởng thành qua các thời kì: Thời kì hình thành (1930 - 1945), trong kháng chiến chống thực dân Pháp (9/1945 - 1954), trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975), đất nước thống nhất (từ năm 1975 đến nay).

- d) GV nêu câu hỏi thứ hai: Những nhiệm vụ và chiến công nổi bật của công an nhân dân qua từng thời kì là gì?

GV lấy tinh thần xung phong phát biểu ý kiến của HS, khuyến khích HS trả lời câu hỏi, tạo không khí sôi nổi trong lớp học.

Sau khi HS thảo luận, GV thống nhất những nhiệm vụ và chiến công nổi bật của công an nhân dân qua từng thời kì như sau:

Thời kì hình thành (1930 - 1945), các tổ chức tiền thân của công an nhân dân đã làm thất bại các hoạt động phá hoại của địch, bảo vệ thành quả cách mạng. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, công an nhân dân cùng với các lực lượng khác bảo vệ thành quả cách mạng.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (9/1945 - 1954), công an nhân dân bảo vệ an ninh, an toàn cho chính quyền cách mạng, nhân dân, các lực lượng tham gia chiến đấu; cùng với các lực lượng khác và nhân dân cả nước làm nên chiến thắng trong Chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử.

Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975), công an nhân dân góp phần ổn định an ninh, khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc; giữ gìn và phát triển lực lượng

ở miền Nam; tham gia đánh bại các chiến lược của đế quốc Mỹ. Từ năm 1973 - 1975, Công an nhân dân Việt Nam cùng cả nước dốc sức giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Đất nước thống nhất, công an nhân dân là lực lượng giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá cách mạng của các thế lực thù địch, cùng với lực lượng quân đội và dân quân tự vệ làm nòng cốt trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Bản chất của Công an nhân dân Việt Nam

a) Mục tiêu: HS nêu được bản chất của Công an nhân dân Việt Nam.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV cung cấp thông tin cho HS, sau đó đặt câu hỏi: Hãy nêu bản chất của Công an nhân dân Việt Nam.

GV gợi ý HS trả lời câu hỏi, nhận xét các ý kiến đóng góp, sau đó thống nhất kết luận: Công an nhân dân Việt Nam mang bản chất của giai cấp công nhân, tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc; đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam; luôn tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa.

3. Truyền thống của Công an nhân dân Việt Nam

a) Mục tiêu: HS nêu được những nét chính truyền thống Công an nhân dân Việt Nam.

b) Nội dung - tổ chức thực hiện

- GV định hướng cho HS nghiên cứu thông tin, sau đó đặt câu hỏi thứ nhất: Hãy nêu truyền thống của Công an nhân dân Việt Nam.

GV chỉ định 1 hoặc 2 HS trả lời câu hỏi, nhận xét các câu trả lời.

GV kết luận, truyền thống của công an nhân dân gồm: Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng Cộng sản Việt Nam, với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nhân dân Việt Nam; chiến đấu anh dũng, không ngại hi sinh vì nền độc lập, tự do, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, vì an ninh Tổ quốc; công an nhân dân từ nhân dân mà ra, gắn bó chặt chẽ với nhân dân, vì nhân dân phục vụ, dựa vào dân để làm việc và chiến đấu thắng lợi; cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân không ngừng tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư; phát huy cao độ tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, tận tụy với công việc, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; nội bộ đoàn kết, thống nhất, dân chủ, kỉ luật nghiêm minh, phối hợp hiệp đồng chặt chẽ với các cấp, các ngành, các lực lượng; luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, bí mật, mưu trí, dũng cảm, cương quyết, khôn khéo, tích cực phòng ngừa, chủ động tiến công kẻ địch và bọn tội phạm; không ngừng học tập nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ và năng lực công tác; tiếp thu, vận dụng sáng tạo, hiệu quả thành tựu khoa học - kĩ thuật và công nghệ phục vụ công tác, chiến đấu; nêu cao tinh thần đoàn kết quốc tế trong sáng, thủy chung, có nghĩa, có tình.

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung của hình 1.3; quá trình hướng dẫn làm rõ nội dung, thời gian, địa điểm của từng hình, cụ thể: Hình 1.3a. Đội trinh sát phá vụ án số 7, phố Ôn Như

Hầu,

Hà Nội, năm 1946 (nay là phố Nguyễn Gia Thiều); hình 1.3b. Các chiến sĩ Công an Hà Nội
lên đường chi viện cho miền Nam, năm 1972; hình 1.3c. Công an Hà Nội bắt phi công Mỹ,

năm 1972; hình 1.3d. Các lực lượng cảnh sát ra quân thực hiện phương án bảo đảm an ninh, trật tự

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Sau khi làm rõ hình 1.3, GV nêu câu hỏi: Hãy sưu tầm thêm những hình ảnh về lịch sử, truyền thống của Công an nhân dân Việt Nam. Đối với câu hỏi này, các em chưa có câu trả lời ngay;

vì vậy, GV thống nhất về nội dung, phương pháp sưu tầm, thời gian hoàn thành để kiểm tra vào buổi học tiếp theo.

III. LỊCH SỬ, TRUYỀN THỐNG CỦA DÂN QUÂN TỰ VỆ

1. Lịch sử dân quân tự vệ

a) **Mục tiêu:** HS nêu được những nét chính về lịch sử của dân quân tự vệ; từ đó rút ra được những nét cơ bản nghệ thuật quân sự của lực lượng này.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

- GV hướng dẫn HS nghiên cứu tài liệu, sau đó đặt câu hỏi thứ nhất: Hãy nêu sự phát triển của dân quân tự vệ qua các thời kì.

GV gọi 1 hoặc 2 HS trả lời câu hỏi, nhận xét nội dung trả lời và kết luận.

GV kết luận, các thời kì phát triển của lực lượng dân quân tự vệ: Thời kì hình thành (1930 - 1945), kháng chiến chống thực dân Pháp (9/1945 - 1954), kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975), từ năm 1975 đến nay.

- GV nêu câu hỏi thứ hai: Hãy sưu tầm thêm những hình ảnh về lịch sử, truyền thống của dân quân tự vệ.

GV phân tích, khơi gợi để HS hiểu đúng, có ấn tượng với nội dung của hình 1.4. Trong đó, hình 1.4a. Đội du kích Ba Tơ, 3/1945; hình 1.4b. Nữ du kích Nguyễn Thị Kim Lai (Hà Tĩnh) dẫn giải phi công Mỹ, 1965; hình 1.4c. Cảm tử quân sẵn sàng lao bom ba càng diệt địch, năm 1946; hình 1.4d. Dân quân tự vệ tỉnh Bắc Ninh diễn tập bắn mục tiêu bay thấp tại thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, 7/2017.

GV hướng dẫn HS sưu tầm thêm những hình ảnh về lịch sử, truyền thống của dân quân tự vệ, buổi học tiếp theo sẽ kiểm tra.

2. Truyền thống của lực lượng dân quân tự vệ

a) **Mục tiêu:** HS nêu được những nét chính truyền thống của lực lượng dân quân tự vệ.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

- GV cung cấp thông tin cần thiết cho HS, sau đó đặt câu hỏi thứ nhất: Hãy nêu nội dung cơ bản của truyền thống lực lượng dân quân tự vệ.

GV lấy tinh thần xung phong hoặc chỉ định 1 đến 2 HS trả lời câu hỏi, nhận xét câu trả lời.

GV kết luận: Trải qua quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, dưới sự lãnh đạo của Đảng, dân quân tự vệ đã hết lòng trung thành với Tổ quốc, với nhân dân, với sự nghiệp cách mạng của Đảng. Trong chiến tranh giải phóng, cách đánh du kích của dân quân tự vệ đã trở thành di sản

vô giá trong kho tàng nghệ thuật quân sự Việt Nam.

- GV nêu câu hỏi thứ hai: Hãy nêu cách đánh sở trường của lực lượng dân quân tự vệ trong chiến tranh giải phóng?

GV lấy tinh thần xung phong hoặc gọi HS trả lời câu hỏi, nhận xét, đánh giá nội dung câu trả lời.

GV thống nhất: Cách đánh sở trường của lực lượng dân quân tự vệ trong chiến tranh giải phóng là lối đánh du kích. Cách đánh này đã trở thành di sản vô giá trong kho tàng nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Hoạt động 3. Luyện tập

a) **Mục tiêu:** HS củng cố kiến thức đã học; từ đó ghi nhớ được những nét cơ bản của nghệ thuật quân sự Việt Nam qua mỗi giai đoạn.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

Câu 1: Nêu những nét cơ bản nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các giai đoạn.

GV lấy tinh thần xung phong phát biểu ý kiến của 1 hoặc 2 HS; nhận xét, đánh giá kết quả câu trả lời.

GV kết luận: Nghệ thuật quân sự Việt Nam ra đời, không ngừng phát triển cùng với các cuộc chiến tranh trường kì của dân tộc. Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ta chủ yếu vận dụng lối đánh du kích, bí mật, nhanh chóng, di chuyển linh hoạt. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (9/1945 - 1954), quân đội ta đánh địch ở quy mô cấp tiểu đoàn, trung đoàn, đại đoàn và chiến dịch. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975), quân đội ta đã từng bước thực hiện các trận đánh lớn, tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng để tiêu diệt ngày càng lớn lực lượng của địch; đỉnh cao là làm nên chiến thắng trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, thống nhất nước nhà.

Câu 2: Suu tầm những câu chuyện, hình ảnh nói về lịch sử, truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân Việt Nam và Dân quân tự vệ.

GV định hướng cho HS thông qua tài liệu ở các thư viện gần nhà, phương tiện thông tin đại chúng, người thân, bạn bè và hiểu biết của bản thân để sưu tầm những câu chuyện, hình ảnh nói về lịch sử, truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân Việt Nam và Dân quân tự vệ.

GV thống nhất nội dung, phương pháp trả lời câu hỏi của HS ở buổi học tiếp theo.

Hoạt động 4. Vận dụng

a) **Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

Biết ơn các anh hùng, liệt sĩ đã không tiếc máu xương vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 300 từ) để nói lên tình cảm và lòng biết ơn của mình với các thế hệ cha anh đi trước.

GV hướng dẫn HS vận dụng kiến thức đã học, kết hợp hiểu biết của bản thân viết đoạn văn theo cảm nghĩ của riêng mình.

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ LUẬT VE QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH VIỆT NAM

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Phân tích và trình bày được những nội dung cơ bản của Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và Luật Công an nhân dân.

Tích cực, chủ động thực hiện được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện quy định của pháp luật về quốc phòng và an ninh.

Có định hướng nghề nghiệp sau khi thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, phấn đấu được ở lại phục vụ quân đội, công an lâu dài cũng như đăng kí thi vào các học viện, nhà trường quân đội và công an.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Máy tính, máy chiếu (nếu có); giấy AO, A4.

Tranh ảnh theo hình 2.1 và 2.2 trong SGK và các loại tranh ảnh, tư liệu liên quan đến quốc phòng và an ninh; văn bản Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Công an nhân dân.

C. HƯỚNG DẪN TỒ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

Hoạt động 1. Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS vào bài học và hướng HS tìm hiểu nội dung cơ bản của Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Công an nhân dân.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

Cách 1: GV nêu câu hỏi trong SGK, gọi HS trả lời, sau đó dẫn dắt vào bài học.

Cách 2: GV có thể nêu và hỏi HS về một số hoạt động công tác quốc phòng và an ninh ở địa phương, sau đó dẫn dắt vào bài học.

Hoạt động 2. Khám phá

1. NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ LUẬT QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

1. Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh

a) Mục tiêu: HS trình bày được mục tiêu, quyền và trách nhiệm của mình trong học tập môn

Giáo dục quốc phòng và an ninh.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV giới thiệu về Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành năm 2013 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2014, bao gồm 8 chương, 47 điều.

GV chia lớp thành các nhóm, hướng dẫn HS đọc thông tin và hoàn thành nội dung theo bảng gợi ý trong SGK vào giấy khổ lớn.

Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

Căn cứ vào tình hình, GV thống nhất nội dung theo bảng gợi ý.

Gợi ý:

Mục tiêu, đối tượng học, phát triển bản thân: Nhu trình bày ở SGK (Điều 4, 7 và Điều 11).

Nội dung học: Một số hiểu biết chung về quốc phòng và an ninh; Điều lệnh đội ngũ; Kỹ thuật chiến đấu bộ binh; Chiến thuật bộ binh; Một số hiểu biết về phòng thủ dân sự, kiến thức phổ thông về phòng không nhân dân.

Kết thúc hoạt động học tập, GV chốt kiến thức về Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.

2. Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam

a) Mục tiêu: HS trình bày được vị trí, chức năng, nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

b) Nội dung - tổ chức thực hiện

GV giới thiệu Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2008, năm 2014 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2015, bao gồm 7 chương, 51 điều.

GV chia lớp thành các nhóm, hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 2.1 trong SGK và thực hiện yêu cầu: Quan sát hình 2.1 và cho biết vị trí, chức năng của sĩ quan.

Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung vị trí, chức năng của sĩ quan.

Gợi ý:

Hình 2.1a là nhiệm vụ huấn luyện sẵn sàng chiến đấu của sĩ quan, thể hiện chức năng bảo đảm cho quân đội sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu giành thắng lợi trong mọi điều kiện.

Hình 2.1b là nhiệm vụ bộ đội giúp nhân dân vùng biển gia cố bờ kè, nhà cửa chống bão, thể hiện việc sĩ quan lãnh đạo, chỉ huy đơn vị tham gia phòng, chống lụt bão.

Hình 2.1c là nhiệm vụ bộ đội giúp nhân dân thu hoạch lúa sau bão, thể hiện sĩ quan tham gia thực hiện công tác dân vận.

Hình 2.1d là bộ đội hải quân phối hợp với dân quân tự vệ tuần tra bờ biển, thể hiện việc luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc của người sĩ quan nói riêng, quân đội nói chung.

Từ nội dung các hình ảnh, GV làm rõ vị trí, chức năng của sĩ quan.

GV nêu câu hỏi: Hãy nêu nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan đối với Tổ quốc.

Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan.

Kết thúc hoạt động học tập, GV chốt kiến thức về Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

3. Luật Công an nhân dân

a) Mục tiêu: HS trình bày được vị trí, chức năng của công an nhân dân và nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV giới thiệu Luật Công an nhân dân được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2019, bao gồm 7 chương, 46 điều.

GV chia lớp thành các nhóm, hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình 2.2 trong SGK và trả lời câu hỏi: Quansáthình2.2vàchobiếtcôngannhândâncóvịtrí,chức năng gì?

Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung về vị trí, chức năng của công an nhân dân.

Gợi ý:

Hình 2.2a là cán bộ, chiến sĩ công an giúp nhân dân gia cố bờ bao chống tràn, thể hiện nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, góp phần bảo đảm trật tự, an toàn xã hội cho nhân dân.

Hình 2.2b là lực lượng phòng cháy, chữa cháy đang thực hiện nhiệm vụ, thể hiện công tác phòng cháy, chữa cháy của lực lượng cảnh sát phòng cháy chữa cháy, nhằm hạn chế, ngăn chặn hậu quả đáng tiếc về người và tài sản do cháy nổ, hoả hoạn. Góp phần bảo vệ tính mạng, tài sản nhân dân, ổn định trật tự, an toàn xã hội cho nhân dân.

Hình 2.2c là các lực lượng công an nhân dân tổ chức phối hợp chặt chẽ, bảo đảm an toàn tuyệt đối các Hội nghị Thượng đỉnh trong và ngoài nước diễn ra tại Việt Nam, thể hiện Việt Nam là một đất nước thực sự an toàn, thân thiện và hấp dẫn.

Hình 2.2d là lực lượng cảnh vệ thực hiện tình huống bảo vệ lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các sự kiện lớn của đất nước, thể hiện việc bảo đảm an ninh quốc gia trong mọi tình huống, đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá Đảng, Nhà nước ta.

Từ nội dung các hình ảnh, GV làm rõ vị trí, chức năng của công an nhân dân.

GV nêu câu hỏi: Nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan, hạ sĩ quan chiến sĩ công an nhân dân là gì?

Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân.

Kết thúc hoạt động học tập, GV chốt kiến thức về Luật Công an nhân dân.

II. PHẦN ĐẤU TRỞ THÀNH SĨ QUAN QUÂN ĐỘI VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN

1. Tiêu chuẩn

a) **Mục tiêu:** HS nắm được điều kiện tuyển chọn đào tạo sĩ quan Quân đội và Công an nhân dân

Việt Nam.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK và xác định các tiêu chuẩn tuyển chọn, đào tạo sĩ quan Quân đội nhân dân và Công an nhân dân Việt Nam; Vận dụng những thông tin đó vào tình huống ở nội dung sau.

2. Tình huống

a) **Mục tiêu:** HS có hướng phấn đấu trở thành sĩ quan Quân đội hoặc Công an nhân dân Việt Nam.

b) **Nội dung - tổ chức thực hiện**

GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK và trả lời các câu hỏi:

Điều gì đã khiến Hoàng Phú Thịnh quyết tâm trở thành sĩ quan?

GV vận dụng phương pháp đàm thoại để làm rõ: Hoàng Phú Thịnh muốn trở thành sĩ quan để cống hiến cho Tổ quốc như thế nào? Những biểu hiện cụ thể là gì?

Để trở thành sĩ quan quân đội hoặc công an nhân dân em sẽ làm những gì?

GV gọi một vài HS trình bày những hành động cụ thể để phấn đấu trở thành người sĩ quan quân đội

hoặc công an nhân dân. Phân tích những hành động phù hợp và định hướng HS học tập, rèn luyện theo các tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ học vấn, sức khỏe để đủ điều kiện tuyển chọn đào tạo sĩ quan quân đội hoặc công an nhân dân.

Đây là câu hỏi mở, do vậy GV dựa vào câu trả lời của HS để định hướng tu tưởng và gắn nghĩa vụ, trách nhiệm của HS với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hoạt động 3. Luyện tập

a) **Mục tiêu:** HS củng cố kiến thức đã học về Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Công an nhân dân vào thực hành các nhiệm vụ cụ thể.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

Câu 1: GV hướng dẫn HS tự xác định mức độ đạt được về phẩm chất, năng lực khi học tập các nội dung: Chính sách quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước; truyền thống đánh giặc của dân tộc; kỹ năng về điều lệnh đội ngũ, kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật bộ binh,...

Câu 2: GV hướng dẫn HS đối chiếu các thông tin ở Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam

để đưa ra cảm nghĩ của mình về sĩ quan Hoàng Phú Thịnh, tập trung vào:

Sĩ quan Hoàng Phú Thịnh có nhận thức rõ vị trí, chức năng của mình không?

Sĩ quan Hoàng Phú Thịnh thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của mình như thế nào? Anh có xứng đáng là một người sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam hay không? Em học tập được những gì từ anh ấy?

Câu 3: GV gợi ý HS sưu tầm các câu chuyện nói về nhiệm vụ của công an nhân dân thông qua

thực tiễn tại địa phương, trên báo chí, truyền hình, tập trung vào: Câu chuyện về phát hiện, ngăn chặn và

bắt giữ tội phạm; bảo đảm trật tự nơi công cộng, an toàn giao thông; xử phạt hành chính; tuần tra, bám nắm địa bàn,...

GV hướng dẫn HS rút ra những điều mình tâm đắc nhất ở những câu chuyện đó, từ đó định hướng HS về trách nhiệm của mình trong công tác giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, nhà trường và xã hội.

Lưu ý: Căn cứ vào tình hình cụ thể, GV có thể tổ chức hoạt động luyện tập ở lớp hoặc giao bài tập về nhà cho HS. Khi tổ chức tại lớp thì có thể tách hoặc lồng ghép với các đơn vị kiến thức tương ứng.

Hoạt động 4. Vận dụng

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học về Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật Sĩ quan

Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Công an nhân dân vào thực tiễn cuộc sống.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

Câu 1: GV gợi ý HS viết ra giấy các nội dung: Nhận thức về vị trí, chức năng của người sĩ quan như thế nào? Phẩm chất, rèn luyện để có những tiêu chuẩn, phẩm chất nào? Thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm ra sao?

Câu 2: GV gợi ý HS các nội dung:

Nâng cao nhận thức về công tác quốc phòng và an ninh; học tập, tìm hiểu các luật và chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về công tác quốc phòng và an ninh; nêu cao cảnh giác, nhận thức đúng đắn âm mưu chống phá của các thế lực thù địch; kịp thời phát hiện và ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật; không để kẻ xấu lôi kéo, kích động; tuyên truyền về công tác quốc phòng và an ninh đến mọi người; sẵn sàng tham gia nghĩa vụ quân sự, công an nghĩa vụ và các nhiệm vụ khác để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Câu 3: GV hướng dẫn HS tìm đọc Luật Nghĩa vụ quân sự và Luật Công an nhân dân để hiểu biết về bậc hàm của hạ sĩ quan, chiến sĩ trong Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam.

Lưu ý: Trong bài có mục Em có biết? GV định hướng cho HS đọc và tìm hiểu để mở rộng kiến thức.

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Nêu được các quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy.

Phân tích được tác hại của ma túy và những hình thức, con đường gây nghiện.

Chủ động, tích cực vận động người thân, cộng đồng trong việc đấu tranh phòng, chống ma túy.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Máy tính, máy chiếu (nếu có); giấy AO, A4.

Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi 2017; Luật Phòng, chống ma túy 2021; Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Nghị định số 167/2013/NĐ-CP; hình ảnh minh họa, video có liên quan đến bài học.

C. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

Hoạt động 1. Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS khi nghiên cứu nội dung bài học. Trong đó, thông qua hình 3.1 và hai yêu cầu đề ra, GV định hướng HS vào một trong những nội dung trọng tâm của bài học là chất ma túy và pháp luật về phòng, chống ma túy.

b) Nội dung - tổ chức thực hiện

GV yêu cầu HS quan sát hình 3.1 và cho biết:

Tên một số chất ma túy mà em biết. Từ hình 3.1 em hãy cho biết đây là những chất ma túy gì.

Tên văn bản pháp luật về phòng, chống ma túy.

Ngoài ra, GV nên khuyến khích HS phát biểu những hiểu biết của mình về chất ma túy; kể tên các chất ma túy mà các em biết, từ đó dẫn dắt vào bài học.

GV kết hợp lấy tinh thần xung phong và chỉ định.

GV gợi ý: Theo quy định của pháp luật Việt Nam, hiện chúng ta quản lý 543 chất ma túy (tuy nhiên, danh mục chất ma túy thay đổi thường xuyên). Một số chất ma túy điển hình như: Thuốc phiện, Heroin; Methamphetamine; Ketamine,...

GV giải đáp về các chất ma túy trong hình 3.1. Theo đó, hình 3.1a là Ketamine; hình 3.1b là Methamphetamine; hình 3.1c là Heroin.

Các văn bản pháp luật về phòng, chống ma túy như: Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017;

Luật Phòng, chống ma túy 2021; Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 167/2013/NĐ-CP.

Hoạt động 2. Khám phá

I. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG MATUÝ

1. Thế nào là chất ma túy?

a) **Mục tiêu:** HS nắm được thế nào là chất ma túy, tiền chất ma túy; biết được tên gọi, đặc điểm của một số chất ma túy và cây chứa chất ma túy thường gặp.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

GV yêu cầu HS quan sát các hình 3.2, 3.3, 3.4, đọc tên các chất ma túy, cây có chứa chất ma túy, tiền chất ma túy; miêu tả về dạng tồn tại của các chất ma túy này; miêu tả về các cây chứa chất ma túy.

GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau:

Chất ma túy là gì? Chất ma túy tồn tại ở những dạng nào?

Tiền chất ma túy là gì? Phân biệt chất ma túy và tiền chất ma túy?

Đây là những hình ảnh khá phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng. GV nên dành 2-3 phút để HS suy nghĩ phát biểu. Với những câu hỏi này, GV nên phát huy tinh thần xung phong,

khuyến khích để nhiều HS phát biểu, trình bày hiểu biết của mình.

GV chốt vấn đề:

Chất ma túy là chất gây nghiện, chất hướng thần có nguồn gốc tự nhiên hoặc tổng hợp được quy định trong danh mục chất ma túy của Chính phủ. Chất gây nghiện là chất kích thích hoặc ức chế thần kinh, dễ gây tình trạng nghiện đối với người sử dụng. Chất hướng thần là chất kích thích hoặc ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện đối với người sử dụng.

Tiền chất là hoá chất không thể thiếu trong quá trình điều chế, sản xuất chất ma túy được quy định trong danh mục tiền chất do Chính phủ ban hành.

Phân biệt tiền chất ma túy và chất ma túy: Tiền chất ma túy là những hoá chất dùng vào việc sản xuất ra chất ma túy.

2. Các văn bản pháp luật về phòng, chống ma túy

a) **Mục tiêu:** HS nắm được những vấn đề cơ bản về phòng, chống ma túy theo quy định của Bộ luật Hình sự; Luật Phòng, chống ma túy; Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 167/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV nêu câu hỏi:

Hãy nêu các tội phạm về ma túy.

Hãy nêu các việc nhà trường đã làm để tuyên truyền về phòng, chống ma túy.

Đối với những câu hỏi trên, GV yêu cầu HS suy nghĩ, đọc nội dung trong SGK; thời gian 2-3 phút.

GV lấy tinh thần xung phong, kết hợp với chỉ định. GV cho HS đọc chậm một số nội dung của các điều luật, từ Điều 247 đến Điều 259 trong Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi 2017.

Đối với Luật Phòng, chống ma túy; Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 167/2013/NĐ-CP của Chính phủ, GV nên nêu những nội dung cơ bản của văn bản luật. GV cho HS nghiên cứu và trả lời những thắc mắc nếu có.

Sau khi HS nghiên cứu xong các nội dung cơ bản của các văn bản luật trên, GV cho HS trao đổi theo bàn hoặc tổ, thời gian từ 5 đến 7 phút. Mục đích của hoạt động này là để các em hiểu rõ hơn về các điều luật, cụ thể là những hành vi quy định trong những điều luật này. Quá trình đó, GV cần quan sát, gợi ý và giải thích thêm những vấn đề các em chưa rõ.

Sau thời gian các nhóm trao đổi, GV cho các nhóm trình bày hiểu biết của nhóm mình. Sau khi các nhóm trình bày phần hiểu biết, GV tổng hợp, nhận xét. Quá trình này, GV nên sử dụng các ví dụ về tội phạm ma túy gắn với địa phương, vùng miền (ví dụ với miền núi phía Bắc thường là hành vi trồng cây thuốc phiện, vận chuyển, mua bán thuốc phiện, heroine; các tỉnh đồng bằng, khu vực thành phố thường gắn với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại các vũ trường, quán bar, quán karaoke, hay ở các công viên, vườn hoa).

Đối với câu hỏi nêu các việc nhà trường đã làm để tuyên truyền về phòng, chống ma túy, GV nên để HS tự trình bày những hiểu biết, những hoạt động mà các em đã được tham gia.

Sau khi trao đổi, thảo luận tất cả những nội dung, yêu cầu đã đề ra, GV chốt nội dung HS cần nắm được:

Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi 2017: Bộ luật này quy định các tội phạm về ma túy tại Chương XX, gồm 13 điều, từ Điều 247 đến Điều 259, có các tội như: Tội trồng cây thuốc phiện, cây coca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy; tội sản xuất trái phép chất ma túy; tội tàng trữ trái phép chất ma túy; tội vận chuyển trái phép chất ma túy; tội mua bán trái phép chất ma túy; tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy,...

Luật Phòng, chống ma túy 2021 bao gồm 8 chương, 55 điều. Luật này quy định về phòng, chống ma túy; quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; cai nghiện ma túy; trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống ma túy; quản lý nhà nước và hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012: Phần thứ ba của Luật này có nội dung về “Áp dụng các biện pháp xử lý hành chính” (gồm 5 chương, 29 điều từ Điều 89 đến Điều 118). Phần này quy định các biện pháp xử lý hành chính nói chung, trong đó có vi phạm hành chính về ma túy, bao gồm các biện pháp: Giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Nghị định số 167/2013/NĐ-CP, Điều 21 quy định về “Vi phạm các quy định về phòng, chống và kiểm soát ma túy”.

GV cần lưu ý: Đối với những nội dung liên quan đến pháp luật, quá trình giảng dạy cần nhấn mạnh sự cần thiết, vai trò của hệ thống pháp luật đối với công tác phòng, chống ma túy.

GV kết luận vấn đề của tiết giảng:

Phòng, chống ma túy là phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm và tệ nạn về ma túy; kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.

Cá nhân, gia đình có trách nhiệm trong phòng, chống ma túy: Tuyên truyền, giáo dục thành viên trong gia đình, người thân về tác hại của ma túy và thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy; quản lý, ngăn chặn thành viên trong gia đình vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

II. TÁC HẠI CỦA MA TUÝ VÀ NHỮNG HÌNH THỨC, CON ĐƯỜNG GÂY NGHIỆN

1. Tác hại của ma túy

a) Mục tiêu: HS nhận thức được những hậu quả, tác hại của ma túy đối với người nghiện ma túy; gia đình người nghiện ma túy; với nền kinh tế và với trật tự an toàn xã hội; thấy được hậu quả nặng nề của tệ nạn ma túy gây ra cho mỗi cá nhân nói riêng và cộng đồng xã hội nói chung.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV yêu cầu HS quan sát hình 3.5 và cho biết ý nghĩa của những hoạt động này.

Ngoài ra, GV nên định hướng cho HS hướng đến quan sát những hiện tượng ở xung quanh mình như: Tại nơi cư trú hay những nơi khác mà các em biết, tại ngôi trường mình đang học, cộng đồng,... Từ đó, khơi gợi HS nhận xét, phát biểu về những hiện tượng, hình ảnh về người nghiện ma túy, biểu hiện của nghiện ma túy, tác hại của tệ nạn ma túy,. Qua đó, GV thống nhất những đặc trưng cơ bản và hướng dẫn các em phòng tránh cho chính mình, người thân và bạn bè.

GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định, gọi HS trả lời câu hỏi.

GV khẳng định: Người nghiện ma túy là người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và bị lệ thuộc vào các chất này.

GV kết luận về tác hại của ma túy trên 4 vấn đề:

Đối với chính bản thân người nghiện ma túy: Người nghiện ma túy bị tổn hại về sức khỏe thể chất, tổn hại về sức khỏe tinh thần; huỷ hoại đạo đức, nhân cách; có thể thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật do không làm chủ được hành vi của mình; nghiện ma túy làm tiêu tốn tài sản,.

Đối với gia đình người nghiện ma túy: Làm tiêu tốn tài sản gia đình; người thân trong gia đình luôn trong trạng thái lo âu, mặc cảm vì có người nghiện; thường có xung đột, cãi vã, đánh chửi; ảnh hưởng đến giống nòi,.

Đối với nền kinh tế: Ảnh hưởng trực tiếp đến lực lượng lao động của xã hội, cả số lượng và chất lượng; chi phí cho công tác phòng, chống ma túy, chữa bệnh, cai nghiện, đều tăng lên; đầu tư nước ngoài bị giảm sút,.

Đối với trật tự an toàn xã hội: Người nghiện ma túy có thể gây nên các hành vi vi phạm pháp luật như trộm cắp, cướp của, gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích, giết người; làm gia tăng số người nhiễm HIV/AIDS; gia tăng các tệ nạn xã hội như cờ bạc, mại dâm,.

2. Đặc điểm và dấu hiệu nhận biết người nghiện ma túy

a) Mục tiêu: HS nhận thức được các đặc điểm, dấu hiệu nhận biết người nghiện ma túy. Qua đó, liên hệ với tình hình lớp học, trường học của mình. Từ đó, có ý thức trong việc phát hiện những người bạn có dấu hiệu nghi ngờ nghiện ma túy, báo cáo nhà trường có biện pháp xử lý kịp thời.

b) Nội dung - tổ chức thực hiện

GV dẫn dắt vấn đề, lấy một số ví dụ về người nghiện ma túy trên địa bàn hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng.

GV đặt câu hỏi về hiểu biết của HS:

Hãy nêu đặc điểm của người nghiện ma túy. Cách nhận biết người nghiện ma túy.

GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định, gọi HS trả lời câu hỏi.

GV nêu vấn đề và đề HS trao đổi, thảo luận theo nhóm (bàn học hoặc tổ, cho khoảng thời gian 2-3 phút, sau đó các nhóm trình bày hiểu biết).

GV kết luận:

Người nghiện ma túy thường bị rối loạn về tâm lí, thể chất và nhân cách, rất khó từ bỏ ma túy và dễ tái nghiện.

Người nghiện ma túy thường xuyên tụ tập bạn bè, hay đi chơi về khuya, dậy muộn, ngày ngủ nhiều; tính khí thất thường, tâm trạng hay lo lắng, bồn chồn, thường xuyên có biểu hiện chống đối, cáu gắt; thường thích ở một mình, lười lao động, luôn trong tình trạng uể oải, mệt mỏi, chán ăn, không chăm lo vệ sinh cá nhân; có nhu cầu tiêu tiền ngày một nhiều hoặc sử dụng tiền không có lí do chính đáng; dễ bị kích động, không làm chủ được hành vi, ảo giác, mạnh động, bạo lực. Ngoài ra, để có cơ sở chắc chắn cần đưa người có những biểu hiện nghiện ma túy đến cơ sở y tế để kiểm tra.

3. Hình thức, con đường gây nghiện ma túy

a) **Mục tiêu:** Hiểu được các hình thức, con đường gây nghiện ma túy phổ biến gắn với HS, với môi trường nhà trường. Giúp HS chủ động nhận biết được các con đường gây nghiện và có biện pháp phòng tránh cho bản thân.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

GV đưa ra câu hỏi: Hãy nêu một số hình thức sử dụng trái phép chất ma túy.

GV yêu cầu HS đọc nội dung SGK, trao đổi với các bạn về hiểu biết của mình.

GV cần nhấn mạnh tầm quan trọng của hình thức, con đường gây nghiện ma túy đối với công tác phòng, chống ma túy. GV sử dụng một số ví dụ về người nghiện ma túy đã có trên địa bàn

(hoặc qua phương tiện đại chúng) để làm rõ con đường nghiện ma túy của những người này.

GV gợi ý để HS trình bày những hiểu biết của mình về con đường dẫn đến nghiện ma túy. Sau đó, GV tổng hợp và đưa ra những hình thức, con đường nghiện ma túy.

Sau khi HS phát biểu, trình bày hiểu biết của mình, GV đưa ra những nội dung chính về hình thức, con đường nghiện ma túy:

Bản thân người nghiện ma túy chủ động tìm đến với ma túy và sử dụng những chất này.

Người nghiện ma túy do tò mò muốn tìm hiểu cảm giác lạ khi sử dụng chất ma túy.

Người nghiện ma túy muốn thể hiện bản thân, khẳng định cái tôi với bạn bè xung quanh.

Người nghiện ma túy bị bạn bè lôi kéo, xúi giục, kích động sử dụng chất ma túy.

Người nghiện ma túy do bị các đối tượng khác cưỡng bức sử dụng chất ma túy.

Ngoài ra, GV cần nhấn mạnh cho HS, để không đi vào con đường nghiện ma túy, HS cần chú ý: Tuyệt đối không được dùng thử các chất ma túy; cảnh giác trước những đồ ăn vật không rõ nguồn gốc; từ chối những lời mời, rủ rê của người khác về việc sử dụng chất ma túy; chủ động bảo vệ bản thân; quyết tâm cai nghiện khi bị mắc nghiện.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH ĐỐI VỚI VIỆC PHÒNG, CHỐNG MATUÝ

1. Nhận thức

a) **Mục tiêu:** HS nhận thức được trách nhiệm của mình trong phòng, chống ma túy.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

GV nêu vấn đề: Để xác định được trách nhiệm và thực hiện tốt các quy định thì nhận thức của HS về công tác phòng, chống ma túy phải như thế nào?

Sau khi nêu vấn đề, GV nên cho tập thể lớp thời gian 2-3 phút suy nghĩ, sau đó yêu cầu HS phát biểu.

2. Trách nhiệm của cá nhân

a) **Mục tiêu:** HS nhận thức được đầy đủ trách nhiệm của bản thân mình đối với công tác phòng, chống ma túy. Từ đó, có những việc làm, hành động, công việc cụ thể góp phần đẩy lùi tệ nạn ma túy ra khỏi đời sống xã hội.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

GV đưa ra câu hỏi: HS có trách nhiệm gì trong phòng, chống ma túy?

Đối với nội dung này, GV nên chia lớp học thành các nhóm, cho các nhóm tự thảo luận trong thời gian khoảng 10 phút vào giấy khổ AO (hoặc cho các nhóm chuẩn bị trên slide ở nhà theo chủ đề; trình bày tại tiết học chính thức). Sau khi chuẩn bị, GV cho các nhóm trình bày kết quả của mình.

Quá trình trình bày của các nhóm, GV điều hành và có thể nêu những vấn đề khúc mắc, quan điểm trái chiều để các nhóm giải đáp. Sau phần trình bày của các nhóm, GV nhận xét, tổng hợp đưa ra những nội dung cần thiết. Thông qua nội dung này, GV nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm của HS trong công tác phòng, chống ma túy.

GV kết luận nội dung về trách nhiệm của HS:

Không vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy.

Thực hiện nghiêm các quy định, chương trình, hoạt động của nhà trường về phòng, chống ma túy.

Vận động thành viên trong gia đình, bạn bè, cộng đồng nơi cư trú thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy.

Kịp thời tố giác người có hành vi vi phạm pháp luật về ma túy cho gia đình, nhà trường, cơ quan chức năng.

GV chốt kiến thức: Chất ma túy là những chất gây hại cho người sử dụng, tồn tại ở nhiều dạng khác nhau; pháp luật về phòng, chống ma túy quy định về hình phạt, trách nhiệm trong phòng, chống ma túy (Bộ luật Hình sự; Luật Phòng, chống ma túy; Luật Xử lý vi phạm hành chính); ma túy gây hại cho người sử dụng và tác động đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội; có nhiều hình thức, con đường dễ dẫn đến nghiện ma túy; mỗi HS phải luôn ý thức bảo vệ chính mình và thể hiện trách nhiệm cá nhân trong công tác phòng, chống ma túy.

Hoạt động 3. Luyện tập

a) **Mục tiêu:** Thông qua các câu hỏi giúp HS củng cố lại những kiến thức cơ bản đã được học, trong đó tập trung vào các chất ma túy, tác hại của ma túy, nhất là tình trạng ma túy học đường. Đồng thời, bước đầu có những định hướng giúp HS có sự liên hệ với các hoạt động của nhà trường có liên quan đến công tác phòng, chống ma túy.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

Câu 1: GV định hướng HS ôn tập nắm được các chất ma túy điển hình và phổ biến ở Việt Nam hiện nay.

Câu 2: GV định hướng HS ôn tập nắm được hậu quả, tác hại của tình trạng ma túy xâm nhập vào trường học.

Câu 3: GV định hướng HS kể lại (hoặc nhắc lại) về một số hoạt động nhà trường, lớp học đã triển khai trong thời gian trước đó.

Hoạt động 4. Vận dụng

a) Mục tiêu: Ngoài việc củng cố kiến thức đã học, phần này giúp HS mở rộng kiến thức, chú trọng liên hệ thực tiễn, trong đó tập trung các hoạt động gắn với nhà trường, với địa bàn mà các em đang sinh sống; phát huy tính sáng tạo, chủ động; ý thức trách nhiệm cộng đồng của các em được khơi gợi bằng những việc làm cụ thể, có ý nghĩa.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

Câu 1: GV hướng dẫn HS quan sát ở địa bàn (xã, phường, thị trấn) nơi các em sinh sống lực lượng công an đã thực hiện công tác phòng, chống ma túy như: Tổ chức tuyên truyền phòng, chống ma túy trong trường học; thường xuyên đến các gia đình có người nghiện ma túy hỏi thăm, động viên; bắt giữ những đối tượng phạm tội về ma túy có trên địa bàn,...

Câu 2: GV hướng dẫn cho HS địa chỉ của những người, cơ quan, đơn vị để các em sưu tầm những hình ảnh, video về hậu quả, tác hại của tình trạng nghiện ma túy như: Gặp các chú công an xã, công an phường; vào trang web của Bộ Công an; trang web của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội,...

PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Trình bày được một số nội dung cơ bản pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

Tự giác tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn giao thông và tham gia giao thông an toàn, biết tuyên truyền vận động mọi người và chấp hành nghiêm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Học liệu: SGK, SGV, sách bài tập, giáo án, hệ thống câu hỏi, đáp án trắc nghiệm liên quan đến các quy định cơ bản của Luật Giao thông đường bộ, tài liệu liên quan.

Thiết bị dạy học: Máy chiếu, tranh, ảnh, hệ thống biển báo hiệu giao thông đường bộ, gậy chỉ huy giao thông hoặc cờ loại nhỏ,...

C. HƯỚNG DẪN TỒ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

Hoạt động 1. Khởi động

a) **Mục tiêu:** HS xác định được vấn đề cần giải quyết trong bài học.

b) **Nội dung - tổ chức thực hiện**

- GV hướng dẫn HS quan sát hình 4.1 trong SGK hoặc trình chiếu các hình ảnh lên màn hình và yêu cầu HS trả lời lần lượt các câu hỏi.
- GV nhận xét kết quả trả lời của HS và đưa ra đáp án đúng như sau:

Câu 1: Hình 4.1b (người điều khiển xe mô tô chở quá số người quy định và không đội mũ bảo hiểm, người ngồi trên mô tô không đội mũ bảo hiểm); hình 4.1c (người lái đồ chở quá số người quy định, người trên đồ không mặc áo phao).

Câu 2: Giao thông đường bộ (hình 4.1b), giao thông đường sắt (hình 4.1d), giao thông đường thủy nội địa (hình 4.1c), giao thông đường hàng không (hình 4.1a).

- GV có thể khái quát: Thông qua các hình ảnh trên, HS có thể nhận biết được hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông và thấy được các loại hình giao thông chủ yếu gồm: giao thông đường bộ, giao thông đường sắt, giao thông đường thủy nội địa, giao thông đường hàng không. Trong đó, hoạt động giao thông đường bộ là loại hình giao thông phổ biến và là loại hình giao thông HS thường xuyên tham gia hoạt động.

Hoạt động 2. Khám phá

1. NHẬN THỨC CHUNG

2. Pháp luật về trật tự an toàn giao thông

a) **Mục tiêu:** HS biết được thế nào là pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

GV trình bày đầy đủ khái niệm và giải thích thêm:

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành gồm rất nhiều loại, ví dụ như: Hiến pháp, Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Thông tư, Quy định, Quyết định,... Mỗi một văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh mối quan hệ của một hoặc nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó có lĩnh vực về trật tự an toàn giao thông.

Ví dụ: Luật Tổ tụng hình sự quy định về trình tự điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự; Luật Giao thông đường bộ quy định về quy tắc giao thông đường bộ; kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; phương tiện và người tham gia giao thông đường bộ; vận tải đường bộ và quản lý nhà nước về giao thông đường bộ. Luật Giao thông đường bộ là văn bản pháp luật về trật tự an toàn giao thông. Luật Tổ tụng hình sự là văn bản pháp luật trong lĩnh vực khác, không phải văn bản pháp luật về trật tự an toàn giao thông. GV có thể lấy ví dụ khác và yêu cầu HS xác định văn bản pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SGK.

3. Vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông

a) **Mục tiêu:** HS nhận biết được vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông và các dấu hiệu nhận biết.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

- GV trình bày đầy đủ khái niệm, dấu hiệu và ví dụ về hành vi vi phạm pháp luật.

GV có thể lấy ví dụ và phân tích thêm hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông, ngoài ví dụ trong SGK.

- GV có thể phân tích, giải thích thêm đối với các dấu hiệu:

+ Dấu hiệu về hành vi, đó là hành vi xác định gồm:

Hành vi hành động là làm một việc pháp luật cấm. Ví dụ: Hành vi của người điều khiển mô tô bốc đầu. Luật cấm người điều khiển mô tô đi bằng một bánh (bốc đầu) nhưng người điều khiển mô tô vẫn điều khiển mô tô bốc đầu.

Hành vi không hành động là không làm một việc mà pháp luật yêu cầu phải làm mặc dù có điều kiện để làm. Ví dụ: Người điều khiển mô tô khi tham gia giao thông không đội mũ bảo hiểm.

Luật quy định người ngồi trên mô tô khi tham gia giao thông phải đội mũ bảo hiểm.

+ Dấu hiệu lỗi: Lỗi là trạng thái tâm lí hay thái độ của chủ thể đối với hành vi của mình và đối với hậu quả của hành vi đó gây ra cho xã hội được thể hiện dưới hai hình thức: cố ý hoặc vô ý.

Lỗi cố ý gồm 2 loại:

cố ý trực tiếp là lỗi của một chủ thể khi thực hiện hành vi trái pháp luật nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật, thấy trước được hậu quả của hành vi đó và mong muốn cho hậu quả đó xảy ra (ví dụ một người dùng dây chằng ngang đường để người đi đường bị ngã).

cố ý gián tiếp là lỗi của một chủ thể khi thực hiện một hành vi trái pháp luật nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật, thấy trước được hậu quả của hành vi đó, tuy không mong muốn song có ý thức để mặc cho hậu quả đó xảy ra (ví dụ người đua xe trái phép đâm vào người khác nhưng không cứu giúp mà bỏ chạy làm người đó bị thương hoặc chết).

Lỗi vô ý gồm 2 loại:

Vô ý vì cẩu thả là lỗi của một chủ thể đã gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội nhưng do cẩu thả nên không thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả đó, mặc dù có thể thấy trước và phải thấy trước hậu quả này (ví dụ người dân tộc thiểu số không có điều kiện tiếp xúc với sách, báo, thông tin, không biết luật giao thông khi tham gia giao thông nên họ vượt đèn đỏ).

Vô ý vì quá tự tin là lỗi của một chủ thể tuy thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội song tin chắc rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được nên mới thực hiện và có thể gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội (ví dụ nhu hành vi phoi thóc trên đường).

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SGK. Đáp án của câu hỏi là lỗi vô ý.

GV giải thích thêm: Theo quy định của pháp luật hành chính, người vi phạm từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình gây ra do lỗi cố ý. Từ 16 tuổi trở lên, người vi phạm phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình gây ra cho dù lỗi đó là vô ý hoặc cố ý. GV có thể lấy ví dụ thêm.

4. Phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông

a) Mục tiêu: HS biết được thế nào là phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông và phân biệt hai hoạt động trên.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV trình bày các khái niệm phòng ngừa và đấu tranh chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông. GV có thể lấy ví dụ minh họa.

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SGK. Phân biệt rõ sự khác nhau giữa hai hoạt động đấu

tranh và phòng ngừa vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông để giải đáp câu hỏi.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH

1. Trách nhiệm chung

a) Mục tiêu

HS nắm được cơ sở trong việc xác định nghĩa vụ, trách nhiệm của mọi công dân nói chung, HS nói riêng phải tham gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

Giúp HS nắm được các quy định cơ bản khi tham gia giao thông để thực hiện trong thực tiễn.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

- vấn đề 1: Nghĩa vụ của HS

GV trình bày logic vấn đề như SGK và đi đến kết luận: HS có nghĩa vụ phòng, ngừa vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

- Vấn đề 2: Thực hiện nghiêm các quy định về trật tự an toàn giao thông

Chủ yếu đặt câu hỏi về các quy định có liên quan đến các quy định cơ bản của pháp luật trật tự an toàn giao thông trên các lĩnh vực để kích thích sự tìm hiểu và suy nghĩ của HS.

Đáp án các câu hỏi.

+ Các động tác chỉ huy giao thông:

Động tác trên hình 4.2c: Báo hiệu cho người tham gia giao thông ở các hướng đều phải dừng lại.

Động tác trên hình 4.2b, 4.2g: Báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía trước và ở phía sau người chỉ huy phải dừng lại; người tham gia giao thông ở phía bên phải và bên trái người chỉ huy được đi tất cả các hướng.

Động tác trên hình 4.2d: Báo hiệu cho người tham gia giao thông bên phải của người chỉ huy đi nhanh hơn.

Động tác trên hình 4.2e: Báo hiệu cho người tham gia giao thông bên trái của người chỉ huy đi nhanh hơn.

Động tác trên hình 4.2a: Báo hiệu người tham gia giao thông ở bên phải người chỉ huy dừng lại

(tương tự bên trái khi bàn tay trái người chỉ huy giơ thẳng đứng vuông góc với mặt đất).

+ Tín hiệu đèn giao thông:

Tín hiệu đèn xanh sáng: Cho phép đi.

Tín hiệu đèn vàng sáng: Báo hiệu sự thay đổi tín hiệu của đèn từ xanh sang đỏ. Tín hiệu vàng bật sáng, người điều khiển phương tiện phải cho xe dừng trước vạch sơn “Vạch dừng xe”. Nếu không có vạch sơn “Vạch dừng xe”, thì phải dừng phía trước đèn tín hiệu theo chiều đi.

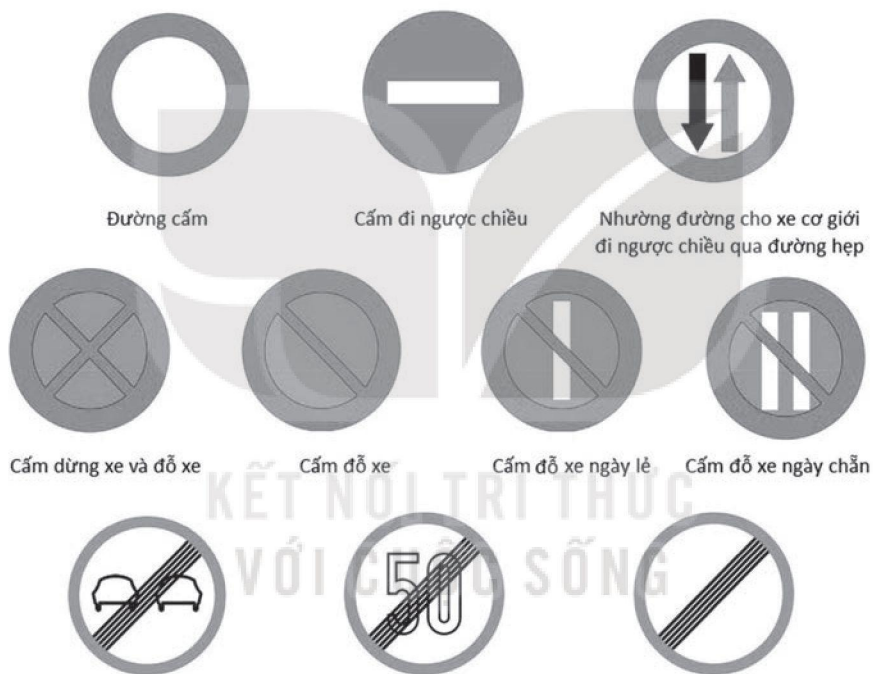
Trường hợp đã tiến sát đến hoặc vượt quá vạch sơn “Vạch dừng xe”, nếu dừng lại sẽ nguy hiểm thì phải nhanh chóng đi tiếp ra khỏi nơi giao nhau.

Tín hiệu đèn vàng nhấp nháy: Báo hiệu được đi nhưng phải chú ý và thận trọng quan sát, nhường đường cho người đi bộ sang đường hoặc các phương tiện theo quy định.

Tín hiệu đèn đỏ sáng: Phải dừng lại trước vạch dừng xe. Nếu không có vạch sơn “Vạch dừng xe” thì phải dừng trước đèn tín hiệu theo chiều đi.

+ Đặc điểm nhận biết các nhóm biển báo giao thông:

Biển cấm: Hình tròn, có viền ngoài và gạch chéo bên trong màu đỏ, nền trắng, nội dung cấm màu đen, có một số biển có đặc điểm khác. GV lấy ví dụ một số biển báo cấm, giới thiệu cho HS biết một số biển báo khác với đặc điểm nhận biết ở trên. Cụ thể:



Biển báo nguy hiểm: Hình tam giác, viền ngoài màu đỏ, nền vàng, nội dung báo nguy hiểm màu đen. GV lấy ví dụ một số biển báo nguy hiểm.

Biển báo hiệu lệnh: Báo hiệu những điều phải làm theo nội dung quy định trên biển hiệu lệnh: Hình tròn, màu xanh, nội dung phải thực hiện màu trắng. GV lấy một số ví dụ biển báo hiệu lệnh.

2. Hành động cụ thể

a) **Mục tiêu:** HS biết và thực hiện tốt một số biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV trình bày các hành động cụ thể mà HS cần làm để tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông. Mỗi một biện pháp, GV cần mô tả, giải thích thêm về biện pháp đó và lấy một hoặc nhiều ví dụ minh họa.

GV cần tập trung hướng dẫn cho HS về biện pháp tuyên truyền, vận động người thân tham gia phòng, ngừa vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông, phần này GV cần trình bày, giải thích và lấy ví dụ với từng ý cụ thể để HS hiểu, biết và có thể vận dụng vào thực tế.

Hoạt động 3. Luyện tập

a) Mục tiêu: HS củng cố lại kiến thức đã học đồng thời giúp HS phát triển tư duy trong hoạt động phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV nêu câu hỏi theo SGK và yêu cầu HS nghiên cứu trả lời.

GV có thể tổ chức thành các nhóm để các nhóm đưa ra câu trả lời. GV điều hành để các nhóm tranh luận và đưa ra nhận xét, kết luận.

GV căn cứ vào ý kiến trả lời của cá nhân và của nhóm để đánh giá, cho điểm phù hợp.

Hoạt động 4. Vận dụng

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học vào thực tế thông qua các hoạt động thực hành.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV nêu câu hỏi theo SGK, yêu cầu HS nghiên cứu trả lời và thực hành.

GV chuẩn bị các phương tiện dạy học như hình ảnh trong SGK, hệ thống biển báo, gây chướng ngại vật, ... yêu cầu HS thực hành theo nội dung câu hỏi trong SGK hoặc sách bài tập.

Căn cứ vào nội dung trả lời và hoạt động thực hành, GV đánh giá, cho điểm phù hợp.

BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Nêu được tình hình bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Nêu được nhiệm vụ của công dân trong việc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Trình bày được trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và các lực lượng vũ trang trong việc bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Tích cực, chủ động thực hiện trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

B. CẤU TRÚC NỘI DUNG, THỜI GIAN VÀ CHUẨN BỊ DẠY HỌC

Máy tính, máy chiếu (nếu có); giấy AO, A4.

Luật An ninh quốc gia, Luật Công an nhân dân; hình ảnh minh hoạ hoặc video có liên quan đến bài học.

C. HƯỚNG DẪN TỒ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

Hoạt động 1. Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS khi nghiên cứu nội dung bài học. Thông qua hình 5.1 giúp HS biết được ý nghĩa của những công việc mà các lực lượng vũ trang đã làm.

b) Nội dung - tổ chức thực hiện

GV yêu cầu HS quan sát hình 5.1 và đặt ra yêu cầu: Em cho biết ý nghĩa của những công việc mà các lực lượng vũ trang nhân dân đã làm.

GV nên dành 2-3 phút để HS quan sát, suy nghĩ sau đó kết hợp chỉ định và lấy tinh thần xung phong của HS.

GV chú ý: cần có sự liên hệ với các hoạt động của các lực lượng vũ trang đóng quân trên địa bàn.

Hoạt động 2. Khám phá

1. TÌNH HÌNH BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

1. Một số khái niệm

a) Mục tiêu: HS nắm được một số khái niệm cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV yêu cầu HS đọc nội dung một số khái niệm trong SGK và đặt câu hỏi: Bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội là gì?

Vì đây là câu hỏi khó nên GV nhận xét; gợi mở đối với từng câu hỏi; động viên, khích lệ nhiều HS cho ý kiến. Qua đó, từng bước thống nhất các yêu cầu cần làm rõ.

GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định, gọi HS trả lời câu hỏi và nhận xét.

GV kết luận nội dung:

An ninh quốc gia là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Trật tự, an toàn xã hội là trạng thái xã hội có trật tự, kỉ cương trong đó, mọi người được sống yên ổn trên cơ sở các quy phạm pháp luật và chuẩn mực đạo đức, pháp lí xác định.

Bảo vệ an ninh quốc gia là phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn xã hội.

2. Tình hình bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

a) Mục tiêu: HS nắm được những vấn đề cơ bản về tình hình an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV nêu vấn đề về tình hình bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội như trong SGK và đặt câu hỏi: Em hãy nêu những hiểu biết của mình về tình hình bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

GV nên lấy tinh thần xung phong, kết hợp chỉ định 3-5 HS.

Để mở rộng kiến thức, có thêm các thông tin, số liệu cập nhật, GV nên lưu ý nghiên cứu SGK, các tài liệu khác có liên quan như: Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc; các bài viết đánh giá về tình hình bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên các phương tiện truyền thông chính thống; khái quát kết quả, tình hình bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, nên gắn một vài ví dụ đối với địa phương.

GV chốt kiến thức: Tình hình thế giới, khu vực diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, các hoạt động xung đột vũ trang, can thiệp, tranh chấp lãnh thổ, biển, đảo vẫn tiếp tục phức tạp. Các thế lực thù địch, phản động tiếp tục thực hiện “diễn biến hoà bình”, tìm mọi cách xoá bỏ vai trò

lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Hoạt động của các loại tội phạm

diễn ra với những phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt, làm cho tình hình trật tự, an toàn xã hội ngày càng phức tạp. Tuy nhiên, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta không một phút lơ là nhiệm vụ, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

II. NHIỆM VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG VIỆC ĐẤU TRANH BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

1. Nhiệm vụ chung

a) **Mục tiêu:** HS nắm được nhiệm vụ chung nhất của công dân trong bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

GV nêu vấn đề và khuyến khích, gợi mở để HS nghiên cứu trả lời. Nội dung này GV nên để HS chủ động phát biểu quan điểm cá nhân, gợi mở thêm những vấn đề có liên quan.

Qua đó xác định, nhiệm vụ chung đó là: Tham gia các lực lượng bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ cụ thể

a) **Mục tiêu:** HS nắm được các nhiệm vụ cụ thể của công dân trong bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Qua đó, liên hệ những kiến thức đã nắm được đối với hoạt động của bản thân và gia đình.

b) **Nội dung - tổ chức thực hiện**

GV sưu tầm một số hình ảnh, câu chuyện gắn với người dân trên địa bàn đã tham gia bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội để HS nghiên cứu, quan sát. Sau khi HS nghiên cứu, quan sát, GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ, phát biểu.

Em và người thân của em tham gia những hoạt động gì để góp phần bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội?

Đối với câu hỏi này, GV yêu cầu HS kể những công việc thường ngày của gia đình các em có liên quan đến bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Đây là những nội dung khá trừu tượng với HS nên GV cần có sự gợi ý, khích lệ HS tích cực phát biểu.

GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm suy nghĩ trong thời gian 3-5 phút; chuẩn bị những vấn đề của nhóm ra giấy khổ lớn; sau thời gian chuẩn bị, GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày.

Sau khi các nhóm trình bày quan điểm của mình, GV tổng hợp và kết luận vấn đề:

Đó là những công việc:

Tổ cáo hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Phát hiện, kiến nghị với chính quyền hoặc cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội khắc phục sơ hở, thiếu sót trong việc thực hiện pháp luật về an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

Phát hiện, cung cấp kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội cho chính quyền hoặc cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội nơi gần nhất.

Thực hiện yêu cầu của cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật.

Giúp đỡ, tạo điều kiện cho cơ quan và người có trách nhiệm tiến hành các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TRONG VIỆC BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

1. Trách nhiệm của Đảng, Nhà nước

a) Mục tiêu: HS nắm được trách nhiệm của các cơ quan trong hệ thống chính trị như Đảng, Nhà nước trong bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV yêu cầu HS quan sát hình 5.2 và cho nhận xét về hoạt động của các lực lượng vũ trang đang tiến hành.

GV gợi mở cho HS, hướng HS suy nghĩ đến trách nhiệm của Đảng, Nhà nước trong bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; lấy tinh thần xung phong của HS về vấn đề này.

Sau đó, GV nhận xét và kết luận vấn đề như sau:

Đảng đề ra đường lối, chính sách và phương pháp đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và đảm bảo trật tự, an toàn xã hội đúng đắn; lãnh đạo chặt chẽ bộ máy nhà nước và các đoàn thể quần chúng thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách đó.

Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật; phát huy vai trò, tác dụng của chính quyền các cấp; phối kết hợp chức năng của các cơ quan nhà nước vào việc bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

2. Trách nhiệm của các lực lượng vũ trang

a) Mục tiêu: HS nhận thức được vai trò, trách nhiệm của lực lượng vũ trang trong bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, cụ thể là trách nhiệm của công an nhân dân, quân đội nhân dân và dân quân tự vệ.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV đưa ra yêu cầu: Em hãy nêu những hoạt động của lực lượng công an, dân quân xã (phường) để bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

GV yêu cầu HS suy nghĩ và phát biểu; đối với yêu cầu này, GV nên lấy 2 - 3 ý kiến của HS.

Để làm rõ nội dung chính của mục này, do nội dung này liên quan đến ba chủ thể nên GV chia lớp ra thành 3 nhóm, mỗi nhóm giao nghiên cứu, chuẩn bị về một chủ thể. Cho các nhóm 3-5 phút để chuẩn bị. Sau thời gian chuẩn bị, GV yêu cầu lần lượt từng nhóm phát biểu. Quá trình trình bày của các nhóm, GV yêu cầu hai nhóm còn lại cho biết thêm quan điểm của nhóm mình.

Sau khi các nhóm trình bày xong, nếu các nhóm không có ý kiến gì khác, GV kết luận vấn đề:

Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ Đảng, Nhà nước, chế độ và nhân dân; đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Quân đội nhân dân là lực lượng nòng cốt bảo vệ sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, phối hợp với các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Dân quân tự vệ cùng với quân đội nhân dân và công an nhân dân bảo vệ Đảng, chính quyền, tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của cơ quan, tổ chức ở địa phương, cơ sở; làm nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc ở địa phương, cơ sở khi có chiến tranh.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH TRONG VIỆC PHÒNG, CHỐNG CÁC HÀNH VI VI PHẠM

PHÁP LUẬT AN NINH QUỐC GIA VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

1. Trách nhiệm chung

a) **Mục tiêu:** HS nhận thức được trách nhiệm của mình về phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

b) **Nội dung - tổ chức thực hiện**

GV yêu cầu HS quan sát hình 5.3 và phát biểu; gợi ý cho HS về những hoạt động của các bạn HS trong hình là gì; ý nghĩa của những hành động đó.

GV khuyến khích nhiều HS phát biểu; quá trình phát biểu nên gợi ý các em liên hệ với các hoạt động của trường, lớp.

GV chốt kiến thức: Bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta. Với vai trò là những chủ nhân tương lai của đất nước, mỗi HS cần phát huy vai trò, thực hiện trách nhiệm công dân với nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội để kế thừa xứng đáng với truyền thống cha ông để lại.

2. Trách nhiệm của học sinh

a) **Mục tiêu:** HS nhận thức được đầy đủ trách nhiệm của bản thân đối với việc bảo vệ an ninh

quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; có liên hệ với thực tiễn học tập, sinh hoạt.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV đưa ra hai chủ đề sau đây:

Những hoạt động của trường em góp phần bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Những cuộc thi tìm hiểu về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội do các tổ chức Đoàn ở địa phương phát động.

Đối với hai chủ đề trên, GV chia lớp thành hai nhóm, mỗi nhóm đảm nhận một chủ đề, các nhóm thảo luận, chuẩn bị nội dung và cử đại diện trình bày, nhóm còn lại có thể bổ sung. GV điều hành hoạt động này và tóm lại những vấn đề chung nhất, vì đây là dạng chủ đề mở.

GV nên chuẩn bị những video, tranh ảnh về hoạt động của nhà trường, của lớp học trong một khoảng thời gian nhất định (có thể 2 - 3 năm gần đây).

GV làm rõ hai chủ đề trên:

- Nhà trường có thể tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về Luật An ninh quốc gia; Luật Công an nhân dân; tổ chức các buổi tuyên truyền về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội (ma túy, cờ bạc,...).
- Tổ chức Đoàn thanh niên ở địa phương có thể tổ chức các hoạt động như: Tuyên truyền về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội nhân dịp ngày thành lập Đoàn 26/3; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về vai trò của đoàn viên,...

Sau khi HS phát biểu, tranh luận, GV kết luận về trách nhiệm của HS:

Nhận thức đầy đủ về trách nhiệm của bản thân trong bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Không thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Không tụ tập bạn bè để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Thông báo cho cơ quan chức năng về những người có hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Kịp thời ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật của bạn bè về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

GV chốt kiến thức:

Đảng, Nhà nước và các lực lượng vũ trang có trách nhiệm trong bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; mỗi HS phải luôn thể hiện trách nhiệm của mình góp phần bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Hoạt động 3. Luyện tập

a) **Mục tiêu:** Thông qua trả lời các câu hỏi HS củng cố lại những kiến thức cơ bản đã được học, trong đó tập trung vào việc chấp hành pháp luật; xây dựng môi trường học đường an toàn; trách nhiệm của bản thân đối với việc bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

Câu 1: GV gợi ý những công việc cụ thể hằng ngày mà HS có thể làm hoặc vận động người thân, bạn bè như: Chấp hành Luật Giao thông đường bộ; chấp hành tốt các quy định của địa phương về phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; chấp hành nghiêm nội quy nhà trường, lớp học,...

Câu 2: GV nêu vấn đề để HS xác định xem hiện nhà trường mình còn những hiện tượng tiêu cực nào không; còn những việc gì chưa thật sự tốt cần khắc phục. Từ đó, GV thống nhất các chủ đề với HS, các em chủ động nghiên cứu làm rõ, thể hiện trách nhiệm cá nhân trong xây dựng môi trường nhà trường, lớp học trong sạch, an toàn.

Hoạt động 4. Vận dụng

a) **Mục tiêu:** Ngoài việc củng cố kiến thức đã học, phần này giúp HS mở rộng kiến thức, chú trọng liên hệ thực tiễn; tập trung các hoạt động gắn với nhà trường, với địa bàn mà các em đang sinh sống; phát huy tính sáng tạo, chủ động của HS; ý thức trách nhiệm cộng đồng của các em được khơi gợi bằng những việc làm cụ thể, ý nghĩa.

b) **Nội dung - tổ chức thực hiện**

Câu 1: GV cần gợi ý để lớp học chọn chủ đề có ý nghĩa nhất để thực hiện. Khi đã chọn được chủ đề, GV hỗ trợ bằng cách gợi ý cách thực hiện, cung cấp các tranh ảnh, tài liệu cần thiết. Quá trình HS làm việc, GV thường xuyên chỉ bảo, hướng dẫn cho các em. Các chủ đề nên tập trung vào như: Tìm hiểu về tác hại của thuốc lá điện tử; Tìm hiểu về Luật Giao thông đường bộ; Tìm hiểu về Luật Phòng, chống ma túy,...

Câu 2: GV gợi ý nguồn tài liệu, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan để HS có thể thu thập được tài liệu. Trong trường hợp cần thiết, GV cùng các em đi đến những địa điểm, gặp gỡ những cá nhân liên quan để thu thập tài liệu (phòng truyền thông, bảo tàng; các nhân chứng lịch sử,...).

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Nêu được một số khái niệm cơ bản về mạng, an ninh mạng, bảo mật thông tin cá nhân trên môi trường không gian mạng; nội dung cơ bản của Luật An ninh mạng.

Bảo mật được thông tin cá nhân, cảnh giác trước những thủ đoạn xâm nhập, phát tán mã độc, thông tin giả trên mạng,...

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Bảng viết (hoặc bảng tương tác), máy tính, máy chiếu (nếu có điều kiện).

Giáo án, SGK, tài liệu, học liệu về Luật An ninh mạng, các hình ảnh minh họa hoặc video có liên quan đến bài học.

C. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

Hoạt động 1. Khởi động

a) Mục tiêu: HS xác định được một số dịch vụ Internet phổ biến và các thông tin cần thiết khi đăng kí tài khoản mạng xã hội.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

Cách 1: GV hướng dẫn HS quan sát hình ảnh trong SGK và thực hiện nhiệm vụ kể tên một số dịch vụ Internet phổ biến mà em thường sử dụng. GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định, gọi HS trả lời câu hỏi, GV có thể ghi các dịch vụ Internet mà HS trả lời lên bảng (dịch vụ thư điện tử, dịch vụ tìm kiếm thông tin, dịch vụ học tập từ xa, dịch vụ trò chơi trực tuyến,...).

GV kết luận về nội dung nhiệm vụ thứ nhất, liên hệ từ các câu trả lời của HS, GV dẫn dắt nêu nhiệm vụ tiếp theo: Khi đăng kí tài khoản trên mạng xã hội em thường phải khai báo các thông tin gì? (họ, tên, ngày sinh, giới tính, số điện thoại,...). Từ việc HS trả lời, GV dẫn dắt vào bài học.

Cách 2: Ngoài ra, GV có thể thiết kế các hoạt động khởi động khác phù hợp với thực tế, ví dụ như chiếu một đoạn video về các nội dung có liên quan, sau đó dẫn dắt vào bài học.

Hoạt động 2. Khám phá

I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ MẠNG VÀ AN NINH MẠNG

1. Mạng

a) Mục tiêu: HS nắm được khái niệm cơ bản về mạng và liệt kê được các thiết bị cơ bản để trao đổi thông tin trên mạng.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV hướng dẫn HS tìm hiểu khái niệm về mạng theo SGK và quan sát hình 6.2 để trả lời câu hỏi về những thiết bị dùng để trao đổi thông tin trên mạng; có thể gợi ý cho HS về các thiết bị như máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng và điện thoại thông minh có kết nối mạng.

Dựa vào hình vẽ, GV giải thích để HS phân biệt các thiết bị trao đổi thông tin trên mạng, các quá trình cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ thông tin.... từ đó kết luận nội dung trọng tâm về khái niệm mạng là môi trường trong đó, thông tin được cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông qua mạng viễn thông và mạng máy tính.

Căn cứ vào thời gian cho phép, GV có thể mở rộng, liên hệ phân biệt mạng viễn thông và mạng máy tính.

2. An ninh mạng

a) Mục tiêu: HS nắm được khái niệm cơ bản về an ninh mạng và nhận thức được sự cần thiết phải bảo vệ an ninh mạng.

b) Nội dung - tổ chức thực hiện

GV hướng dẫn HS tìm hiểu khái niệm về an ninh mạng theo SGK và vận dụng phương pháp phát vấn để hỏi HS câu hỏi về sự cần thiết phải bảo vệ an ninh mạng; có thể gợi ý HS liên hệ với tình hình an ninh mạng hiện nay đặt ra yêu cầu cấp thiết phải bảo vệ an ninh mạng đáp ứng yêu cầu thực tế, nhận thức về các nguy cơ và hậu quả có thể xảy ra nếu không bảo vệ an ninh mạng.

GV lấy tinh thần xung phong hoặc chỉ định từ 1 đến 2 HS trả lời, ghi tóm tắt các ý trả lời lên bảng để các em so sánh, đối chiếu; GV phân tích, làm rõ khái niệm và kết luận nội dung về an ninh mạng.

Căn cứ vào thời gian cho phép, GV có thể mở rộng, liên hệ phân biệt khái niệm an ninh mạng với khái niệm an toàn thông tin.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT AN NINH MẠNG

1. Một số nhóm hành vi bị nghiêm cấm thực hiện trên không gian mạng

a) Mục tiêu: HS liệt kê được một số nhóm hành vi bị nghiêm cấm thực hiện trên không gian mạng theo quy định của Luật An ninh mạng.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV giới thiệu khái quát về Luật An ninh mạng, hướng dẫn HS nghiên cứu Điều 8 về các hành vi bị nghiêm cấm trong Luật An ninh mạng; gợi mở để HS thực hiện nhiệm vụ trả lời câu hỏi thứ nhất trang 33 SGK; lưu ý các hành vi nêu trong ý a, c, d, e, g là không được thực hiện trên không gian mạng và thống nhất trình bày kết luận trên bảng hoặc máy chiếu (nếu có).

2. Bảo vệ trẻ em trên không gian mạng

a) **Mục tiêu:** HS nhận thức được việc trẻ em có quyền được bảo vệ, tiếp cận thông tin khi tham gia các hoạt động trên không gian mạng theo quy định trong Luật An ninh mạng.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

GV hướng dẫn HS tìm hiểu Điều 29, Luật An ninh mạng về bảo vệ trẻ em trên không gian mạng; có thể tổ chức cho HS thực hiện một cuộc thảo luận nhỏ để tạo hứng thú học tập. Sau đó, GV tóm tắt, kết luận.

3. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng

a) **Mục tiêu:** HS nắm được trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng; nhận thức được vị trí, vai trò và tầm quan trọng của việc ban hành Luật An ninh mạng.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

GV giới thiệu nội dung quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng và định hướng HS trả lời câu hỏi về sự cần thiết phải ban hành Luật An ninh mạng. Việc ban hành Luật An ninh mạng nhằm tạo ra các thiết chế, cơ sở pháp lý chống lại các nguy cơ đe dọa đến an ninh quốc gia từ không gian mạng; phòng ngừa và xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng; triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng và quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Đây là câu hỏi khó, đòi hỏi HS phải có tư duy khá cao; vì vậy, GV nên lấy tinh thần xung phong; kết hợp với gợi mở để được câu trả lời tốt nhất. Sau đó, GV tóm tắt, kết luận.

III. BẢO MẬT THÔNG TIN CÁ NHÂN TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

1. Một số thủ đoạn đánh cắp thông tin cá nhân người dùng

a) **Mục tiêu:** HS hiểu được khái niệm về thông tin cá nhân và nâng cao ý thức cảnh giác với một số thủ đoạn đánh cắp thông tin cá nhân người dùng.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

GV hướng dẫn HS tìm hiểu tình trạng lộ, lọt, đánh cắp thông tin cá nhân trên không gian mạng diễn ra gần đây; gợi mở để HS nêu được một số phương thức phổ biến mà các đối tượng xấu thường sử dụng để đánh cắp thông tin cá nhân như thông qua các website có nội dung hấp dẫn, thu hút người dùng, khi người dùng truy cập sẽ tự động cài mã độc vào máy để thu thập thông tin; thông qua phần mềm được cung cấp miễn phí không rõ nguồn gốc trên mạng Internet; thông qua thư điện tử, virus thường giả mạo địa chỉ email để tiến hành phát tán mã độc qua email,...

GV lấy tinh thần xung phong kết hợp với chỉ định HS trả lời câu hỏi; GV nhận xét, kết luận nội dung. Khi kết luận, GV cần làm sáng tỏ thủ đoạn đánh cắp thông tin cá nhân người dùng.

2. Một số biện pháp bảo mật thông tin cá nhân trên mạng

a) **Mục tiêu:** HS biết cách bảo mật thông tin cá nhân, nâng cao ý thức cảnh giác trước những thủ đoạn xâm nhập, phát tán mã độc, thông tin giả trên mạng.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV giới thiệu về các biện pháp bảo mật thông tin cá nhân trên không gian mạng và hướng dẫn HS quan sát hình 6.3 để trả lời câu hỏi về những biện pháp bảo vệ thông tin cá nhân khi tham gia vào mạng Internet; giải thích tác dụng của từng biện pháp đó. Đây là câu hỏi yêu cầu HS phải tìm hiểu, chất lọc thông tin trong hình để trả lời; vì vậy, GV nên lấy tinh thần xung phong hoặc chỉ định những em có học lực khá, giỏi để thực hiện nội dung nhiệm vụ này.

GV nhận xét, định hướng nghiên cứu, kết luận, nêu bật được việc nâng cao ý thức cảnh giác trước những thủ đoạn xâm nhập, phát tán mã độc, thông tin giả trên mạng.

Hoạt động 3. Luyện tập

a) Mục tiêu: HS trình bày được các hình thức tuyên truyền, giáo dục về bảo đảm an ninh mạng, những biện pháp bảo vệ thông tin cá nhân khi tham gia mạng xã hội, từ đó nâng cao ý thức của bản thân trong việc chấp hành và tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật An ninh mạng.

b) Nội dung - tổ chức thực hiện

GV tóm lược nội dung kiến thức trọng tâm và hướng dẫn HS đọc SGK và trả lời các câu hỏi luyện tập.

Câu 1: HS trả lời về các hình thức tuyên truyền, giáo dục mà nhà trường đã tổ chức thực hiện nhằm nâng cao nhận thức về an ninh mạng cho HS, liên hệ và cho biết hiệu quả của các hình thức tuyên truyền, giáo dục đó.

Câu 2: HS trả lời về những biện pháp để bảo vệ thông tin cá nhân, phòng chống vi phạm pháp luật khi tham gia vào mạng xã hội, từ đó nâng cao ý thức của bản thân trong việc chấp hành và tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật An ninh mạng.

Hoạt động 4. Vận dụng

a) Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức về an ninh mạng vào thực tiễn cuộc sống và liên hệ, rút ra bài học cho bản thân.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

Câu 1: GV giao nhiệm vụ cho HS vận dụng kiến thức để trả lời các câu hỏi trong SGK. HS tìm hiểu một số quy định trong Luật An ninh mạng để trả lời về việc Bình dùng mạng xã hội để đăng tải các thông tin cá nhân của An có vi phạm pháp luật hay không? Những người chia sẻ bài viết của Bình trên mạng xã hội về thông tin cá nhân của An có vi phạm pháp luật hay không, căn cứ nào để đưa ra nhận định như vậy. Liên hệ, rút ra được những điều gì cho bản thân.

Câu 2: HS tìm hiểu, sưu tầm trên các phương tiện thông tin đại chúng về một số vụ việc vi phạm

Luật An ninh mạng đã được phát hiện và xử lý trong thời gian gần đây, trích dẫn từ các trang web uy tín, cổng thông tin điện tử chính thức của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng,... từ đó liên hệ, rút ra bài học cho bản thân.

THƯỜNG THỨC PHÒNG TRÁNH MỘT SỐ LOẠI BOM, MÌN, ĐẠN, VŨ KHÍ HOÁ HỌC, VŨ KHÍ SINH HỌC, VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO, THIÊN TAI, DỊCH BỆNH VÀ CHÁY NỔ

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Phân tích được tác hại của bom, mìn, đạn, vũ khí hoá học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ.

Nhận diện được một số loại bom, mìn, đạn, vũ khí hoá học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, vật liệu nổ; nguy cơ xảy ra mất an toàn do thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ gây ra.

Biết cách phòng, tránh và hướng dẫn phòng, tránh tác hại của bom, mìn, vũ khí hoá học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Máy tính, máy chiếu (nếu có); giấy AO.

Tranh, ảnh hoặc video về các loại bom, mìn, đạn, bệnh Bạch hầu và dịch Covid-19, cháy nổ theo hình 7.1- 7.5 trong SGK.

C. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

Hoạt động 1. Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS và hướng HS bước đầu nhận biết được tác hại của các loại vũ khí trong chiến tranh, từ đó kết nối HS vào bài học.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV yêu cầu HS kể tên một số loại vũ khí thường sử dụng trong chiến tranh và tác hại của các loại vũ khí đó.

GV dẫn dắt vào bài học: Trong chiến tranh thường sử dụng các loại vũ khí như: Bom, mìn, súng, đạn,... nhằm sát thương sinh lực, phá huỷ phương tiện kỹ thuật đối phương. Để hạn chế và tránh bị sát thương, chúng ta cần biết cách nhận dạng, phòng tránh tác hại của các loại vũ khí đó.

Hoạt động 2. Khám phá

1. PHÒNG, TRÁNH BOM, MÌN, ĐẠN, VŨ KHÍ HOÁ HỌC, VŨ KHÍ SINH HỌC VÀ VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO

1. Tác hại

a) Mục tiêu: HS nhận biết được tác hại của bom, mìn, đạn, vũ khí hoá học, vũ khí sinh học và vũ khí công nghệ cao.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV chia lớp thành các nhóm, hướng dẫn HS đọc thông tin kết hợp quan sát hình 7.1 trong SGK và thực hiện yêu cầu: Em hãy phân biệt các loại bom, mìn, đạn trong hình 7.1.

Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung về cách nhận dạng các loại bom, mìn, đạn trong hình 7.1.

Gợi ý'

Bom bi quả dứa có dạng hình trụ, sơn màu vàng, có 6 cánh ở đuôi bom để chỉnh hướng (giống quả dứa), vỏ được làm bằng kim loại. Bom bi quả cam có hình cầu, sơn màu vàng (giống quả cam), trên thân bom được tạo rãnh ngang, dọc. Bom bi quả ổi có dạng hình cầu và sơn màu xám xanh, xung quanh bom có 4 đường gân định hướng, vỏ bằng kim loại.

Mìn M14 là loại mìn nhỏ, đường kính 56 mm, cao 40 mm, chủ yếu làm bằng nhựa, nửa trên trơn, nửa dưới có các gờ dọc, mặt trên có mũi tên đập nổi.

Mìn M18A1 có vỏ màu ô liu, hình dáng là một phần của hình trụ, lồi về phía trước. Trên vỏ, phần mặt lồi có dòng chữ “Front Toward Enemy” (mặt trước và đặt hướng về phía đối phương). Vỏ bằng nhựa chứa chất nổ mạnh, có nhồi những viên bi kim loại ở bề mặt lồi, có chân để cắm xuống đất.

Đạn cối 81 có hình khí động học thon dần về phía đầu và đuôi để giảm sức cản của không khí trong quá trình bay. Phía đầu có ngòi nổ, trên thân có vòng đai để định tâm, phía đuôi có ống và cánh đuôi (8 - 12 cánh đuôi), trên ống đuôi có các lỗ để truyền lửa từ liều chính sang liều phụ khi bắn. vỏ đạn được làm bằng gang và thép, trên thân có sơn bảo vệ và ghi các kí hiệu ngày, tháng, năm, nơi sản xuất, loại đạn, loại thuốc nhồi, số lượng cánh đuôi và loại ngòi sử dụng.

Đạn M79 có dạng hình ống (dài 104 cm), gồm có ống phóng và đầu đạn, đầu đạn có hình trụ còn về một đầu (đường kính 4 cm); có màu hoặc sáng bạc óng ánh, bắt mắt; vỏ làm bằng kim loại.

GV khái quát về tác hại của bom, mìn, đạn, vũ khí hoá học, vũ khí sinh học và vũ khí công nghệ cao.

2. Một số biện pháp phòng, tránh

a) Mục tiêu: HS nắm được một số biện pháp và biết cách phòng, tránh tác hại của bom, mìn, đạn.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV chia lớp thành các nhóm, hướng dẫn HS đọc thông tin, kết hợp quan sát hình 7.2 trong SGK và thực hiện yêu cầu, trả lời câu hỏi: Nêu nội dung các ảnh ở hình 7.2.

Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung về nội dung các ảnh ở hình 7.2.

Gợi ý:

Hình 7.2a thể hiện việc lợi dụng công sự, trận địa, giao thông hào để tránh sát thương do bom, đạn của đối phương; đồng thời, dựa vào công sự có thể tiêu diệt đối phương, bảo vệ mình và hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu.

Hình 7.2b thể hiện pháo cao xạ sẵn sàng đánh trả máy bay ném bom của địch, làm hạn chế và giảm thương vong do quân địch tác chiến bằng không quân.

Hình 7.2c thể hiện việc sử dụng các thiết bị để rà tìm các loại bom, mìn, đạn, vật liệu nổ, từ đó có biện pháp xử lý đảm bảo an toàn, làm giảm tác hại do bom, mìn, đạn, vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh.

GV nêu tiếp câu hỏi: Để hạn chế tác hại do bom, mìn của địch gây ra chúng ta cần làm gì?

Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung về các biện pháp phòng, tránh tác hại của bom, mìn, đạn.

GV yêu cầu 2 HS ghi tóm tắt những biện pháp phòng, tránh bom, mìn, đạn lên bảng, sau đó hệ thống và phân tích từng biện pháp, định hướng HS vận dụng trong cuộc sống, nhất là những địa phương còn sót lại nhiều bom, mìn, đạn, vật liệu nổ sau chiến tranh.

Kết thúc nội dung, GV yêu cầu HS tóm tắt lại tác hại và biện pháp phòng, tránh bom, mìn, đạn.

II. PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI, DỊCH BỆNH VÀ CHÁY NỔ

1. Phòng, chống thiên tai

a) Mục tiêu: HS nắm được tác hại và biết cách phòng tránh một số loại thiên tai thường xảy ra ở địa phương.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV chia lớp thành các nhóm, hướng dẫn HS huy động kiến thức đã có, kết hợp đọc thông tin và hoàn thành bảng trong SGK.

Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung về tác hại, biện pháp phòng, tránh một số thiên tai thường xảy ra ở địa phương.

Gợi ý:

Bão: Gây thương vong và làm ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng (chết người, bị thương, dịch bệnh). Gây thiệt hại về vật chất như mất mát tài sản, hư hỏng công trình, ngưng trệ giao thông, gián đoạn thông tin. Gây thiệt hại về sản xuất như mất mùa, làm chết gia súc và dịch bệnh ở gia súc; thiếu lương thực và nước sạch cho sinh hoạt. Gây thiệt hại về môi trường như ô nhiễm môi trường, lũ lụt, lũ quét và sạt lở đất có thể xảy ra do mưa lớn.

Biện pháp phòng tránh: cắt tỉa cây xanh, thường xuyên nghe thông tin về bão, chuẩn bị chu đáo về lương thực, thực phẩm và những vật chất cần thiết, chằng chống nhà cửa chắc chắn. Ở trong

các nhà kiên cố, không ra ngoài, không ra khơi trong thời gian có bão, tránh xa các ổ điện hoặc dây điện đứt, không trú ẩn dưới gốc cây hay đứng gần cột điện, chăm sóc người già và trẻ em.

Lũ, ngập lụt: Gây thiệt hại cho người, động vật, cơ sở vật chất; làm phát sinh dịch bệnh, cản trở giao thông; ảnh hưởng tới nguồn nước sạch, nước bị nhiễm mặn (vùng ven biển).

Biện pháp phòng tránh: Thường xuyên theo dõi thông tin về lũ lụt, chuẩn bị lương thực, nước uống, đèn pin. Khi lũ lụt xảy ra cắt hết các nguồn điện, di chuyển đến nơi an toàn, sử dụng áo phao hoặc các đồ vật nổi. Không bơi lội, chơi đùa nơi ngập lụt, không uống nước lụt, không ăn thức ăn ngâm trong nước. Không đến những nơi dễ mất an toàn như gần bờ sông hay công trình bị sập đổ, không câu, đánh cá, vớt củi ở sông, suối khi có mưa lớn, không lội xuống nước khi thấy dây điện hoặc cột điện đổ xuống nước.

Sạt lở đất, đá: Có thể chôn vùi người, động vật, phá huỷ nhà cửa, đồ đạc.

Biện pháp phòng tránh: Thường xuyên nghe dự báo thời tiết về các đợt mưa lớn, lắng nghe và cảnh giác với bất kì tiếng động không bình thường nào có thể do đất đá chuyển động gây ra, chú ý đến sự thay đổi của nước từ trong thành đục, sẵn sàng rời khỏi nhà, sơ tán đến nơi an toàn. Không chặt phá rừng, không đến những nơi dòng chảy của sạt lở đất, khu vực cầu, cống khi nước đang lên, dòng chảy mạnh.

Hạn hán: Làm cho con người không có nước để sử dụng hằng ngày, dễ gây ra các bệnh về tiêu chảy và truyền nhiễm, thiếu nước để chăn nuôi và trồng trọt. Các dòng sông ở vùng ven biển khi bị cạn kiệt dễ bị nhiễm mặn, ảnh hưởng đến nguồn nước ngọt khi nước biển lấn sâu vào đất liền.

Biện pháp phòng tránh: Thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết để nắm chắc thông tin về hạn hán, tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước, kiểm tra kĩ đường ống nước tránh bị vỡ, rò rỉ, sử dụng nước hợp lí và tận dụng tối đa nguồn nước mưa, giữ tốt hạt giống và để dành cỏ để chăn nuôi gia súc. Không xả rác gây ô nhiễm nguồn nước, không lãng phí nước.

Lốc: Lốc có sức tàn phá lớn, có thể cuốn theo nhà cửa, đồ vật, người.

Biện pháp phòng tránh: Khi lốc xảy ra thì phải tránh đường đi của lốc và tìm nơi trú ẩn an toàn. Nếu ở trong nhà thì trú ẩn dưới gầm cầu thang, gầm bàn hoặc gầm giường, nếu đang ở ngoài thì nhảy vào một đường hào gần đó hoặc nằm sát mặt đất. Không lại gần cửa sổ và đồ thủy tinh.

Giông và sét: Mưa to trong cơn giông có thể gây ra lũ quét ở miền núi. Sét có thể đánh và phá huỷ nhà cửa, cây cối và hệ thống điện của một vùng, cũng có thể gây ra các đám cháy.

Biện pháp phòng tránh: Khi thấy cơn giông sắp đến thì nhanh chóng vào nhà, ngồi trên ghế hoặc giường gỗ, chân không chạm đất. Nếu không vào nhà được thì hãy thu mình lại và ngồi xổm kiểu con ếch trên đầu ngón chân, đặt hai tay lên hai đầu gối và cúi thấp đầu xuống. Tránh xa những thứ có thể thu hút sét như cây độc lập, cột điện, ngọn tháp, đường dây điện,... Nếu đang

ở trên thuyền hoặc đang bơi thì vào bờ ngay lập tức vì nước mưa là chất dẫn điện. Tất các thiết bị điện (có thể để đèn). Không sử dụng điện thoại cho đến khi hết giông, không cầm vào các đồ vật kim loại.

Mưa đá: Mưa đá có thể phá hoại mùa màng, cây cối, nhà cửa, thậm chí có thể làm người và gia súc bị thương.

Biện pháp phòng tránh: Khi có mưa đá phải ở trong nhà, nếu đang ở ngoài thì cố gắng che chắn, bảo vệ đầu bằng các loại mũ cứng hoặc các vật chất khác. Không ra khỏi nhà khi chưa hết mưa.

Động đất: Động đất lớn có thể gây ra đất lở, đất nứt, sóng thần, đê vỡ và hoả hoạn, có thể gây nên những thiệt hại nghiêm trọng về tài sản và con người.

Biện pháp phòng tránh: Nếu ở trong nhà, nhanh chóng chui xuống gầm bàn, ghế, tay giữ chặt lấy chân bàn; tránh xa các đồ vật bằng kính và đồ dùng điện. Nếu đang ở bên ngoài, nhanh chóng tránh xa các nhà cao tầng, cây cối, đèn đường, dây điện, thực hiện động tác: ngồi sụp xuống, hai tay che đầu và giữ chặt. Nếu bị mắc kẹt dưới đồng đồ nát, không di chuyển, che miệng bằng khăn hay quần áo để tránh bụi, gõ vào đường ống hoặc tường để cứu hộ có thể tìm ra. Không sử dụng thang máy, không để các đồ đạc nặng gần cửa ra vào.

Xâm nhập mặn: Xâm nhập mặn là hiện tượng nước mặn với nồng độ mặn bằng 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng khi xảy ra triều cường, nước biển dâng hoặc cạn kiệt nguồn nước ngọt. Gây ảnh hưởng tới khả năng canh tác của đất và nước cho các hoạt động sinh hoạt, sản xuất như làm thiệt hại về lúa, cây ăn quả, canh tác thủy sản và thiếu nước sinh hoạt.

Biện pháp phòng tránh: Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ phù hợp với dự báo, cảnh báo về tình hình, diễn biến hạn hán và xâm nhập mặn. Vận hành hợp lý hồ chứa nước, công trình cấp nước, ưu tiên cấp nước sinh hoạt; sử dụng tiết kiệm, chống thất thoát nước. Ưu tiên cung cấp điện và vật tư, nhiên liệu cần thiết cho các trạm bơm. Tổ chức quan trắc độ mặn, điều hành đóng mở cống lấy nước và ngăn mặn phù hợp với tình huống cụ thể.

Lưu ý: GV có thể tập trung đi sâu, làm rõ một số loại thiên tai thường xảy ra ở địa phương mình để bảo đảm thời gian học tập. Các loại thiên tai khác có thể hướng dẫn và giao bài tập về nhà cho HS.

2. Phòng, chống dịch bệnh

a) Mục tiêu: HS biết và thực hiện được một số biện pháp phòng, chống dịch bệnh.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV chia lớp thành các nhóm, hướng dẫn HS quan sát hình 7.3 và 7.4, kết hợp đọc thông tin trong SGK và thực hiện yêu cầu, trả lời câu hỏi: Nêu triệu chứng, biện pháp phòng bệnh bạch hầu và dịch Covid-19.

Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung về triệu chứng, biện pháp phòng bệnh bạch hầu và dịch Covid-19.

Từ biện pháp phòng bệnh bạch hầu và dịch Covid-19, GV khơi gợi HS suy nghĩ về biện pháp phòng, chống dịch bệnh nói chung.

GV tiếp tục nêu câu hỏi: Em sẽ hành động như thế nào để phòng, chống dịch bệnh?

Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung về biện pháp phòng, chống dịch bệnh.

Gợi ý'

Mọi tổ chức, cá nhân đều có trách nhiệm tham gia phòng, chống dịch bệnh. Đối với HS cần tập trung một số biện pháp sau:

Thường xuyên súc miệng bằng nước muối hoặc nước súc miệng nhằm ngăn chặn sự phát triển của vi khuẩn. Thường xuyên rửa tay bằng xà phòng và nước sạch hoặc dung dịch sát khuẩn để loại bỏ vi khuẩn, vi rút. Không đưa tay lên mắt, mũi, miệng để tránh vi khuẩn, vi rút thâm nhập vào cơ thể. Hạn chế tập trung nơi đông người, giữ khoảng cách và đeo khẩu trang khi tiếp xúc nhằm hạn chế sự lây lan dịch bệnh. Giữ vệ sinh cá nhân và nhà cửa sạch sẽ không cho vi khuẩn gây bệnh phát triển, bảo đảm an toàn tối ưu để phòng ngừa dịch bệnh. Không dùng chung đồ cá nhân, không khạc, nhổ bừa bãi. Ăn uống đủ chất và tập thể dục, vận động thường xuyên để nâng cao sức đề kháng của cơ thể.

Chấp hành nghiêm các quy định và hướng dẫn của nhà trường, địa phương và của ngành Y tế về phòng, chống dịch bệnh như tiêm chủng vắc xin, khai báo y tế, thực hiện cách li,...

3. Phòng, chống cháy nổ

a) Mục tiêu: HS biết được nguyên nhân, tác hại của cháy nổ; biết cách phòng, chống cháy nổ và thực hiện được một số kỹ năng để bảo đảm an toàn khi xảy ra cháy nổ.

b) Nội dung - tổ chức thực hiện

GV chia lớp thành các nhóm, hướng dẫn HS quan sát hình 7.5, kết hợp đọc thông tin trong SGK và thực hiện yêu cầu, trả lời câu hỏi: Nêu tác hại do cháy nổ gây ra.

Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung về tác hại do cháy nổ gây ra.

Gợi ý'

Cháy nổ thường gây nên hơi hoặc khói độc, gây thiếu ôxi trong vùng cháy. Kích thích mắt, cơ quan hô hấp gây nên các hiện tượng choáng, ngất do nóng rát, gây tổn thương và tâm lý hoang mang, hoảng loạn cho con người. Cháy nổ phá hủy nhà cửa, kho tàng, làm thiệt hại tài sản và ô nhiễm môi trường.

GV tiếp tục nêu câu hỏi: Em hãy tìm hiểu và nêu các biện pháp phòng, chống cháy nổ ở gia đình.

Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung về các biện pháp phòng, chống cháy nổ ở gia đình.

Ơ/ý'

Lắp đặt hệ thống điện trong nhà bảo đảm tiêu chuẩn và các yêu cầu kỹ thuật. Các mối nối dây điện phải bảo đảm đúng kỹ thuật (nối so le, cuốn băng cách điện). Không câu móc, đầu nối điện tùy tiện; không luồn dây điện qua mái lá, mái tôn. Lựa chọn dây dẫn, thiết bị điện chất lượng tốt, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và thường xuyên kiểm tra, phát hiện, sửa chữa, thay thế thiết bị điện và mạng điện hư hỏng. Không sử dụng nhiều thiết bị điện có công suất lớn vào cùng một ổ cắm. Không nên sạc điện thoại, máy tính, xe đạp điện, xe máy điện qua đêm. Kiểm tra nơi đun nấu, nơi thấp hương thờ cúng, tắt các thiết bị điện không cần thiết trước khi đi ngủ hoặc ra khỏi nhà. Khi đun nấu, đốt vàng mã phải có người trông coi. Lựa chọn nhiên liệu, thiết bị bảo đảm chất lượng; khoá van bình ga, tắt bếp khi không sử dụng. Không tàng trữ, buôn bán trái phép chất dễ cháy, nổ; để vật liệu dễ cháy cách xa nguồn lửa, nguồn nhiệt. Bảo đảm an toàn khi hàn cắt. Trang bị phương tiện, dụng cụ báo cháy, chữa cháy, thoát nạn (bình chữa cháy, mặt nạ phòng độc,...).

Kết thúc nội dung, GV yêu cầu HS tóm tắt lại cách xử lý khi xảy ra cháy nổ.

Hoạt động 3. Luyện tập

a) Mục tiêu: HS củng cố kiến thức đã học về bom, mìn, đạn, thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ vào thực hành xử lý tình huống.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

Câu 1: GV hướng dẫn HS để nhận biết được các loại bom, mìn, đạn cần dựa vào: Loại chất liệu (sắt, thép, gang, đồng, nhôm, nhựa, gỗ,...); hình dạng và kích thước (dài, ngắn, tròn, dẹt, hình quả dưa, quả ổi, to, nhỏ,...); màu sắc,...

Trong chiến tranh, khi sử dụng các loại bom, mìn, đạn sẽ gây những tác hại cho đối phương như phá hủy công sự, trận địa, phá hủy giao thông (cầu, đường, bến phà), phá hủy phương tiện kỹ thuật và tiêu diệt sinh lực, làm nhiễm độc địa hình,...

Câu 2: GV hướng dẫn HS nhớ và kể tên các loại thiên tai hoặc dịch bệnh đã xảy ra trên địa phương mình trong thời gian gần đây (bão, lũ quét, sạt lở đất,... hoặc dịch bệnh xảy ra ở người và gia súc); kể tên các biện pháp mà chính quyền địa phương, gia đình và bản thân đã làm khi xảy ra thiên tai hoặc dịch bệnh đó (hoạt động tuyên truyền, giáo dục; bảo đảm an toàn cho người, tài sản và vật nuôi; sơ tán người dân; khử khuẩn; cách li,...).

Câu 3. GV hướng dẫn HS kể tên một vụ thảm họa đã xảy ra; nguyên nhân (do chủ quan hay khách quan) và tác hại (thiệt hại về người, tài sản và môi trường) của thảm họa đó.

Câu 4. GV hướng dẫn HS kể lại các hoạt động: Sinh hoạt phổ biến tác hại và các biện pháp phòng tránh cháy nổ, tai nạn; mời lực lượng phòng cháy chữa cháy hướng dẫn cách xử lý khi gặp đám cháy và các hoạt động khác của nhà trường, lớp đã thực hiện.

Lưu ý: Hoạt động luyện tập có thể được tổ chức ở trên lớp hoặc giao bài tập về nhà. Khi tổ chức ở trên lớp, GV có thể gắn nội dung luyện tập với từng đơn vị kiến thức cho phù hợp.

Hoạt động 4. Vận dụng

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học về các loại bom, mìn, đạn, thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ vào thực tiễn cuộc sống.

b) Nội dung - tổ chức thực hiện

Câu 1: GV hướng dẫn HS khi phát hiện vật giống bom, mìn, đạn, vật liệu nổ thì có nên đến gần xem, sờ vào hay không? Có báo cho ai biết hoặc đặt cảnh báo gì không? Có tiếp tục tổ chức các hoạt động ở gần đó nữa hay không?

Câu 2: GV hướng dẫn HS khi gặp trời mưa kèm theo sấm, chớp thì trú ẩn ở đâu? Tránh xa những vật gì?

Câu 3: GV hướng dẫn HS những hành động như: Trực tiếp hoặc nhờ anh trai khuyên người đó đi khai báo y tế, kiểm tra sức khỏe, tự cách li và thông báo cho mọi người xung quanh biết. Bản thân em và gia đình đi kiểm tra y tế và không tiếp xúc với mọi người khi chưa rõ kết quả,...

Câu 4: GV hướng dẫn HS về hành động cần làm như: Nhanh chóng thông báo, hô hoán cho mọi người trong nhà biết về vụ cháy; cúp cầu giao tổng, ngắt điện truyền tải cho ngôi nhà (nếu có thể); gọi điện thoại cho lực lượng phòng cháy chữa cháy qua số 114; cùng với mọi người trong nhà sử dụng các vật dụng để chữa cháy (sử dụng bình chữa cháy để dập tắt đám cháy, không nên dùng nước để dập vì nước dẫn điện rất nguy hiểm, có thể gây ra những tình huống xấu hơn), chỉ dùng nước để dập tắt đám cháy khi chắc chắn điện cấp cho căn nhà đã ngắt hoàn toàn và đi giày, ủng cách điện.

Lưu ý: Nội dung kiến thức của bài được giải quyết trong hai tiết lí thuyết, tiết thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện của nhà trường và địa phương.

MỘT SỐ NỘI DUNG ĐIỀU LỆNH QUẢN LÝ BỘ ĐỘI VÀ ĐIỀU LỆNH CÔNG AN NHÂN DÂN

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Nêu được một số nội dung cơ bản của Điều lệnh Quản lý bộ đội và Điều lệnh Công an nhân dân.
Biết vận dụng những kiến thức đã học vào cuộc sống.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Máy tính, máy chiếu (nếu có).

Tranh ảnh theo các hình trong SGK (nếu có); Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam năm 2011, Thông tư 34/2019 - Bộ Công an về Điều lệnh Công an nhân dân và các loại tư liệu liên quan đến Điều lệnh Quản lý bộ đội và Điều lệnh Công an nhân dân.

C. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS vào bài học và hướng HS tìm hiểu về nội dung cơ bản của Điều lệnh Quản lý bộ đội và Điều lệnh Công an nhân dân.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

Cách 1: GV nêu câu hỏi trong SGK, gọi HS trả lời, sau đó dẫn dắt vào bài học.

Cách 2: GV có thể thiết kế các hoạt động khởi động khác phù hợp với thực tế, ví dụ như cho HS quan sát một số hình ảnh hoặc một đoạn phim về thực hiện Điều lệnh Quản lý bộ đội và Điều lệnh Công an nhân dân,... sau đó dẫn dắt vào bài học.

Hoạt động 2: Khám phá

1. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN ĐIỀU LỆNH QUẢN LÝ BỘ ĐỘI

1. Nhiệm vụ, chức trách quân nhân

a) Mục tiêu: HS nắm được những nội dung cơ bản về nhiệm vụ, chức trách quân nhân.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV chia lớp thành các nhóm cho phù hợp, sau đó giao nhiệm vụ cho các nhóm.

GV hướng dẫn HS quan sát hình 8.1 trong SGK kết hợp đọc các thông tin Điều 36. GV yêu cầu các nhóm thảo luận chuẩn bị nội dung ghép hình với các thông tin.

GV quan sát, theo dõi hoạt động của các nhóm. Hết thời gian chuẩn bị, GV tổ chức cho các nhóm

trình bày kết quả thảo luận nhóm. Các nhóm theo dõi và bổ sung nội dung cho nhau.

GV kết luận: Thông tin 1 với hình 8.1a; thông tin 2 với hình 8.1c; thông tin 3 với hình 8.1b; thông tin 4 với hình 8.1e; thông tin 5 với hình 8.1d.

Ơ/ý’

Hình 8.1a: Hình ảnh thể hiện nhiệm vụ của quân đội; hình 8.1b: Quân nhân đang học tập trên giảng đường; hình 8.1c: Quân nhân đọc 10 lời thề danh dự; hình 8.1d: Quân nhân giúp dân khắc phục bão lũ; hình 8.1e: Quân nhân chăm sóc nhau lúc đau ốm.

Từ các nội dung trên, GV dẫn dắt HS rút ra những nội dung cơ bản về nhiệm vụ, chức trách quân nhân.

2. Xung hô, chào hỏi

a) Mục tiêu: HS nắm được những nội dung cơ bản về nội dung xung hô, chào hỏi trong quân đội và vận dụng vào học tập, sinh hoạt.

b) Nội dung - tổ chức thực hiện

GV yêu cầu HS đọc một số nội dung trong SGK về Điều lệnh Quản lý bộ đội (Trích khoản 1, 3, Điều 37; Trích khoản 1, Điều 40), sau đó nêu câu hỏi: Quân nhân bắt buộc phải gọi nhau bằng “Đồng chí” và xưng “Tôi” trong tất cả thời gian trong ngày có đúng điều lệnh không?

GV yêu cầu HS suy nghĩ, sau đó lấy tình huống xung phong kết hợp chỉ định HS trả lời rồi nhận xét.

GV kết luận nội dung: Quân nhân bắt buộc phải gọi nhau bằng “Đồng chí” và xưng “Tôi” trong tất cả thời gian trong ngày là không đúng điều lệnh. Vì theo khoản 3, Điều 37 quy định: Trong lúc nghỉ ngơi, quân nhân có thể xưng hô với nhau theo tập quán thông thường.

3. Phong cách quân nhân

a) Mục tiêu: HS nắm được những nội dung cơ bản về phong cách quân nhân.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV chia lớp thành các nhóm cho phù hợp, sau đó giao nhiệm vụ cho các nhóm.

GV hướng dẫn HS quan sát hình 8.2 trong SGK kết hợp đọc một số nội dung của Điều 36. GV yêu cầu các nhóm thảo luận, chuẩn bị nội dung ghép hình với các thông tin.

GV quan sát, theo dõi hoạt động của các nhóm. Hết thời gian chuẩn bị, GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả thảo luận nhóm. Các nhóm theo dõi và bổ sung nội dung cho nhau.

GV kết luận: Thông tin 1 với hình 8.2b; thông tin 2 với hình 8.2c; thông tin 3 với hình 8.2a; thông tin 4 với hình 8.2d.

Gợi ý:

Hình 8.2a: Quân nhân thực hiện động tác đi đều có người chỉ huy; hình 8.2b: Quân nhân giao tiếp với người cao tuổi; hình 8.2c: Kiểm tra lễ tiết, tác phong quân nhân cấp trung đội; hình 8.2d: cầm uống rượu, bia.

Từ những nội dung trên, GV hướng dẫn HS rút ra nội dung cơ bản về phong cách quân nhân, liên hệ với bản thân HS.

4. Trang phục quân đội nhân dân

a) Mục tiêu: HS biết và phân biệt được một số loại trang phục quân đội nhân dân.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV yêu cầu HS đọc các thông tin kết hợp quan sát hình 8.3, sau đó nêu câu hỏi: “Em có nhận xét gì về một số loại trang phục trong hình 8.3”. Sau đó, GV yêu cầu HS suy nghĩ, lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định HS trả lời rồi nhận xét.

Ngoài ra, GV có thể hướng dẫn HS tìm hiểu các trang phục khác của quân đội.

Lưu ý: GV có thể vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực khác cho phù hợp. Ví dụ: chiếu video, clip,... về một số nội dung Điều lệnh Quản lý bộ đội, từ đó thảo luận và làm rõ các nội dung học tập.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN ĐIỀU LỆNH CÔNG AN NHÂN DÂN

1. Chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân

a) Mục tiêu: HS nắm được một số chức trách, nhiệm vụ của các cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV chia lớp thành các nhóm nhỏ phù hợp, sau đó giao nhiệm vụ học các nhóm.

GV hướng dẫn HS quan sát hình 8.4 trong SGK kết hợp đọc một số nội dung của Điều 4. GV yêu cầu các nhóm thảo luận, chuẩn bị nội dung ghép hình với các thông tin.

GV quan sát, theo dõi hoạt động của các nhóm. Hết thời gian chuẩn bị, GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả thảo luận nhóm. Các nhóm theo dõi và bổ sung nội dung cho nhau.

GV kết luận: Thông tin 1 với hình 8.4a; thông tin 2 với hình 8.4e; thông tin 3 với hình 8.4c; thông tin 4 với hình 8.4d; thông tin 5 với hình 8.4b.

Gợi ý:

Hình 8.4a: 6 điều Bác Hồ dạy công an nhân dân; hình 8.4b: Các chiến sĩ công an giúp dân gặt lúa; hình 8.4c: Cảnh sát cơ động luyện tập võ thuật; hình 8.4d: Các chiến sĩ công an giúp đỡ nhau trong công tác phòng chống dịch; hình 8.4e: Động tác chào khi đội mũ của công an nhân dân.

Từ nội dung trên, GV hướng dẫn HS rút ra chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân.

2. Xung hô, chào hỏi

a) Mục tiêu: HS nắm được những nội dung cơ bản về nội dung xung hô, chào hỏi trong công an nhân dân và vận dụng vào học tập, sinh hoạt.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV chia lớp thành các nhóm cho phù hợp, sau đó giao nhiệm vụ cho các nhóm.

GV hướng dẫn HS đọc một số nội dung trích trong khoản 1, Điều 36, 38, sau đó nêu câu hỏi: Cán bộ công an nhân dân có cùng chức vụ thì người nào có tuổi đời ít hơn (mặc dù cấp bậc cao hơn) phải chào trước có đúng điều lệnh không?

GV cho các nhóm thảo luận, quan sát, theo dõi hoạt động của các nhóm. Het thời gian chuẩn bị, GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả, sau đó nhận xét.

GV kết luận nội dung: Cán bộ công an nhân dân có cùng chức vụ thì người nào có tuổi đời ít hơn

(mặc dù cấp bậc cao hơn) phải chào trước là không đúng điều lệnh. Vì theo khoản 1, Điều 36 quy định: Cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân khi gặp nhau phải chào,... cùng chức vụ thì người nào có cấp bậc thấp hơn phải chào trước,...

3. Những điều cấm đối với cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân

a) Mục tiêu: HS nắm được những điều cấm đối với cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân và vận dụng vào học tập, sinh hoạt.

b) Nội dung - tổ chức thực hiện

GV chia lớp thành các nhóm cho phù hợp, sau đó giao nhiệm vụ cho các nhóm.

GV hướng dẫn HS đọc một số nội dung của Điều 43, kết hợp quan sát hình 8.5 trong SGK. GV yêu cầu các nhóm thảo luận, chuẩn bị nội dung ghép hình với các thông tin phù hợp.

GV quan sát, theo dõi hoạt động của các nhóm. Het thời gian chuẩn bị, GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả thảo luận nhóm. Các nhóm theo dõi và bổ sung nội dung cho nhau.

GV kết luận: Thông tin 1 với hình 8.5b; thông tin 2 với hình 8.5d; thông tin 3 với hình 8.5a; thông tin 4 với hình 8.5c.

Gợi ý'

Hình 8.5a: Cấm cán bộ chiến sĩ công an nhân dân nhuộm tóc khác màu đen; hình 8.5b: Cấm cán bộ chiến sĩ công an nhân dân đeo kính màu đen khi trực tiếp giải quyết công việc với người khác; hình 8.5c: Cấm cán bộ chiến sĩ công an nhân dân uống rượu, bia trong giờ làm việc; hình 8.5d: Cấm cán bộ chiến sĩ công an nhân dân để tay vào túi quần, túi áo khi thực hiện nhiệm vụ.

4. Trang phục công an nhân dân

a) Mục tiêu: HS biết và phân biệt được một số loại trang phục công an nhân dân.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV yêu cầu HS đọc các thông tin kết hợp quan sát hình 8.6, sau đó nêu câu hỏi: Em có nhận xét gì về một số loại trang phục trong hình 8.6.

GV yêu cầu HS suy nghĩ, sau đó lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định HS trả lời và nhận xét.

Lưu ý: GV có thể vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực khác cho phù hợp. Ví dụ: Chiếu video, clip,... về Điều lệnh Công an nhân dân, từ đó thảo luận và làm rõ các nội dung học tập.

Hoạt động 3. Luyện tập

a) Mục tiêu: HS củng cố kiến thức đã học về Điều lệnh Quản lý bộ đội và Điều lệnh Công an nhân dân.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

Câu 1: GV hướng dẫn HS nghiên cứu Điều 37 Điều lệnh Quản lý bộ đội quy định về xưng hô. Sau đó, đưa ra cách giải quyết của mình.

Câu 2: GV hướng dẫn HS nghiên cứu Điều 36 Điều lệnh Công an nhân dân. Sau đó, đưa ra phương án của mình.

Lưu ý: Căn cứ vào tình hình cụ thể, GV có thể tổ chức hoạt động luyện tập ở lớp hoặc giao bài tập về nhà cho HS. Khi tổ chức tại lớp thì có thể tách hoặc lồng ghép với các đơn vị kiến thức tương ứng.

Hoạt động 4. Vận dụng

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học về Điều lệnh Quản lý bộ đội và Điều lệnh Công an nhân dân vào thực tiễn cuộc sống.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

Câu 1: GV gợi ý, yêu cầu HS suy nghĩ và tự đưa ra những nội dung giống và khác nhau của mình với nội dung xưng hô, chào hỏi trong phong cách quân nhân.

Câu 2: GV định hướng cho HS tìm hiểu các chế độ sinh hoạt học tập, công tác trong ngày của quân nhân: có thể thông qua những người thân quen công tác trong quân đội hoặc Điều lệnh Quản lý bộ đội,...

Câu 3: GV gợi ý: Các em sẽ vận dụng những nội dung trong Điều lệnh Quản lý bộ đội và Điều lệnh Công an nhân dân đã học vào sinh hoạt học tập và công tác. Kịp thời khắc phục những hạn chế của bản thân để trở thành con ngoan trò giỏi.

ĐỘI NGŨ TỪNG NGƯỜI KHÔNG CÓ SÚNG

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Nêu được các động tác đội ngũ từng người không có súng.

Thực hiện được một số động tác điều lệnh đội ngũ cá nhân chính xác, nhanh, mạnh, đẹp, thống nhất.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Chuẩn bị sân tập có diện tích phù hợp để GV tập trung lên lớp và tổ chức luyện tập.

HS mang, mặc trang phục thống nhất theo quy định, đội mũ cứng, đi giày vải.

C. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

Hoạt động 1. Khởi động

a) Mục tiêu: HS nêu được tên một số động tác điều lệnh đội ngũ từng người không có súng; tạo cho các em không khí hứng khởi, mạnh dạn khi thực hiện các động tác đó.

b) Nội dung - tổ chức thực hiện

GV xác định vị trí tập hợp lớp, kiểm tra sĩ số, trang phục, vật chất; phổ biến các quy định về kỉ luật, trật tự, vệ sinh; quy định các tín hiệu luyện tập.

GV nêu tên bài, mục tiêu bài học, nội dung trọng tâm; sau đó đặt câu hỏi khởi động: Hãy nêu tên

và thực hiện một số động tác đội ngũ từng người mà em biết.

GV lấy tinh thần xung phong của 1 hoặc 2 HS thực hiện động tác.

Lưu ý: Để các em thực hiện động tác một cách tự nhiên, theo khả năng, không cần quá chú trọng đúng, sai.

GV duy trì thảo luận ngắn bằng cách nêu câu hỏi: Em có nhận xét gì về động tác mà bạn mình vừa thực hiện? Với câu hỏi này, HS có thể có nhiều phương án trả lời khác nhau. Nhưng nhìn chung,

các em sẽ cho rằng đây là những động tác khó, mỗi người thực hiện theo một cách khác nhau, không thống nhất. Sau khi thảo luận xong, GV nhận xét, biểu dương tinh thần học tập của HS.

GV kết luận: Đội ngũ từng người không có súng gồm các động tác: Nghiêm, nghỉ; quay tại chỗ; đi đều, đứng lại, đổi chân khi đang đi; giậm chân, đổi chân, đứng lại; chào; chào, báo cáo cấp trên; tiến, lùi, qua phải, qua trái; ngồi xuống, đứng dậy; bỏ mũ, đội mũ, đặt mũ; chạy đều, quay trong khi chạy, đứng lại; quay trong khi đi; đi nghiêm, đứng lại; đi đều chuyển thành đi nghiêm chào

và thôi chào. Để thực hiện động tác đẹp, thống nhất, HS phải nắm được kỹ thuật động tác và luyện tập chăm chỉ. Từ đó, GV tạo sự vui vẻ, hứng thú và tự tin cho HS bước vào bài học.

Hoạt động 2. Khám phá

1. ĐỘNG TÁC NGHIÊM, NGHỈ

2. Động tác nghiêm

a) **Mục tiêu:** HS nêu được tên, ý nghĩa của động tác, biết cách hô khẩu lệnh và thực hiện động tác nghiêm chính xác, nhanh, mạnh, đẹp, thống nhất.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

GV hướng dẫn HS đọc trước thông tin, yêu cầu HS thực hiện động tác nghiêm theo khẩu lệnh; duy trì lớp thảo luận ngắn; đưa ra ý kiến nhận xét.

GV kết luận động tác theo thứ tự: Nêu tên động tác; nêu ý nghĩa; hô và phân tích khẩu lệnh; làm mẫu động tác theo ba bước (làm nhanh, làm chậm phân tích, làm nhanh lần 2); nêu điểm chú ý.

3. Động tác nghỉ

a) **Mục tiêu:** HS nêu được tên, ý nghĩa của động tác, biết cách hô khẩu lệnh và thực hiện động tác nghỉ chính xác, nhanh, mạnh, đẹp, thống nhất.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

GV hướng dẫn HS đọc trước thông tin, yêu cầu HS thực hiện động tác nghỉ (sau khi thực hiện động tác nghiêm); duy trì lớp thảo luận ngắn; đưa ra ý kiến nhận xét.

GV kết luận động tác theo thứ tự: Nêu tên động tác; nêu ý nghĩa; hô và phân tích khẩu lệnh; làm mẫu động tác theo ba bước (làm nhanh, làm chậm phân tích, làm nhanh lần 2).

GV giới thiệu những điểm khác động tác nghỉ hai chân mở rộng bằng vai của thủy thủ và quân nhân khi tập thể dục, thể thao.

II. ĐỘNG TÁC QUAY TẠI CHỖ

1. Quay bên phải, bên trái

a) **Mục tiêu:** HS nêu được tên, ý nghĩa của động tác; biết cách hô khẩu lệnh và thực hiện động tác chính xác, nhanh, mạnh, đẹp, thống nhất.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

GV giới thiệu động tác quay bên phải, bên trái theo thứ tự: Nêu tên động tác; nêu ý nghĩa; hô và phân tích khẩu lệnh; làm mẫu động tác qua ba bước (làm nhanh, làm chậm phân tích, làm tổng hợp).

2. Quay nửa bên phải, nửa bên trái

a) Mục tiêu: HS nêu được tên, ý nghĩa của động tác; biết cách hô khẩu lệnh và thực hiện được động tác chính xác, nhanh, mạnh, đẹp, thống nhất.

b) Nội dung - tổ chức thực hiện

GV giới thiệu động tác quay nửa bên phải, nửa bên trái theo thứ tự: Nêu tên động tác; nêu ý nghĩa; hô và phân tích khẩu lệnh; làm mẫu động tác theo ba bước (làm nhanh, làm chậm phân tích, làm tổng hợp).

3. Quay đằng sau

a) Mục tiêu: HS nêu được tên, ý nghĩa của động tác; biết cách hô khẩu lệnh và thực hiện động tác chính xác, nhanh, mạnh, đẹp, thống nhất.

b) Nội dung - tổ chức thực hiện

GV giới thiệu động tác quay đằng sau: Nêu tên động tác; nêu ý nghĩa; hô và phân tích khẩu lệnh; làm mẫu động tác qua ba bước (làm nhanh, làm chậm phân tích, làm tổng hợp).

GV nêu điểm chú ý của động tác quay tại chỗ.

GV yêu cầu 1 hoặc 2 HS ra khỏi hàng, tự hô và thực hiện động tác quay tại chỗ, sau đó nhận xét, rút kinh nghiệm. Trường hợp cần thiết, GV làm mẫu lại động tác để HS quan sát.

GV triển khai cho lớp học tập động tác nghiêm, nghỉ; động tác quay tại chỗ.

III. ĐỘNG TÁC ĐI ĐỀU, ĐỨNG LẠI, ĐỔI CHÂN KHI ĐANG ĐI

1. Động tác đi đều, đứng lại

a) Mục tiêu: HS nêu được tên, ý nghĩa của động tác; biết cách hô khẩu lệnh và thực hiện được động tác đi đều, đứng lại chính xác, nhanh, mạnh, đẹp, thống nhất.

b) Nội dung - tổ chức thực hiện

GV giới thiệu động tác đi đều, đứng lại theo thứ tự: Nêu tên động tác; nêu ý nghĩa; hô và phân tích khẩu lệnh; làm mẫu động tác theo ba bước (làm nhanh, làm chậm phân tích, làm tổng hợp).

GV nêu điểm chú ý của động tác đi đều.

2. Động tác đổi chân khi đang đi đều

a) Mục tiêu: HS nêu được tên, ý nghĩa của động tác; biết thực hiện được động tác đổi chân khi đang đi đều một cách nhanh chóng, chính xác.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV giới thiệu động tác đổi chân khi đang đi đều theo thứ tự: Nêu tên động tác; nêu ý nghĩa; hô và phân tích khẩu lệnh; làm mẫu động tác theo ba bước (làm nhanh, làm chậm phân tích, làm tổng hợp).

GV nêu câu hỏi: Động tác đổi chân khi đang đi đều có mấy cử động?

GV yêu cầu HS trả lời, nhận xét và kết luận động tác đổi chân khi đang đi đều có ba cử động.

GV yêu cầu 1 hoặc 2 HS ra khỏi hàng thực hiện lại động tác đổi chân khi đang đi đều theo khẩu lệnh; nhận xét nội dung thực hiện của HS, nếu HS thực hiện động tác chưa đúng, GV làm mẫu lại động tác.

IV. ĐỘNG TÁC GIẬM CHÂN, ĐỨNG LẠI, ĐỔI CHÂN KHI ĐANG GIẬM CHÂN

1. Giậm chân, đứng lại

a) **Mục tiêu:** HS nêu được tên, ý nghĩa của động tác; biết cách hô khẩu lệnh và thực hiện được động tác giậm chân, đứng lại.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

GV giới thiệu động tác giậm chân theo thứ tự: Nêu tên động tác; nêu ý nghĩa; hô và phân tích khẩu lệnh; làm mẫu động tác qua ba bước (làm nhanh, làm chậm phân tích, làm nhanh lần 2 đối với động tác giậm chân; làm nhanh, làm chậm phân tích, làm tổng hợp đối với động tác đứng lại).

GV yêu cầu 1 hoặc 2 HS tự hô khẩu lệnh và thực hiện động tác giậm chân, đứng lại; sau đó nhận xét, rút kinh nghiệm.

2. Động tác đổi chân khi đang giậm chân

a) **Mục tiêu:** HS nêu được tên, ý nghĩa của động tác; biết thực hiện được động tác đổi chân khi đang giậm chân.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

GV giới thiệu động tác đổi chân khi đang giậm chân theo thứ tự: Nêu tên động tác; nêu ý nghĩa; hô và phân tích khẩu lệnh; làm mẫu động tác đổi chân khi đang giậm chân qua ba bước (làm nhanh, làm chậm phân tích, làm tổng hợp).

GV nêu điểm chú ý của động tác đổi chân khi đang giậm chân.

3. Đang giậm chân chuyển thành đi đều, đang đi đều chuyển thành giậm chân

a) **Mục tiêu:** HS nêu được tên, ý nghĩa của động tác; biết thực hiện được động tác đang giậm chân chuyển thành đi đều, đang đi đều chuyển thành giậm chân.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

GV giới thiệu động tác đang giậm chân chuyển thành đi đều, đang đi đều chuyển thành giậm chân theo thứ tự: Nêu tên động tác; nêu ý nghĩa; hô và phân tích khẩu lệnh; làm mẫu động tác qua ba bước (làm nhanh, làm chậm phân tích, làm nhanh lần 2).

GV yêu cầu 1 hoặc 2 HS ra khỏi hàng, thực hiện động tác đổi chân khi đang giậm chân, đang giậm chân chuyển thành đi đều, đang đi đều chuyển thành giậm chân theo khẩu lệnh của GV; sau đó nhận xét, rút kinh nghiệm.

Động tác đổi chân khi đang giậm, đang giậm chân chuyển thành đi đều, đang đi đều chuyển thành giậm chân là động tác khó thực hiện, vì vậy sau khi kiểm tra HS, GV có thể làm mẫu lại động tác để các em quan sát.

V. ĐỘNG TÁC CHÀO, THÔI CHÀO

1. Chào khi đội mũ cứng

a) Mục tiêu: HS nêu được tên, ý nghĩa của động tác; biết cách hô khẩu lệnh và thực hiện được động tác chào khi đội mũ cứng.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV yêu cầu 1 hoặc 2 HS thực hiện động tác chào khi đội mũ cứng; yêu cầu các em còn lại tham gia đóng góp ý kiến, sau đó nhận xét các ý kiến đóng góp.

GV làm mẫu động tác theo thứ tự: Nêu tên động tác; nêu ý nghĩa; hô và phân tích khẩu lệnh; làm mẫu động tác theo ba bước (làm nhanh, làm chậm phân tích, làm nhanh lần 2).

GV nêu điểm chú ý của động tác.

2. Chào khi đội các loại mũ khác và không đội mũ

a) Mục tiêu: HS nêu được tên, ý nghĩa của động tác; biết thực hiện được động tác.

b) Nội dung - tổ chức thực hiện

GV làm mẫu động tác theo thứ tự: Nêu tên động tác; nêu ý nghĩa; hô và phân tích khẩu lệnh; làm mẫu động tác theo ba bước (làm nhanh, làm chậm phân tích, làm nhanh lần 2); tập trung nêu điểm khác so với động tác chào khi đội mũ cứng.

GV triển khai, yêu cầu HS luyện tập các động tác đi đều, đứng lại, đổi chân khi đang đi; động tác giậm chân, đứng lại, đổi chân khi đang giậm chân; động tác chào, thôi chào.

VI. ĐỘNG TÁC TIẾN, LÙI, QUA PHẢI, QUA TRÁI, NGỒI XUỐNG, ĐỨNG DẬY

1. Tiến, lùi, qua phải, qua trái

a) Mục tiêu: HS nêu được tên, ý nghĩa của động tác; biết cách hô khẩu lệnh và thực hiện được động tác tiến, lùi, qua phải, qua trái.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV yêu cầu 1 hoặc 2 HS thực hiện động tác tiến, lùi, qua phải, qua trái theo khẩu lệnh; nhận xét động tác các em thực hiện.

GV làm mẫu động tác theo thứ tự: Nêu tên động tác; nêu ý nghĩa; hô và phân tích khẩu lệnh; làm mẫu động tác qua ba bước (làm nhanh, làm chậm phân tích, làm nhanh lần 2); nêu điểm chú ý.

2. Ngồi xuống, đứng dậy

a) Mục tiêu: HS nêu được tên, ý nghĩa của động tác; biết cách hô khẩu lệnh và thực hiện được động tác ngồi xuống, đứng dậy.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV yêu cầu 1 hoặc 2 HS thực hiện động tác ngồi xuống, đứng dậy theo khẩu lệnh; nhận xét động tác các em thực hiện.

GV làm mẫu động tác theo thứ tự: Nói tên động tác; nêu ý nghĩa; hô và phân tích khẩu lệnh; làm mẫu động tác qua ba bước (làm nhanh, làm chậm phân tích, làm tổng hợp).

VII. ĐỘNG TÁC CHẠY ĐỀU, ĐỨNG LẠI

1. Động tác chạy đều

a) Mục tiêu: HS nêu được tên, ý nghĩa của động tác; biết cách hô khẩu lệnh và thực hiện được động tác chạy đều.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV giới thiệu động tác chạy đều theo thứ tự: Nói tên động tác; nêu ý nghĩa; hô và phân tích khẩu lệnh; làm mẫu động tác qua ba bước (làm nhanh, làm chậm phân tích, làm tổng hợp).

2. Động tác đứng lại

a) Mục tiêu: HS nêu được tên, ý nghĩa của động tác; biết cách hô khẩu lệnh và thực hiện được động tác đứng lại.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV giới thiệu động tác đứng lại tiếp sau động tác chạy đều.

GV giới thiệu động tác đứng lại theo thứ tự: Nói tên động tác; nêu ý nghĩa; hô và phân tích khẩu lệnh; làm mẫu động tác qua ba bước (làm nhanh, làm chậm phân tích, làm tổng hợp).

GV yêu cầu 1 hoặc 2 HS ra khỏi hàng, thực hiện lại động tác theo khẩu lệnh; GV duy trì thảo luận ngắn, nhận xét, kết luận; trường hợp cần thiết, GV thực hiện lại động tác mẫu để HS quan sát.

GV triển khai, yêu cầu HS luyện tập các động tác tiến, lùi, qua phải, qua trái, ngồi xuống, đứng dậy; động tác chạy đều, đứng lại.

Hoạt động 3. Luyện tập

a) Mục tiêu: HS nêu được các động tác đội ngũ từng người không có súng. Thực hiện động tác nghiêm, nghỉ, quay tại chỗ; đi đều, đứng lại, đổi chân khi đang đi chính xác, nhanh, mạnh, đẹp, thống nhất.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

Ở từng tiết học, sau khi khám phá xong nội dung, GV tổ chức cho HS luyện tập. Buổi 4 luyện tập tổng hợp, tập trung vào các động tác: nghiêm, nghỉ, quay tại chỗ; đi đều, đứng lại, đổi chân khi đang đi.

Tùy theo địa điểm để tổ chức luyện tập cho phù hợp. Nếu không gian rộng, luyện tập theo các tổ học tập, do tổ trưởng duy trì, GV điều hành chung; không gian hẹp (hoặc số lượng HS ít) tổ chức thành một bộ phận, GV trực tiếp duy trì.

Ở bước luyện tập, GV thực hiện như sau:

Phổ biến ý định luyện tập: Nội dung luyện tập; thời gian luyện tập; tổ chức, phương pháp luyện tập; địa điểm luyện tập; người phụ trách điểm tập.

Duy trì luyện tập:

- Nếu cả lớp thành một bộ phận, GV cho từng tổ xếp thành 1 hàng ngang (dọc), gián cách từng người phù hợp với nội dung luyện tập; trực tiếp hướng dẫn và sửa tập theo các bước:

+ HS tự nghiên cứu lại các cử động, động tác.

+ HS tập chậm từng cử động, động tác theo khẩu lệnh của GV.

+ HS tập tổng hợp, liên kết lại các cử động, động tác theo khẩu lệnh của GV.

- Nếu lớp học chia thành nhiều bộ phận, sau khi GV phổ biến kế hoạch, các tổ về vị trí được phân công để luyện tập theo ý định, do tổ trưởng phụ trách; GV duy trì và sửa chung cho từng tổ. Phương pháp thực hiện tương tự như khi cả lớp thành một bộ phận.

Kết thúc luyện tập:

GV dùng khẩu lệnh hoặc tín hiệu thu đội hình lớp học về vị trí ban đầu.

GV gọi một số HS thực hiện động tác, thông qua đó đánh giá kết quả học tập.

Những nội dung khó, HS thực hiện còn nhiều sai sót, GV có thể thực hiện lại để người học quan sát, sửa sai.

GV nhận xét buổi học, sau đó chuyển sang nội dung tiếp theo.

Hoạt động 4. Vận dụng

a) Mục tiêu: HS biết vận dụng động tác điều lệnh đội ngũ vào các hoạt động của nhà trường; rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong khắt khe, hoạt bát, tinh thần sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ được giao.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV định hướng cho HS cách vận dụng động tác đội ngũ từng người không có súng vào một số hoạt động của nhà trường như: Chào cờ, duyệt đội ngũ; nghi lễ của Đoàn, Đội; luyện tập, thi đấu thể dục, thể thao,... nhằm thể hiện sự thống nhất, trang nghiêm của nhà trường trong các hoạt động và sinh hoạt tập thể.

Bài 10 ĐỘI NGŨ TIỂU ĐỘI

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Nêu được thứ tự động tác tập hợp đội hình cơ bản của tiểu đội để vận dụng trong các hoạt động chung của nhà trường.

Biết cách điều khiển, tập hợp đội hình cơ bản của tiểu đội.

Xây dựng ý thức tổ chức kỉ luật, tự giác chấp hành điều lệnh đội ngũ và các nội quy của nhà trường.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Tranh, ảnh theo các hình trong SGK (nếu có); tài liệu điều lệnh đội ngũ, còi, giá treo tranh, que chỉ,...

Bài tập: Vị trí lên lớp và các vị trí cho HS luyện tập.

C. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

Hoạt động 1: Khởi động

a) **Mục tiêu:** Tạo sự tò mò và kích thích HS tìm hiểu đội ngũ tiểu đội ở bài học mới.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

GV đặt câu hỏi: Khi sinh hoạt, học tập tại trường các em thường tập trung đội hình như thế nào? Khoảng cách giữa các HS là bao nhiêu?

GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định 1 đến 2 HS trả lời câu hỏi. Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào nội dung bài học.

Hoạt động 2: Khám phá

1. ĐỘI HÌNH TIỂU ĐỘI HÀNG NGANG

2. **Đội hình tiểu đội 1 hàng ngang**

-) **Mục tiêu:** HS nêu và thực hiện được các bước tập hợp đội hình tiểu đội 1 hàng ngang.
-) **Nội dung — tổ chức thực hiện**
- GV nêu tên đội hình và trường hợp vận dụng đội hình tiểu đội hàng ngang.
- GV giới thiệu quân số tiểu đội bộ binh trong Quân đội nhân dân Việt Nam: Tiểu đội bộ binh có 9 người gồm tiểu đội trưởng và 8 chiến sĩ.
- GV nêu vị trí của tiểu đội trưởng.

Ở đội hình tiểu đội hàng ngang, tiểu đội trưởng đứng bên phải đội hình tiểu đội.

Vị trí chỉ huy tại chỗ (như đơn đốc học tập, điểm số, chỉ huy tiểu đội luyện tập, nhận xét,...), tiểu đội trưởng đứng ở chính giữa phía trước đội hình tiểu đội, cách 3-5 bước.

Khi chỉnh đốn hàng ngũ về bên phải hoặc bên trái, cách người làm chuẩn 2-3 bước.

GV cho lớp giãn đội hình, mỗi HS cách nhau 5 - 7 m, sau đó yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát hình 10.1 và tự thực hiện các bước tập hợp đội hình tiểu đội 1 hàng ngang, thời gian 5 phút. Hết thời gian, thu đội hình lớp học về vị trí ban đầu.

GV nêu câu hỏi: Nêu thứ tự các bước thực hiện đội hình tiểu đội 1 hàng ngang.

GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định 1-2 HS trả lời. Sau đó GV nhận xét, kết luận nội dung: Thứ tự thực hiện tập hợp đội hình tiểu đội 1 hàng ngang gồm bốn bước: Tập hợp, điểm số, chỉnh đốn hàng ngũ và giải tán.

GV nêu yêu cầu: Thực hiện các bước tập hợp đội hình tiểu đội 1 hàng ngang.

GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định 1 - 2 HS thực hiện nội dung, sau đó nhận xét nội dung tập của HS.

GV kết luận nội dung bằng phương pháp thuyết trình kết hợp đội mẫu thực hiện qua hai bước: Bước 1: Làm nhanh (sử dụng đội mẫu đã được bồi dưỡng trước thực hiện nhanh các bước); bước 2: Làm chậm, phân tích (GV nói đến đâu, đội mẫu thực hiện tới đó).

3. Đội hình tiểu đội 2 hàng ngang

a) Mục tiêu: HS nêu và thực hiện được các bước đội hình tiểu đội 2 hàng ngang.

b) Nội dung - tổ chức thực hiện

GV yêu cầu HS giãn đội hình, mỗi người cách nhau 5 m, sau đó yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát hình 10.2 và tự thực hiện các bước tập hợp đội hình tiểu đội 2 hàng ngang, thời gian 5 phút. Hết thời gian thu đội hình lớp học về vị trí ban đầu.

GV nêu câu hỏi: Nêu những điểm khác khi thực hiện đội hình tiểu đội 2 hàng ngang với đội hình tiểu đội 1 hàng ngang.

GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định 1-2 HS trả lời, sau đó nhận xét câu trả lời của HS.

GV kết luận nội dung: Điểm khác nhau giữa tập hợp đội hình tiểu đội 2 hàng ngang với đội hình tiểu đội 1 hàng ngang gồm: Khẩu lệnh: “Tiểu đội thành 2 hàng ngang - TẬP HỢP”; vị trí khi đứng trong đội hình: Các số lẻ đứng hàng trên, các số chẵn đứng hàng dưới; cự li giữa hàng trên và hàng dưới là 1 m; đội hình tiểu đội 2 hàng ngang không điểm số.

GV nêu câu hỏi: Thực hiện các bước tập hợp đội hình tiểu đội 2 hàng ngang.

GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định 1-2 HS thực hiện nội dung, sau đó theo dõi, nhận xét nội dung tập của HS.

GV kết luận nội dung bằng phương pháp sử dụng đội mẫu thực hiện làm nhanh 1 lần.

GV nêu điểm chú ý:

Trước khi tập hợp, người chỉ huy phải căn cứ vào nhiệm vụ, nội dung công việc, địa hình, thời tiết và phương hướng để xác định đội hình tập hợp và hướng của đội hình. Khi tập hợp nên tránh hướng gió, hướng mặt trời chiếu thẳng vào mặt người học, nếu không sẽ ảnh hưởng đến việc xem tập, xem động tác mẫu,...

Phải xác định vị trí và hướng tập hợp, sau đó đứng tại vị trí hô khẩu lệnh tập hợp và đứng làm chuẩn cho tiểu đội vào tập hợp. Nếu vị trí tập hợp xa nơi tiểu đội đứng (quá 20 m) thì tiểu đội trưởng phải đôn đốc tiểu đội về vị trí tập hợp. Sau khi hô dứt động lệnh, tiểu đội trưởng không được di chuyển vị trí.

Khẩu lệnh phải to, rõ, dứt khoát, động tác phải khẩn trương, chuẩn xác, mẫu mực. Khi sửa hàng phải dùng khẩu lệnh, không chạm vào người.

Mọi người khi đã vào tập hợp phải trật tự, tự động dóng hàng đúng cự li, gián cách, tập trung nghe lệnh của tiểu đội trưởng.

II. ĐỘI HÌNH TIỂU ĐỘI HÀNG DỌC

1. **Đội hình tiểu đội 1 hàng dọc**

a) **Mục tiêu:** HS nêu và thực hiện được các bước tập hợp đội hình tiểu đội 1 hàng dọc.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

- GV nêu tên đội hình và trường hợp vận dụng đội hình tiểu đội hàng dọc.
- GV giới thiệu vị trí của tiểu đội trưởng.

Ở đội hình tiểu đội hàng dọc, tiểu đội trưởng đứng trước cách số 1 là 1 m.

Vị trí chỉ huy tại chỗ (đôn đốc tập hợp, điểm số, hạ đạt mệnh lệnh,...), tiểu đội trưởng đứng phía trước chệch về bên trái đội hình, cách 3-5 bước.

GV định hướng nội dung nghiên cứu cho HS, giãn đội hình mỗi người cách nhau 5 m, sau đó yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát hình 10.3, và tự thực hiện các bước tập hợp đội hình tiểu đội 1 hàng dọc trong thời gian 10 phút. Het thời gian thu đội hình lớp học về vị trí ban đầu.

GV nêu câu hỏi: Nêu thứ tự các bước khi thực hiện đội hình tiểu đội 1 hàng dọc.

GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định 1-2HS thực hiện nội dung, sau đó nhận xét.

GV kết luận nội dung: Thứ tự thực hiện tập hợp đội hình tiểu đội 1 hàng dọc gồm bốn bước là tập hợp, điểm số, chỉnh đốn hàng ngũ và giải tán.

GV nêu yêu cầu: Thực hiện các bước tập hợp đội hình tiểu đội 1 hàng dọc.

GV nhận xét nội dung tập của HS.

GV kết luận nội dung bằng phương pháp thuyết trình kết hợp đội mẫu thực hiện qua hai bước:
Bước 1: Làm nhanh (sử dụng đội mẫu đã được bồi dưỡng trước ra thực hiện nhanh các bước);
bước 2: Làm chậm, phân tích (GV nói đến đâu, đội mẫu thực hiện tới đó).

2. **Đội hình tiểu đội 2 hàng dọc**

a) Mục tiêu: HS nêu và thực hiện được các bước đội hình tiểu đội 2 hàng dọc.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV cho HS giãn đội hình, mỗi người cách nhau 5 m, sau đó yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát hình 10.4 và tự thực hiện các bước tập hợp đội hình tiểu đội 2 hàng dọc trong thời gian 5 phút. Het thời gian thu đội hình lớp học về vị trí ban đầu.

GV nêu câu hỏi: Nêu những điểm khác khi thực hiện đội hình tiểu đội 2 hàng dọc với đội hình tiểu đội 1 hàng dọc.

GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định 1-2 HS trả lời, sau đó nhận xét.

GV kết luận nội dung: Điểm khác nhau giữa tập hợp đội hình tiểu đội 2 hàng dọc với đội hình tiểu đội 1 hàng dọc là: Khẩu lệnh: “Tiểu đội thành 2 hàng dọc - TẬP HỢP”; các chiến sĩ số lẻ đứng thành 1 hàng dọc ở bên phải, các chiến sĩ số chẵn đứng thành 1 hàng dọc ở bên trái; đội hình 2 hàng dọc không điểm số.

GV nêu yêu cầu: Thực hiện các bước tập hợp đội hình tiểu đội 2 hàng dọc.

GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định 1 - 2 HS lên thực hiện nội dung, sau đó nhận xét, kết luận nội dung bằng phương pháp sử dụng đội mẫu thực hiện làm nhanh 1 lần.

GV nêu điểm chú ý như mục 1.2. Đội hình tiểu đội 2 hàng ngang (trang 69 SGK).

III. TIỂU ĐỘI BỘ BINH TIẾN, LÙI, QUA PHẢI, QUA TRÁI VÀ RA KHỎI HÀNG, VỀ VỊ TRÍ

1. **Tiểu đội bộ binh tiến, lùi, qua phải, qua trái**

a) Mục tiêu: HS ở cương vị tiểu đội trưởng biết cách chỉ huy tiểu đội tiến, lùi, qua phải, qua trái.

b) Nội dung - tổ chức thực hiện

GV nêu tên động tác và trường hợp vận dụng động tác tiến, lùi, qua phải, qua trái.

GV yêu cầu HS giãn đội hình mỗi người cách nhau 5 m, sau đó cho HS đọc thông tin và tự thực hiện động tác trong thời gian 5 phút. Het thời gian thu đội hình lớp học về vị trí ban đầu.

GV nêu câu hỏi: Thực hiện tập hợp đội hình tiểu đội 1 hàng ngang, sau đó chỉ huy tiểu đội tiến, lùi, qua phải, qua trái (3 bước).

GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định 1-2 HS thực hiện nội dung, sau đó nhận xét, kết luận nội dung bằng phương pháp thuyết trình kết hợp đội mẫu thực hiện qua hai bước:

Bước 1: Làm nhanh (sử dụng đội mẫu đã được bồi dưỡng trước ra thực hiện nhanh các bước);

Bước 2: Làm chậm, phân tích (GV nói đến đâu, đội mẫu thực hiện tới đó).

GV nêu những điểm chú ý: Phối hợp đều, thống nhất động tác toàn tiểu đội; khi qua phải, qua trái, bước từng bước để di chuyển. Khi chân mình chạm vào chân của người bên cạnh thì kéo chân kia về đứng nghiêm rồi mới di chuyển tiếp bước khác, tiến, lùi bước thống nhất, không bước dài quá hoặc ngắn quá 75cm.

2. **Động tác ra khỏi hàng, về vị trí**

a) **Mục tiêu:** HS ở cương vị tiểu đội trưởng biết cách chỉ huy chiến sĩ trong tiểu đội ra khỏi hàng và về vị trí.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

GV nêu tên động tác và trường hợp vận dụng động tác ra khỏi hàng, về vị trí.

GV yêu cầu HS giãn đội hình, mỗi người cách nhau 5 m, sau đó cho HS đọc thông tin và tự thực hiện động tác trong thời gian 5 phút. Hết thời gian thu đội hình lớp học về vị trí ban đầu.

GV nêu câu hỏi: Thực hiện các bước tập hợp đội hình tiểu đội 2 hàng ngang, sau đó gọi chiến sĩ số 3 ra khỏi hàng và về vị trí.

GV lấy tình huống xung phong kết hợp chỉ định 1-2 HS thực hiện nội dung, sau đó nhận xét.

GV kết luận nội dung gồm hai bước: Bước 1: Làm nhanh (sử dụng đội mẫu đã được bồi dưỡng trước ra thực hiện nhanh các bước); bước 2: Làm chậm, phân tích (GV nói đến đâu, đội mẫu thực hiện tới đó).

Lưu ý: GV có thể vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học ở mục Khám phá sao cho phù hợp với đối tượng HS cụ thể.

Hoạt động 3: Luyện tập

a) **Mục tiêu:** HS nắm chắc và thực hiện được các bước tập hợp đội hình tiểu đội hàng ngang, hàng dọc và chỉ huy tiểu đội (tiến, lùi, qua phải, qua trái ra khỏi hàng về vị trí).

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

- **Đội hình tiểu đội hàng ngang:**

GV phổ biến ý định luyện tập gồm: Nội dung (đội hình tiểu đội hàng ngang), thời gian, tổ chức (theo đội hình tiểu đội), phương pháp (luyện tập theo ba bước gồm bước 1: Từng người tự nghiên cứu; bước 2: Tập chậm; bước 3: Tập tổng hợp), địa điểm (thực địa) và kí, tín hiệu luyện tập.

GV triển khai, duy trì lớp luyện tập; theo dõi, sửa tập. Hết thời gian luyện tập, GV tập trung lớp, kiểm tra 1 - 2 HS lên thực hiện nhanh các bước tập hợp đội hình tiểu đội, nhận xét và triển khai công việc tiết học tiếp theo.

- **Đội hình tiểu đội hàng dọc:**

GV phổ biến ý định luyện tập gồm: Nội dung (đội hình tiểu đội hàng dọc), thời gian, tổ chức (theo đội hình tiểu đội), phương pháp (luyện tập theo ba bước gồm bước 1: Từng người tự nghiên cứu; bước 2: Tập chậm; bước 3: Tập tổng hợp), địa điểm (thực địa) và kí, tín hiệu luyện tập.

GV triển khai, duy trì lớp luyện tập; theo dõi, sửa tập. Hết thời gian luyện tập, GV tập trung lớp, kiểm tra 1 - 2 HS lên thực hiện nhanh các bước tập hợp đội hình tiểu đội, nhận xét và triển khai công việc tiết học tiếp theo.

- Tiểu đội bộ binh tiến, lùi, qua phải, qua trái; ra khỏi hàng, về vị trí.

GV phổ biến ý định luyện tập gồm: Nội dung (đội hình tiểu đội tiến, lùi, qua phải, qua trái; ra khỏi hàng, về vị trí), thời gian, tổ chức (theo đội hình tiểu đội), phương pháp (luyện tập theo ba bước gồm bước 1: Từng người tự nghiên cứu; bước 2: Tập chậm; bước 3: Tập tổng hợp), địa điểm (thực địa) và kí, tín hiệu luyện tập.

GV triển khai, duy trì lớp luyện tập; theo dõi, sửa tập. Hết thời gian luyện tập, GV tập trung lớp, kiểm tra 1 - 2 HS lên thực hiện nhanh các bước tập hợp đội hình tiểu đội, nhận xét và triển khai công việc tiết học tiếp theo.

Gợi ý:

Luyện tập cá nhân: Tại vị trí tập, từng người tự nghiên cứu lại ý nghĩa, khẩu lệnh, động tác chỉ huy của tiểu đội trưởng, thứ tự các bước của đội hình và hành động của tiểu đội. Nội dung nào chưa rõ, chưa hiểu hỏi lại GV.

Luyện tập cấp tiểu đội: Từng người thay nhau ở cương vị tiểu đội trưởng thực hành chỉ huy tiểu đội qua các bước ở từng loại đội hình. Tập chậm từng bước chỉ huy cho đến khi thuần thục bước đó chuyển sang luyện tập bước tiếp theo. Tập hết đội hình này chuyển sang đội hình khác.

Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Xây dựng ý thức tổ chức kỉ luật, tự giác chấp hành điều lệnh đội ngũ và các nội quy của nhà trường.

b) Nội dung - tổ chức thực hiện

Định hướng HS chuẩn bị nội dung, sau đó trả lời câu hỏi tại lớp hoặc hướng dẫn HS nghiên cứu chuẩn bị nội dung ở nhà.

CÁC TƯ THẾ, ĐỘNG TÁC CƠ BẢN VẬN ĐỘNG TRONG CHIẾN ĐẤU

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Nêu được ý nghĩa, tác dụng các tư thế, động tác cơ bản vận động trong chiến đấu của cá nhân.

Thực hành được các động tác kỹ thuật vận động trong chiến đấu và bước đầu biết vận dụng phù hợp với các loại địa hình, địa vật và trong các tình huống cụ thể.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Tài liệu: SGK và các tài liệu liên quan đến nội dung học tập.

Súng tiểu liên AK (CKC), bia số 6, số 7, cờ địch, cờ chỉ huy, còi.

Bãi tập: Vị trí lên lớp và các vị trí cho HS luyện tập.

C. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

Hoạt động 1: Khởi động

a) **Mục tiêu:** Tạo sự tò mò và kích thích HS tìm hiểu các tư thế, động tác cơ bản vận động trong chiến đấu ở bài học mới.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

GV đặt câu hỏi: Theo em trong chiến đấu, khi phát hiện địch trong ngôi nhà hoặc sau gốc cây,... muốn tiếp cận để tiêu diệt em phải làm gì?

GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định 1-2 HS trả lời câu hỏi. Từ nội dung trả lời của HS, GV dẫn dắt vào nội dung bài học.

Hoạt động 2: Khám phá

I. Ý NGHĨA

a) **Mục tiêu:** HS nắm được ý nghĩa các tư thế, động tác cơ bản vận động trong chiến đấu.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

GV hướng dẫn HS đọc thông tin, trả lời câu hỏi: Tại sao các tư thế, động tác cơ bản trong chiến đấu có ý nghĩa rất quan trọng đối với người chiến sĩ khi vận động trên chiến trường?

GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định 2-3 HS trả lời; sau đó nhận xét và kết luận nội dung.

II. CÁC TƯ THẾ, ĐỘNG TÁC CƠ BẢN VẬN ĐỘNG TRONG CHIẾN ĐẤU

1. Động tác đi khom

-) **Mục tiêu:** HS nắm được trường hợp vận dụng và thực hiện được động tác đi khom trong chiến đấu.

-) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

- GV nêu tên động tác và thời gian giảng; trường hợp vận dụng.

GV hướng dẫn HS đọc thông tin, sau đó trả lời câu hỏi: Người chiến sĩ có thể vận dụng động tác

đi khom trong điều kiện địa hình, địa vật thấp hơn tầm ngực không, tại sao?

GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định 1-2 HS trả lời, sau đó nhận xét.

GV kết luận nội dung: Người chiến sĩ có thể vận dụng động tác đi khom trong điều kiện địa hình, địa vật thấp hơn tầm ngực trong điều kiện đêm tối, trời mưa, sương mù. Bởi vì trong điều kiện đêm tối, trời mưa, sương mù địch khó phát hiện.

- Hành động chiến đấu:

Định hướng nội dung cho HS nghiên cứu; cho HS lấy vật chất, giãn đội hình mỗi người cách nhau 5 m, sau đó cho HS nghiên cứu thông tin và quan sát hình 11.1a; 11.1b, thực hiện động tác. Hết thời gian thu đội hình.

GV nêu câu hỏi: Trong lớp, em nào xung phong thực hiện động tác đi khom khi được trang bị súng tiểu liên AK?

GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định 1-2 HS thực hiện động tác, sau đó nhận xét nội dung tập của HS.

+ GV nêu tình huống:

Thời gian tác chiến:...

Về địch: Địch ở... đang tăng cường quan sát về hướng...

Về ta: Chiến sĩ sò... đã co động đến... được lệnh co động đến... gặp tổ trưởng nhận nhiệm vụ.

+ GV kết luận tình huống: Chiến sĩ sò. thực hiện động tác đi khom cao từ. đến vị trí tổ trưởng nhận nhiệm vụ.

- GV hướng dẫn động tác theo ba bước với súng tiểu liên AK: Bước 1: Làm nhanh sát thực tế chiến đấu; bước 2: Làm chậm phân tích (nêu điểm chú ý ở cuối bước 2); bước 3: Làm tổng hợp gồm tư thế thân người, tư thế súng khi tiến.

Khi được trang bị súng CKC, động tác cơ bản như súng AK, chỉ khác tay trái nắm ốp lót tay dưới thước ngắm, tay phải cầm cổ tròn báng súng.

2. Động tác chạy khom

a) **Mục tiêu:** HS nắm được trường hợp vận dụng và thực hiện được động tác chạy khom trong chiến đấu.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

c) GV nêu tên động tác và thời gian giảng; trường hợp vận dụng.

GV định hướng HS nghiên cứu thông tin, sau đó trả lời câu hỏi: Trình bày điểm giống và khác nhau giữa động tác đi khom cao với động tác chạy khom.

GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định 1-2 HS trả lời, sau đó nhận xét.

GV kết luận nội dung: Động tác chạy khom, tư thế người và tư thế súng giống như động tác đi khom, chỉ khác tốc độ nhanh, mạnh hơn.

d) Hướng dẫn động tác:

GV làm nhanh động tác với súng tiểu liên AK.

GV nói và làm mẫu về điểm chú ý: Khi chạy không làm ảnh hưởng hình dáng của vật che khuất, che đỡ.

GV gọi 1-2 HS thực hiện lại động tác.

3. Động tác bò cao

a) **Mục tiêu:** HS nắm được trường hợp vận dụng và thực hiện được động tác bò cao trong chiến đấu.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

- GV nêu tên động tác và thời gian giảng; trường hợp vận dụng.

GV định hướng HS nghiên cứu thông tin, sau đó trả lời câu hỏi: Tại sao thường vận dụng động tác bò cao nơi có vật che khuất, che đỡ cao hơn tư thế ngồi?

GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định 1-2 HS trả lời, sau đó nhận xét.

GV kết luận nội dung: Người chiến sĩ chỉ thực hiện động tác bò cao nơi có vật che khuất, che đỡ cao hơn tư thế ngồi. Vì như vậy mới bảo đảm bí mật, tiếp cận được mục tiêu hoặc tránh được hỏa lực của địch.

- Hành động chiến đấu:

GV định hướng nội dung nghiên cứu; yêu cầu HS lấy vật chất, giãn đội hình mỗi người cách nhau 5 m. Sau đó, cho HS nghiên cứu thông tin, quan sát hình ảnh, tự nghiên cứu thực hiện động tác bò cao, thời gian 5 phút. Hết thời gian thu đội hình.

GV nêu câu hỏi: Trong lớp, em nào xung phong lên thực hiện động tác bò cao khi được trang bị súng tiểu liên AK?

GV lấy tinh thần xung phong kết hợp chỉ định một số HS thực hiện động tác bò cao hai chân một tay, sau đó nhận xét.

GV nêu tình huống, kết luận tình huống tương tự động tác đi khom.

- Hướng dẫn động tác:

Hướng dẫn động tác theo hai bước với súng tiểu liên AK: Bước 1: Làm nhanh sát thực tế chiến đấu;

bước 2: Làm chậm phân tích (nêu điểm chú ý ở cuối bước 2). Đối với chiến sĩ giữ súng CKC, động tác giống như đối với súng tiểu liên AK.

4. Động tác lê

-) **Mục tiêu:** HS nắm được trường hợp vận dụng và thực hiện được động tác lê trong chiến đấu.

-) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

- GV nêu tên động tác và thời gian giảng; trường hợp vận dụng.

GV định hướng HS nghiên cứu thông tin, sau đó trả lời câu hỏi: Nêu điểm giống và khác nhau về trường hợp vận dụng của động tác lê cao với động tác bò cao.

GV lấy tình huống xung phong kết hợp chỉ định 1-2 HS trả lời, sau đó nhận xét.

GV kết luận nội dung: Điểm giống nhau là vận dụng động tác bò cao, lê cao khi địa hình có vật che đỡ, che khuất cao hơn tu thế ngồi. Điểm khác nhau: Động tác lê vận dụng khi cần thu hẹp tiết diện cơ thể, vận động nhẹ nhàng; đối với động tác bò cao thì không đáp ứng được yêu cầu này.

- Hành động chiến đấu:

GV định hướng nội dung nghiên cứu; yêu cầu HS lấy vật chất, giãn đội hình mỗi người cách nhau

5 m, sau đó cho HS nghiên cứu thông tin, quan sát hình ảnh, tự nghiên cứu thực hiện động tác lê cao.

GV nêu câu hỏi: Trong lớp, em nào xung phong lên thực hiện động tác lê cao khi được trang bị súng tiểu liên AK?

GV lấy tình huống xung phong kết hợp chỉ định 1-2 HS thực hiện động tác, sau đó nhận xét.

GV nêu tình huống, kết luận tình huống tương tự như động tác đi khom cao.

- Hướng dẫn động tác:

Hướng dẫn động tác theo hai bước với súng tiểu liên AK: Bước 1: Làm nhanh sát thực tế chiến đấu;

bước 2: Làm chậm phân tích (nêu điểm chú ý ở cuối bước 2). Với chiến sĩ giữ súng CKC, động tác giống như với súng tiểu liên AK.

Lưu ý: Khi kết luận các động tác (đi khom, chạy khom, bò cao, lê,...), GV có thể kết luận đủ các bước hoặc căn cứ vào thời gian và nhận thức của HS có thể kết luận một đến hai bước nhưng

nhất thiết phải có bước 2 làm chậm phân tích. Ngoài phương pháp trên, GV có thể vận dụng các phương pháp dạy học tích cực khác cho phù hợp với từng đối tượng HS cụ thể.

5. Động tác trườn

Hoạt động của GV tương tự như học động tác lê.

6. Động tác vọt tiến, dừng lại

Hoạt động của GV tương tự như học động tác lêu.

Hoạt động 3: Luyện tập

a) **Mục tiêu:** HS nắm được ý nghĩa và thực hành được các tư thế, động tác cơ bản vận động trong chiến đấu.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

- *Luyện tập động tác đi khom, chạy khom:*

+ GV phổ biến ý định luyện tập gồm: Nội dung, thời gian, tổ chức (theo đội hình tiểu đội), phương pháp (luyện tập theo ba bước: Bước 1: Từng người tự nghiên cứu; bước 2: Tập chậm; bước 3: Tập nhanh dần đến thuần thục động tác), địa điểm (chỉ tại thực địa) và kí, tín hiệu luyện tập.

+ GV triển khai, duy trì lớp luyện tập; theo dõi, sửa tập. Het thời gian luyện tập, GV tập trung lớp, dành thời gian khoảng 5 phút còn lại kiểm tra, mỗi tổ 2 - 3 HS lên thực hiện nhanh động tác, GV nhận xét; triển khai công việc tiết học tiếp theo.

Gợi ý'

+ Luyện tập cá nhân: Từng người tự nghiên cứu, nắm trường hợp vận dụng của động tác,... từng người tự luyện tập nắm lại kĩ thuật động tác đi khom, chạy khom.

+ Luyện tập cấp tổ: Luân phiên ở cương vị tổ trưởng chỉ huy tổ luyện tập, sửa tập cho nhau (tập chậm); tổ trưởng duy trì các chiến sĩ chuẩn bị (tư thế người, tư thế súng), hô tiến từng bước, tiến 2 đến 4 bước động tác đi khom cao, sau đó chuyển sang khom thấp.

+ Luyện tập cấp tiểu đội: Các tổ trưởng trong lớp ở cương vị tiểu đội trưởng chỉ huy tiểu đội luyện tập (tập nhanh dần đến thuần thục động tác); tiểu đội trưởng duy trì chiến sĩ chuẩn bị (tư thế người và động tác cầm súng); hô tiến hai đến bốn bước, sau đến vị trí quy định. Khi thuần thục động tác đi khom, tập động tác khom thấp và chạy khom.

- *Luyện tập động tác bò cao, động tác iê cao* (tương tự như động tác đi khom, chạy khom).

- *Luyện tập động tác trườn, động tác vọt tiến, dừng lại* (tương tự như động tác đi khom, chạy khom).

Hoạt động 4: Vận dụng

a) **Mục tiêu:** Biết vận dụng phù hợp với các loại địa hình, địa vật và trong các tình huống cụ thể.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

GV hướng dẫn HS vận dụng các kiến thức đã học vào học tập các nội dung chiến thuật ở các bài học tiếp theo và vận dụng các kiến thức đã học để xử lí các tình huống.

KĨ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Nắm được kiến thức cơ bản, ban đầu về các tai nạn thông thường, về các kĩ thuật cầm máu tạm thời, cố định xương gãy, sơ cứu bỏng, hô hấp nhân tạo, kĩ thuật băng bó vết thương và chuyển thương.

Biết cách sơ cứu ban đầu các tai nạn thông thường; làm được các động tác cầm máu tạm thời, cố định xương gãy, hô hấp nhân tạo; biết băng bó vết thương bằng băng cuộn và ứng dụng các phương tiện sẵn có tại chỗ, biết cách chuyển thương.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Tranh, ảnh về các tai nạn thông thường theo bảng 12.1 và sơ cứu bỏng theo hình 12.8 trong SGK; giá treo tranh, que chỉ.

Băng cá nhân, bông, gạc, dây buộc, que xoắn và dây garô, nẹp tre hoặc gỗ, cáng thương (tùy theo điều kiện để xác định số lượng cho phù hợp).

C. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

Hoạt động 1. Khởi động

- a) **Mục tiêu:** Tạo sự tò mò và kích thích HS tìm hiểu các kĩ thuật cấp cứu ở bài học mới.
- b) **Nội dung - tổ chức thực hiện**

GV hướng dẫn HS đọc tình huống và trả lời câu hỏi: cổ chân của bạn em đã bị làm sao? Từ các câu trả lời của HS, GV khơi gợi các trường hợp có thể xảy ra (bong gân, sai khớp,...) và tiếp tục hỏi HS: Em sẽ hành động như thế nào? Gợi mở các biện pháp, hành động phải làm và dẫn dắt vào nội dung bài học.

Ngoài ra, căn cứ vào từng điều kiện cụ thể, GV có thể chọn cách khởi động khác cho phù hợp.

Hoạt động 2. Khám phá

1. Cấp cứu ban đầu các tai nạn thông thường

- a) **Mục tiêu:** HS nắm được triệu chứng, cách cấp cứu ban đầu cũng như biện pháp đề phòng đối với các tai nạn: Bong gân; sai khớp; điện giật; đuối nước; ngất; rấn cắn; say nóng, say nắng.

b) Nội dung — tổ chức thực hiện

GV chia lớp thành các nhóm, hướng dẫn HS đọc thông tin ở bảng 12.1 trong SGK và trình bày trước lớp cách nhận biết, cấp cứu và đề phòng những tai nạn đó.

Đại diện các nhóm sử dụng hình ảnh trình bày về triệu chứng, cách cấp cứu và đề phòng lần lượt các tai nạn: Bong gân, sai khớp, điện giật, đuối nước, ngất, rấn cắn, say nóng, say nắng. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

Gợi ý'

Bong gân là sự tổn thương của dây chằng xung quanh ổ khớp do chấn thương gây nên. Triệu chứng: Đau nhức nơi tổn thương; sưng nề, có thể có bầm tím dưới da (do máu chảy trong); chiều dài chi bình thường, không bị biến dạng; vận động gặp khó khăn, cảm giác tê bì vùng tổn thương nếu để lâu.

Sai khớp là hiện tượng di lệch các đầu khớp xương một phần hay hoàn toàn do chấn thương mạnh một cách trực tiếp gây ra. Triệu chứng: Đau dữ dội, liên tục nhất là lúc va chạm vào khớp hay cử động; mất vận động hoàn toàn, chi không gấp và duỗi được; khớp biến dạng, chỗ lồi chỗ lõm khác thường, đầu xương có thể sờ thấy; sưng nề to xung quanh các khớp; tím bầm xung quanh khớp (có thể gãy hoặc rạn xương vùng khớp).

Điện giật là nạn nhân do vô ý hoặc sự cố từ hệ thống điện làm dòng điện có hiệu điện thế nguy hiểm tiếp xúc với cơ thể gây ra. Triệu chứng: Tim có thể ngừng đập, ngừng thở và gây tử vong nếu không được cấp cứu kịp thời; gây bỏng, có thể bỏng rất sâu, đặc biệt là điện cao thế; gãy xương, sai khớp và tổn thương các phủ tạng do ngã.

Đuối nước là hiện tượng nạn nhân ngạt nước, một tai nạn thường gặp ở nước ta, nhất là về mùa hè, khi người không biết bơi ngã xuống nước, bị nước nhấn chìm sau 2 - 3 phút sẽ ngạt thở. Triệu chứng: Giãy giụa, sặc trào nước, tim còn đập, cấp cứu hầu như sống; khi đã mê man, tím tái khó cứu hơn. Khi da nạn nhân đã trắng bệch hoặc tím xanh, đồng tử giãn rộng thì rất ít hi vọng.

Ngất là tình trạng chết tạm thời do nhiều nguyên nhân gây nên, nạn nhân mất tri giác, cảm giác và vận động, đồng thời tim, phổi và bài tiết ngừng hoạt động. Triệu chứng: Nạn nhân tự nhiên thấy bồn chồn, khó chịu, mặt tái, mắt tối sầm dần, ù tai, ngã khụy xuống bất tỉnh; toàn thân toát mồ hôi, chân tay lạnh, da xanh tái; phổi có thể ngừng thở hoặc thở rất yếu; tim có thể ngừng đập hoặc đập yếu, huyết áp giảm mạnh; thường là ngừng thở trước rồi tim mới ngừng đập.

Rấn cắn là hiện tượng con người bị rấn cắn, khi rấn độc cắn có thể gây hoại tử tay chân, hôn mê, nhiễm trùng huyết, thậm chí bị tử vong. Rấn độc cắn thường để lại hai chấm tròn là dấu vết

của hai nanh độc. Còn rắn thường (không phải rắn độc) sau khi cắn thường để lại nguyên cả một hàm răng tròn gồm nhiều răng vì rắn thường không có hai nanh độc mà có nguyên cả một hàm răng. Một số triệu chứng: vết cắn gây đau; tại vết cắn bị sưng, tấy đỏ và bầm tím, lan ra xung quanh

vết bị rắn cắn; buồn nôn, tiếp theo là nôn mửa; có thể có tiêu chảy; nổi các cục u ngứa trên da (phát ban hoặc mề đay); sưng môi, lưỡi và nướu; khó thở hay thở khó khè, tương tự như bệnh hen suyễn; tinh thần lú lẫn, chóng mặt hoặc ngất xỉu; nhịp tim không đều,...

Say nóng, say nắng: Hiện tượng thường gặp ở các nước nhiệt đới nóng và độ ẩm cao, khi lao động ở môi trường nóng, nắng. Triệu chứng sớm nhất là chuột rút, trước tiên là tay, chân, lưng, bụng; tiếp theo là nhức đầu, chóng mặt, mệt mỏi, chân tay rã rời, khó thở. Triệu chứng cụ thể: Sốt cao (40 - 42 °C), mạch nhanh 120 - 150 lần/phút. Nhịp thở nhanh trên 30 nhịp/phút, sợ ánh sáng, buồn nôn, có thể ngất hoặc hôn mê, có thể co giật, kích động mê sảng như động kinh.

Cách cấp cứu và đề phòng các tai nạn trên GV tham khảo ở SGK.

2. Kỹ thuật băng vết thương

a) Mục tiêu: HS nắm được kỹ thuật băng vòng xoắn và băng số 8, thực hiện được kỹ thuật băng vết thương ở một số vị trí cụ thể trên cơ thể.

b) Nội dung - tổ chức thực hiện

- GV vận dụng phương pháp làm mẫu để giới thiệu kỹ thuật băng vòng xoắn và băng số 8 (GV sử dụng một HS để giả làm nạn nhân).

- GV có thể gọi 1 - 2 HS (quan sát hình ảnh từ 12.1 đến 12.7 trong SGK) thực hành băng một vị trí cụ thể; cả lớp theo dõi, nhận xét.

- GV hướng dẫn kỹ thuật băng ở các vị trí trên cơ thể:

+ *Băng trán:* Băng theo hình vòng tròn từ trán ra sau gáy sao cho vòng băng ở trán nhích dần theo chiều từ trên xuống dưới và vòng băng sau gáy nhích dần từ dưới lên trên (hình 12.1a, b trong SGK).

+ *Băng đầu:* Băng đầu ngoài của băng vào vai trái làm điểm tựa; đưa cuộn băng vắt ngang đầu từ trái sang phải và làm một vòng quai xoắn ở mang tai phải (hình 12.2a trong SGK); đưa cuộn băng đi vòng tròn quanh đầu, sau đó băng qua đầu từ phải sang trái và từ trái sang phải, xoắn qua hai đầu băng ở hai bên mang tai, các vòng băng nhích dần ra trước trán và ra sau gáy (hình 12.2b, c trong SGK); buộc đầu cuối của băng với đầu ngoài ở vai trái thành vòng quai mũ dưới cằm (hình 12.2d trong SGK).

Vận dụng: Có thể gấp mảnh vải, khăn vuông, thành hình tam giác, đặt cạnh huyền ngang trước trán, đỉnh vắt qua đầu, ra sau gáy rồi buộc ở phía trước trán.

+ *Băng một bên mắt*: Băng theo kiểu số 8, một vòng quanh trán, một vòng bắt chéo qua mắt bị thương rồi cứ thế băng liên tiếp (hình 12.3 trong SGK).

+ *Băng cánh tay*: Băng 2 đến 3 vòng đè lên nhau để cố định đầu băng, sau đó băng nhiều vòng đi theo hình xoắn ốc từ dưới lên trên cho đến khi kín toàn bộ vết thương. Cố định đầu cuối của cuộn băng bằng kim băng hoặc xé đôi đầu cuối của cuộn băng thành hai dải để buộc ở phía trên vết thương (hình 12.4 trong SGK).

Vận dụng: Có thể gấp mảnh vải, khăn vuông,... thành hình tam giác hay cánh én, sau đó đặt thẳng sát với đoạn chi, cuốn nhu cuốn xà cạp rồi buộc cố định.

+ *Băng gối*: Băng vòng đầu qua giữa gối, các vòng băng sau đưa liên tiếp, một vòng trên gối rồi đến một vòng dưới gối cho đến khi kín vết thương. Buộc chặt hoặc gài kim băng đầu cuối của cuộn băng (hình 12.5 trong SGK).

+ *Băng cẳng chân*: Băng hai vòng đầu đè lên nhau để cố định đầu băng (hình 12.6a trong SGK). Đưa cuộn băng đi vòng quanh chi theo hình số 8, đường băng bắt chéo nhau ở mặt trước đoạn chi. Băng liên tiếp từ dưới lên trên nhiều vòng số 8, số 8 sau đè lên 2/3 của số 8 trước. Băng kín vết thương rồi buộc cố định đầu cuối của cuộn băng (hình 12.6b, c trong SGK).

+ *Băng bàn chân*: Băng 2 vòng đầu tiên sát đầu ngón chân, sau đó đưa cuộn băng theo hình số 8 vòng ra sau cổ chân và bắt chéo ở mu bàn chân, đầu còn lại buộc vào bàn chân (hình 12.7a, b, c trong SGK).

GV theo dõi, giúp đỡ HS trong quá trình thực hiện băng các vị trí cụ thể.

Lưu ý: Sau khi giới thiệu hai kỹ thuật băng cơ bản (băng vòng xoắn, băng số 8), GV có thể triển khai cho HS thực hành băng ở các vị trí cụ thể để phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo của HS; GV theo dõi, giúp đỡ và thống nhất kỹ thuật băng. Hoặc có thể hướng dẫn ngay các kỹ thuật băng ở các vị trí cụ thể, sau đó triển khai cho HS luyện tập. Việc vận dụng nhu thế nào là tùy thuộc vào nhận thức của HS và điều kiện cụ thể của lớp học.

3. Kỹ thuật cầm máu tạm thời

a) *Mục tiêu*: HS thực hiện được các kỹ thuật cầm máu tạm thời, nhất là kỹ thuật gấp chi tối đa và kỹ thuật garô.

b) *Nội dung — tổ chức thực hiện*

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: Nếu không tiến hành cầm máu khẩn trương thì sẽ xảy ra những điều gì?

GV vận dụng phương pháp đàm thoại, gọi một số HS trả lời câu hỏi, phân tích, nhận xét và thống nhất về mục đích, nguyên tắc cầm máu tạm thời.

- GV khái quát các biện pháp cầm máu tạm thời gồm: Ấn động mạch, gấp chi tối đa, garô, băng nút, băng ép, băng chèn.
- GV vận dụng phương pháp làm mẫu để hướng dẫn HS kỹ thuật gấp chi tối đa và garô, các kỹ thuật khác GV hướng dẫn HS nghiên cứu. Sử dụng một HS giả làm nạn nhân để giới thiệu nội dung.

+ *Gấp chi tối đa*: Kỹ thuật gấp cẳng tay vào cánh tay. Khi có chảy máu nhiều do tổn thương động mạch cẳng tay, phải gấp ngay thật mạnh cẳng tay vào cánh tay. Động mạch cánh tay sẽ bị ép chặt ở nếp khuỷu và máu ngừng chảy. Khi cần giữ lâu, có thể cố định tu thể gấp mạnh bằng một vài vòng băng hoặc bằng dây lung ghi chặt cổ tay vào phần trên của cánh tay.

+ *Garô*: Chỉ định đặt garô trong các trường hợp vết thương ở chi chảy máu ồ ạt, trong điều kiện khẩn trương đòi hỏi người cấp cứu phải xử lý thật nhanh chóng, khi không có điều kiện băng chèn hoặc người bị thương, người bên cạnh không biết cách băng chèn buộc phải làm garô.

Nguyên tắc đặt garô:

Garô phải đặt sát ngay phía trên vết thương và để lộ ra ngoài; người bị đặt garô phải được nhanh chóng chuyển đến cơ sở y tế, chấp hành triệt để những quy định về garô.

Lưu ý: Trước khi giới thiệu nguyên tắc đặt garô, GV có thể hỏi HS về nguyên tắc đặt garô, sau đó thống nhất nội dung.

Cách đặt garô: Dây garô là dây cao su mỏng, rộng khoảng 3-4 cm, có độ đàn hồi tốt, nếu không có dây garô thì có thể dùng bất cứ loại dây nào chắc chắn để garô cũng được. Dùng tay ấn động mạch ở phía trên vết thương. Sau đó, lót vải hoặc gạc ở chỗ định đặt garô hoặc dùng ngay quần áo để lót. Đặt garô phía trên vết thương và xoắn dần (nếu là dây vải), bỏ tay ấn động mạch rồi vừa xoắn vừa theo dõi mạch ở dưới hoặc theo dõi máu chảy ở vết thương. Nếu mạch ngừng đập hoặc máu ngừng chảy là được, cố định que xoắn. Nếu là dây cao su thì cuốn nhiều vòng tương đối chặt rồi buộc hoặc cài khuy. Cuối cùng, băng ép vết thương và làm các thủ tục hành chính cần thiết.

Những trường hợp không được nói garô: Khi chi bị cắt cụt tự nhiên, khi đoạn chi ở dưới garô có dấu hiệu hoại tử, nếu làm garô trong trường hợp rắn độc cắn.

Cách nói garô: Người phụ ấn động mạch ở phía trên garô, người chính nói garô từ từ, vừa nói vừa theo dõi sắc mặt nạn nhân và tình hình chảy máu ở vết thương, kiểm tra mạch ở đoạn chi dưới garô, màu sắc đoạn chi dưới garô. Thời gian nói garô khoảng 4-5 phút là được.

Cách tháo garô: Dự phòng sốc và sẵn sàng cấp cứu chống sốc do tháo garô, người phụ ấn động mạch ở phía trên garô, người chính từ từ, nhẹ nhàng tháo garô, nếu còn thấy chảy máu phải thay garô bằng biện pháp cầm máu khác như băng ép, băng chèn.

4. **Kĩ thuật cố định gãy xương**

-) **Mục tiêu:** HS thực hiện được kĩ thuật cố định gãy xương một số vị trí trên cơ thể.

-) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát hình ảnh trong SGK và thực hiện yêu cầu, trả lời câu hỏi:

+ Nêu mục đích và nguyên tắc cố định tạm thời gãy xương.

GV gọi HS trả lời, HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung về mục đích, nguyên tắc cố định tạm thời gãy xương.

+ Có thể sử dụng những loại nẹp nào để cố định gãy xương?

GV gọi HS trả lời, HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung về các loại nẹp để cố định gãy xương.

- GV giới thiệu các loại nẹp:

+ Nẹp tre (gỗ) là loại dùng phổ biến và dễ làm. Bộ nẹp cho cẳng tay gồm 2 nẹp, rộng 5 cm, dày 0,5 - 0,7 cm, dài 30 cm và 35 cm. Bộ nẹp cho cánh tay gồm 2 nẹp, rộng và dày như nẹp cẳng tay, dài 20 cm và 35 cm. Nẹp cho cẳng chân gồm 2 hoặc 3 nẹp, dài 60 cm, rộng 5-6 cm, dày 0,8 - 1 cm. Nẹp cho đùi gồm 3 nẹp, rộng 7-8 cm, dày 0,8 - 1 cm, dài 80 cm, 100 cm và 120 cm.

+ Nẹp Cơ-ra-me là loại nẹp làm bằng sợi kẽm, bẻ uốn được, hình bậc thang có nhiều kích thước thích hợp cho từng đoạn chi.

+ Nẹp ứng dụng: Khi không có nẹp chuẩn bị từ trước như các loại nẹp trên thì có thể sử dụng một số vật dụng làm nẹp ứng dụng như cành cây, đoạn gỗ, đoạn tre.

- GV vận dụng phương pháp làm mẫu để giới thiệu kĩ thuật cố định gãy xương cẳng tay, cẳng chân. Sử dụng một HS giả làm nạn nhân; chuẩn bị nẹp tre hoặc gỗ và băng. Các trường hợp gãy xương khác, GV định hướng HS nghiên cứu.

5. **Kĩ thuật sơ cứu bỏng**

a) **Mục tiêu:** HS nắm được nguyên nhân gây bỏng và biện pháp sơ cứu bỏng.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

GV hướng dẫn HS quan sát hình 12.8, kết hợp với kiến thức liên quan để trả lời câu hỏi:

c) Bỏng thường do những nguyên nhân nào?

GV gọi 2-3 HS trả lời, HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung về nguyên nhân gây bỏng.

Gợi ý: Bỏng do nhiệt (nước sôi, nước nóng, thức ăn nóng, dầu mỡ sôi, nhựa đường, hơi nước, pô xe máy, bàn là, bỏng do khí nóng, lửa dầu, lửa xăng, lửa cồn, lửa do cháy nhà, cháy xe, tia lửa điện); bỏng do hoá chất (dung dịch của các axit, muối một số kim loại nặng, vôi tôi, các chất oxi hoá mạnh như thuốc tím, các chất ăn mòn như phenol); bỏng do dòng điện (tia lửa hồ quang điện, sét đánh).

d) Mục đích và biện pháp sơ cứu bỏng là gì?

GV gọi 2-3 HS trả lời, HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung về mục đích và biện pháp sơ cứu bỏng.

Gợi ý:

Mục đích: Nhanh chóng loại trừ tác nhân gây bỏng ra khỏi cơ thể; hỗ trợ khẩn cấp những tình trạng ảnh hưởng đến tính mạng như sốc điện, ngạt thở,...; hạn chế tối thiểu mức độ nhiễm trùng, tổn thương do bỏng; băng bó vết thương; vận chuyển tới cơ sở y tế.

Cách sơ cứu đối với các dạng bỏng thường gặp:

Bỏng nhiệt: Nhanh chóng đưa nạn nhân ra khỏi nơi hoả hoạn, dập tắt lửa trên người, cởi bỏ quần áo bị cháy,... đồng thời tiến hành cấp cứu toàn thân. Ngâm rửa vùng cơ thể bị bỏng bằng nước sạch (không dùng nước đá lạnh, nước ấm có nhiệt độ cao). Che phủ tạm thời vết bỏng, bù nước điện giải sau bỏng (nước hoa quả, nước cháo loãng,...). Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để được chăm sóc.

Bỏng điện: Bình tĩnh, nhanh chóng tách nạn nhân khỏi nguồn điện (không dùng tay không, đi chân đất gỡ dây điện). Kiểm tra ngay mạch, nhịp thở và tiến hành ngay hà hơi thổi ngạt - ép tim ngoài lồng ngực (không được vận chuyển). Chuyển nạn nhân tới cơ sở y tế gần nhất khi đã thở và tim đập trở lại.

Bỏng hoá chất: Nhanh chóng đưa nạn nhân khỏi tiếp xúc với tác nhân gây bỏng. Ngâm rửa vùng bỏng bằng nước sạch càng sớm càng tốt (không dùng nước nếu bỏng do các hợp chất hữu cơ nhôm, natri, liti kim loại; không dùng nước ấm; thời gian ngâm rửa từ 30 đến 60 phút). Trung hoà tác nhân gây bỏng bằng axit nhẹ với bỏng kiềm và kiềm nhẹ với bỏng axit. Che phủ tạm thời vết bỏng và bù nước điện giải sau bỏng. Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất.

6. Hô hấp nhân tạo

a) **Mục tiêu:** HS thực hiện được các phương pháp hô hấp nhân tạo, nhất là phương pháp ép tim ngoài lồng ngực - thổi ngạt.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát hình 12.9 trong SGK và trả lời câu hỏi:

+ Những nguyên nhân nào gây ra ngạt thở?

GV gọi 2-3 HS trả lời, HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung về nguyên nhân ngạt thở.

Gợi ý: Nguyên nhân gây ngạt thở có thể do đuối nước, do bị vùi lấp, do khí độc, do điện giật, do ứ tắc đường hô hấp trên.

+ Làm thế nào để nhận biết một người bị ngạt thở và cách xử lý?

GV gọi 2-3 HS trả lời, HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung về triệu chứng ngạt thở và biện pháp xử lý.

Gợi ý: Triệu chứng ngạt thở: Hoạt động hô hấp ngừng hoàn toàn, lồng ngực và thành bụng bất động, sắc mặt trắng nhợt hoặc tím tái, các chi giá lạnh, mạch sờ không thấy, tim ngừng đập.

Cách xử lý: Phương pháp hô hấp nhân tạo gồm phương pháp ép tim ngoài lồng ngực, thổi ngạt; phương pháp Nin-sen (Nielsen); Xen-vetstơ (Sylvester),...

- GV sử dụng một HS giả làm nạn nhân và vận dụng phương pháp làm mẫu để giới thiệu kỹ thuật ép tim ngoài lồng ngực - thổi ngạt (hình 12.9 trong SGK).

7. Kỹ thuật chuyển thương

a) **Mục tiêu:** HS thực hiện được kỹ thuật chuyển thương.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin, quan sát từ hình 12.10 đến 12.12 trong SGK và trả lời câu hỏi:

+ Mục đích và yêu cầu chuyển thương là gì?

GV gọi 2-3 HS trả lời, HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung về mục đích và yêu cầu chuyển thương.

Gợi ý: Mục đích chuyển thương nhằm nhanh chóng đưa người bị thương đến nơi an toàn, đến cơ sở y tế để điều trị kịp thời.

Yêu cầu chuyển thương: Nhanh chóng chuyển người bị thương đến nơi an toàn, cơ sở y tế; phương pháp chuyển người bị thương phải thích hợp với yêu cầu của vết thương (người bị thương gãy xương đùi, tổn thương cột sống phải được vận chuyển bằng cáng cứng, người có garô phải được nối garô trên dọc đường vận chuyển).

+ Kỹ thuật thực hiện các phương pháp chuyển thương nêu trên như thế nào?

Trước khi giới thiệu kỹ thuật chuyển thương, GV gọi 2 - 3 HS tự thực hiện các động tác bế, vác người bị thương theo hình 12.10 và 12.11 trong SGK (một người giả làm người bị thương).

GV vận dụng phương pháp làm mẫu (sử dụng đội mẫu được bồi dưỡng trước) để giới thiệu kỹ thuật chuyển thương.

Gợi ý:

* **Bế người bị thương:**

Vận dụng: Áp dụng khi vận chuyển trên quãng đường ngắn, người bệnh không tổn thương cột sống, không gãy xương chi dưới và không có tổn thương cần bất động khác.

Kỹ thuật: Nhẹ nhàng đặt người bị thương ở tư thế nằm ngửa. Người vận chuyển tiếp cận ngang người của người bị thương (thường tiếp cận bên không bị tổn thương) ở tư thế quỳ chân thấp, chân cao (chân phía dưới người bị thương quỳ thấp, chân phía đầu người bị thương quỳ cao). Người vận chuyển luôn tay trên dưới nách, sau lưng sang nách bên đối diện của người bị thương, kết hợp tay phía dưới vòng qua người đỡ dưới nách đối diện của người bị thương; đỡ người bị thương ngồi dậy, cho lưng người bị thương dựa vào đùi của chân quỳ cao. Tay dưới của người vận chuyển luôn qua khoeo chân người bị thương, gấp đùi người bị thương vào sát bụng; kết hợp hai tay nâng người bị thương lần lượt lên đùi thấp, đùi cao của người vận chuyển, rồi dồn sức bế người bị thương đứng dậy. Di chuyển về nơi an toàn và đưa người bị thương xuống (làm ngược lại so với kỹ thuật bế người bị thương).

* **Vác người bị thương:**

Vận dụng: Không áp dụng cho người tổn thương xương cột sống, gãy xương khác (trừ xương nhỏ), các vết thương ngực, bụng mà khi cố gắng gây biến chứng, đau đớn cho người bị thương.

Kỹ thuật: Nhẹ nhàng đặt người bị thương ở tư thế nằm ngửa, tách hai chân, hai tay người bị thương sang hai bên thân mình; người vận chuyển tiếp cận từ phía dưới chân người bị thương, chân thuận bước lên đặt bàn chân sát bên nạn nhân; chân không thuận bước lên đặt bàn chân sát nách nạn nhân (hình 12.1 la). Người vận chuyển hạ thấp trọng tâm, luôn hai tay qua nách xuống dưới vai người bị thương, nâng nạn nhân ngồi dậy, kết hợp thu chân trước về sau đỡ nạn nhân đứng dậy (ngã người cho người bị thương dựa vào người vận chuyển). Người vận chuyển tay trên nắm một tay người bị thương đồng thời xoay người, hạ thấp trọng tâm, luôn tay dưới luôn qua háng, ghé vai sát khớp mu, cho thân nạn nhân dựa lên hai vai, một tay chống gối, dồn sức vác người bị thương đứng dậy (hình 12.11b, c). Người vận chuyển di chuyển đưa nạn nhân tới nơi an toàn, rồi hạ người bị thương xuống ngược lại với lúc vác lên.

* **Chuyển thương bằng cáng:**

Đặt người bị thương lên cáng: Đặt cáng bên cạnh người bị thương; hai người chuyển thương quỳ bên cạnh người bị thương về phía đối diện với cáng và luôn tay dưới người bị thương nhấc từ từ và đặt lên cáng; buộc dây cáng.

Cáng người bị thương: Khi cáng trên đường bằng, hai người cáng thương cần tránh đi đều nhau để cáng khỏi lắc lư. Người đi trước phải giữ tốc độ đều đặn, báo cho người đi sau biết những chỗ khó đi để tránh. Khi cáng trên đường dốc, phải cố gắng giữ cho đòn cáng thẳng bằng hoặc đầu người bị thương hơi cao hơn chân. Khi cáng lên dốc, phải cho đầu đi trước, khi cáng xuống dốc phải cho đầu đi sau.

Hoạt động 3. Luyện tập

a) **Mục tiêu:** HS củng cố kiến thức đã học vào thực hành các kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

- GV phổ biến nội dung và thời gian luyện tập. Hướng dẫn phương pháp luyện tập các nội dung.

+ Luyện tập cá nhân:

Các tai nạn thông thường và sơ cứu bỏng: Từng người tự nghiên cứu và trình bày các biện pháp cấp cứu và đề phòng các tai nạn (bong gân; sai khớp; điện giật; đuối nước; ngất; rắn cắn; say nắng, say nóng và cách sơ cứu bỏng).

Kỹ thuật băng vết thương, cầm máu tạm thời, cố định xương gãy, hô hấp nhân tạo và chuyển thương: Từng người tự nghiên cứu các kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương.

+ Luyện tập theo nhóm:

Các tai nạn thông thường và sơ cứu bỏng: Mỗi nhóm 3-5 người thay nhau trình bày các nội dung. Quá trình luyện tập góp ý, bổ sung cho nhau.

Kỹ thuật băng vết thương, cầm máu tạm thời, cố định xương gãy, hô hấp nhân tạo và chuyển thương:

Tùy theo điều kiện bảo đảm để GV chia nhóm 3-5 người, trong từng nhóm thay nhau ở các vị trí (nạn nhân, người cấp cứu, người kiến tập) luyện tập cho đến khi thành thạo các kỹ thuật: Băng vết thương, cầm máu tạm thời, cố định gãy xương, hô hấp nhân tạo và chuyển thương.

- GV tổ chức các hình thức luyện tập: Cá nhân, nhóm.

- GV duy trì, theo dõi và sửa tập cho HS.

- GV xoay vòng luyện tập các nội dung.

Lưu ý: GV có thể tổ chức luyện tập cuốn chiếu theo từng đơn vị kiến thức hoặc giới thiệu xong nội dung toàn bài thì tổ chức luyện tập sao cho phù hợp và hiệu quả.

Hoạt động 4. Vận dụng

a) **Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b) **Nội dung — tổ chức thực hiện**

Câu 1: GV hướng dẫn HS: Em tự mình hay kêu gọi người khác đến cứu người đuối nước. Đưa nạn nhân vào bờ bằng cách nào? Các biện pháp thực hiện sau khi đưa nạn nhân lên bờ là gì?

Câu 2: GV hướng dẫn HS: Có những biện pháp nào để giúp bạn cầm máu? Có phải băng bó vết thương hay không? Sử dụng gì để băng vết thương? Đưa bạn đến đâu và đưa bằng cách nào sau khi băng bó?

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: PHẠM VĨNH THÔNG

Biên tập mỹ thuật: BÙI QUANG TUẤN

Thiết kế sách: TẠ XUÂN PHƯƠNG

Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA

Minh họa: BÙI QUANG TUẤN

Sửa bản in: PHẠM VĨNH THÔNG - NGUYỄN THỊ HÀ

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 10 - Sách giáo viên

Mã số: G3HGXP001A22

In bản, (QĐ) khổ 19x26.5cm

Đơn vị in: địa chỉ

SỐ ĐKXB: 1051-2022/CXBIPH/3-645/GD

Số QĐXB: /QĐ -GD-HN ngày tháng năm 2022

In xong nộp lưu chiểu tháng ... năm 2022

Mã số ISBN: 978-604-0-32661-4